

# HOA NGHIÊM KINH THẨM HUYỀN KÝ

## QUYỂN 3

### Phẩm 2: LÔ XÁ NA PHẬT

Từ đây trở xuống là trình bày về phần Chánh tông. Giải thích văn này theo bốn môn phân biệt:

- 1) Giải thích tên gọi.
- 2) Ý đưa ra.
- 3) Tông thú.
- 4) Giải thích văn.

**1. Phần một trong giải thích tên gọi:** Lô-xá-na, xưa nay dịch hoặc nói là Tam Nghiệp Mãn, hoặc nói là Tịnh Mãn, hoặc nói là Quảng Bác Nghiêm Tịnh, nay trải qua so sánh Phạm bản nói đầy đủ là Tỳ Lô Giá Na. Lô-xá-na, Trung Hoa dịch là Quang Minh Chiếu; Tỳ, Trung Hoa nói là Biến, thì gọi là Quang Minh Biến Chiếu.

Trong này, Quang Minh có hai loại: Một là Trí quang, hai là Thân quang. Trí quang cũng có hai nghĩa: Một là chiếu rọi pháp, nghĩa là Chân-Tục đều soi chiếu; hai là chiếu rọi cơ, nghĩa là ứng với tất cả các phẩm loại. Thân quang cũng có hai loại: Một là Thường quang, nghĩa là viên minh vô ngại; hai là Phóng quang, nghĩa là dùng ánh sáng làm cho kinh hải tỏ ngộ.

Trong này, Biến (khắp nơi) cũng có hai loại: Một là Bình mạn biến, bởi vì vô ngại rộng khắp; hai là Trùng trùng biến, bởi vì như lưới giăng của Đế Thích hiện bày lớp lớp. Hai loại này viên dung, đều khắp nơi toàn Thể chứ không phải là khắp nơi từng phần. Vì vậy văn sau nói: Thân Phật đầy khắp các pháp giới, hiện khắp trước tất cả chúng sinh. Như vậy đều vô lượng như văn đã nói. Trong này Thân-Trí vô ngại bởi vì Thân quang tức là Trí quang, hai Biến vô ngại bởi vì Bình Biến tức là Trùng Trùng, Quang Biến vô ngại bởi vì Quang Minh tức là Biến Chiếu. Tánh biến chiếu mở bày giác ngộ, cho nên gọi là Phật. Đây là trình bày về những sự việc như thế giới hải... ở văn sau, mỗi một loại đều là xứng tánh duyên

khởi vô ngại, lia xa tối tăm giác ngộ soi chiếu gọi là Quang, tất cả đều rộng khắp pháp giới gọi là Biến. Phật Xá-na này không phải là hạn chế trong Báo thân, bởi vì gồm chung ba loại thế gian như Khí..., cho nên có đủ mười thân.

Hỏi: Như trong văn sau sơ lược trình bày về năm Hải, mở rộng phân rõ về thế giới, vì sao không nói là phẩm Thế Giới mà lại đề tên gọi của Phật?

Đáp: Cổ đức giải thích rằng: “Bởi vì thuận theo chủ làm tên gọi, bởi vì chủ vốn là thù thắng, cho nên nêu ra chủ của độ để nói về điều đó.” Nay giải thích: Bởi vì Phật nói thông cả ba thế gian. Độ... ở văn sau tức là Phật Xá-na, như thân quốc độ trong mười thân. Lại bởi vì y-chánh vô ngại cho nên nêu ra để giải thích, đưa ra văn làm đẹp lẫn nhau mà thôi. Lại bởi vì Phật hải trong năm Hải đã có đủ bốn Hải còn lại, những loại khác cũng như vậy. Bởi vì Phật là thù thắng, do đó riêng biệt nêu ra làm quy phạm, cho nên lấy làm tên gọi của phẩm, còn lại thì không nói đến.

**2. Ý đưa ra.** Trước đã nói về phần Tựa rồi, tiếp theo hiển bày về nghĩa của Chánh tông, bởi vì theo thứ tự, cho nên tiếp theo đưa ra.

**3. Tông thú.** Tông thú có hai: 1) Dựa theo người; 2) Dựa theo pháp. Người cũng có hai: 1) Hóa chủ; 2) Trợ hóa. Tất cả đều có Thể-Tướng-Dụng. Trong Hóa chủ, nội chứng pháp trí là Thể, bầy ngày tư duy về giải thoát là Tướng, gia hộ thuyết giảng là Dụng. Ba loại này không hai mà chỉ là một quả. Trong Trợ hóa, nhập Định là Thể, được gia hộ là Tướng, xuất Định thuyết giảng là Dụng, ba loại này không hai mà chỉ là một nhân. Nhân quả trên đây dung hòa thấu nhiếp không hai mà chỉ là một người. Trong pháp cũng có hai: 1) Dựa theo nghĩa lý; 2) Dựa theo giáo sự, cũng đều có nghĩa về Thể-Tướng-Dụng. Trong nghĩa lý, tánh hải là Thể, đức riêng biệt là Tướng, thích ứng với giáo là Dụng, ba loại này không hai mà chỉ một nghĩa lý. Trong giáo sự, năm Hải-mười Trí trong phần căn bản là Thể, mười thế giới và Hoa Tạng giới là Tướng, lợi ích cho căn cơ là Dụng, ba loại này không hai mà làm thành một giáo sự. Giáo-nghĩa trên đây dung hòa thấu nhiếp không hai mà làm thành một pháp. Lại nữa, người và pháp trên đây lại viên dung không hai mà làm thành một tông thú. Bốn nghĩa này đều có ba mà làm thành một duyên khởi, ngay trong nhau vô ngại. Do đó, hoặc chỉ là Quả bởi vì cùng là Phật, hoặc chỉ là Nhân bởi vì cùng là Phổ Hiền; hoặc là Giáo, hoặc là Nghĩa, hoặc là Người, hoặc là Pháp, hoặc là Thể, hoặc là Dụng, hoặc là Chủ-Thể, cho đến hoặc là Giáo-Dụng, đều hoàn toàn

thâu nhiếp hết, dựa theo suy nghĩ có thể thấy, Tông của các Hội sau đều có tướng này, chỉ tùy theo pháp khác nhau mà thôi.

**4. Trong giải thích văn có hai:** Một, gồm chung phân rõ về phương tiện sinh giải-phạm vi giải thích trong kinh luận; hai, riêng biệt giải thích văn kinh.

**Trong phần một tóm lược có mười loại phương tiện:** 1) Giải thích quyết trạch; 2) Thích văn phương quĩ; 3) Bốn loại Tất-đàn; 4) Bốn ý thú; 5) Bốn bí mật; 6) Bốn đạo lý; 7) Năm lược; 8) Sáu tướng; 9) Sáu thích; 10) Tám thanh.

1. *Giải thích quyết trạch:* Theo Tập Tập luận quyển thứ 15 nói: “Giải thích về Quyết trạch, nghĩa là có thể giải thích về tông yếu của các kinh, mở rộng về nghĩa lý ấy.” Đối chiếu nói rằng trong đó tóm lược tách ra sáu loại, mở rộng có mười bốn loại, đầy đủ như luận ấy nói. Nay sơ lược nêu ra một môn. Luận nói: Nhiếp thích môn, nghĩa là nếu ở nơi này nói về nguyên cố duyên khởi-câu nghĩa theo thứ tự-ý thú giải thích chỗ khó hiểu của các kinh. Đối chiếu nói rằng nguyên cố duyên khởi là hiển bày về nhân đã phát khởi của giáo, câu nghĩa theo thứ tự là văn nghĩa của Phẩm-Hội sinh khởi lẫn nhau theo thứ tự, ý thú là hiển bày về tông thú của kinh, giải thích chỗ khó hiểu là giải thích về những vấn nạn làm trở ngại từ bên ngoài. Còn lại như luận ấy sợ rằng vừa nhiều vừa rối cho nên không thuật ra.

2. *Thích văn phương quĩ:* Nhiếp Luận quyển thứ năm nói: “Nếu có người muốn soạn ra giải thích về pháp Đại thừa, thì sơ lược căn cứ vào ba tướng thích hợp để soạn ra giải thích: 1) Căn cứ vào duyên khởi mà nói; 2) Căn cứ vào pháp tướng thuận theo duyên đã sinh khởi mà nói; 3) Căn cứ vào ngữ nghĩa mà nói.” Vô Tánh giải thích rằng: “Bởi vì muốn nói rõ cho những người soạn ra giải thích biết về đạo lý giải thích, cho nên nói là sơ lược căn cứ vào ba tướng... mà nói.” Thế Thân giải thích rằng: “Căn cứ vào ba tướng này tùy theo sự thích hợp mà soạn ra giải thích về tất cả các pháp Đại thừa.” Đối chiếu nói rằng một là căn cứ vào mở rộng nói về tự tánh duyên khởi là chỗ dựa căn bản, tức là A-lại-da Thức cùng với các pháp làm duyên khởi lẫn nhau. Hai là dựa vào các pháp chuyển Thức đã sinh khởi này từ trên đạo lý của ba tánh phân biệt, nghĩa là Y tha đã chấp là không có, Viên thành là có, đạt được-không đạt được, thấy-không thấy cùng lúc..., như luận giải thích đầy đủ. Hai môn này quán xét về đạo lý giải thích. Ba là căn cứ vào ngữ nghĩa mà nói, nghĩa là hiển bày ý nghĩa sau lời Đức Phật nói, điều này có hai loại: 1- Đức xứ, nghĩa là hiển bày về hai mươi một loại công đức

thù thắng của Phật quả. Vô Tánh giải thích rằng: “Đã đạt được thuộc về mình, viên mãn thêm nhiều lợi ích, cho nên gọi là Đức.” 2-Nghĩa xứ, đó là hiển bày về ba mươi hai hành tướng của Bồ-tát. Vô Tánh giải thích rằng: “Chưa đạt được thuộc về mình, tùy thuận hưởng đến mong cầu, cho nên gọi là Nghĩa.” Hai loại đã nói này đều lấy câu đầu để nêu ra, những câu còn lại là giải thích. Đây là quán xét về ý của người nói mà giải thích.

3. *Bốn loại Tất-đàn*: Trí Luận quyển thứ nhất nói: “Có bốn Tất-đàn, tổng quát thấu nhiếp tất cả mười hai bộ kinh, tám vạn bốn ngàn pháp tạng, tất cả đều là thật chứ không có gì trái ngược nhau.

Một, Thế giới Tất-đàn: Pháp có từ nhân duyên hòa hợp mà có, không có tánh riêng biệt, ví như chiếc xe do cang-trục-nan-vành... hòa hợp mà có, chứ không có chiếc xe riêng biệt. Con người cũng như vậy, năm chúng hòa hợp mà có, chứ không có con người riêng biệt. Nếu không có Thế giới Tất-đàn thì Đức Phật là người nói lời chân thật, tại sao nói Ta dùng Thiên nhãn thấy các chúng sinh tùy theo nghiệp thiện ác, chết nơi này-sinh nơi kia? Nên biết là người bỏi vì Thế giới Tất-đàn cho nên không phải là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Hai, tất cả đều là Vị nhân Tất-đàn: Quán xét tâm hành của người để mà thuyết pháp, ở trong một pháp, hoặc nghe hoặc không nghe, như vì người Đoạn kiến nói về nghiệp xen tạp cho nên sinh vào thế gian xen tạp, đạt được Xúc xen tạp, đạt được Thọ xen tạp; như vì người Thường kiến nói về không có người đạt được Xúc, không có người đạt được Thọ...

Ba, Đối trị Tất-đàn: Đối trị thì có, Thật tánh thì không có; như chua mặn... đối với bệnh phong thì gọi là thuốc, đối với những bệnh khác thì không phải là thuốc; Bất tịnh... đối với Tham... cũng như vậy.

Bốn, Đệ nhất nghĩa Tất-đàn: Tất cả pháp tánh, tất cả ngôn luận sai biệt, thấy đều bình đẳng một vị như nhau.”

**Giải thích:** Hoặc dựa theo Thế giới nói là có, Thắng nghĩa là không có, nói như loại thứ nhất; hoặc Thắng nghĩa là có, Thế giới là không có, nói như loại thứ tư; hoặc đối với cơ khác nói là có, đối với cơ còn lại nói là không có, nói như loại thứ hai; hoặc chữa trị bệnh này là quan trọng, đối với bệnh khác là không phù hợp, nói như loại thứ ba. Điều cần phải đạt được chủ ý ấy, thì pháp đều có tác dụng; thuận theo lời nói tùy tiện chọn lấy, không được như ý trở thành phỉ báng.

4. *Bốn ý thú*: Tạp Tập luận quyển thứ 12 nói: “Bởi vì bốn ý thú này, cho nên trong phần Phương Quảng, ý thú vốn có của tất cả Như

Lai, thích ứng tùy theo quyết định rõ ràng.” Lại trong Trang Nghiêm luận quyển thứ 13 nói: “Chư Phật thuyết pháp không lìa xa bốn ý.” Nhiếp Luận quyển thứ năm nói: “Dùng pháp này để quyết định rõ ràng tất cả ngôn giáo của chư Phật.”

Một, Bình đẳng ý thú, nghĩa là như nói rằng: Xưa Ta đã từng ở thời gian ấy-phạm vi ấy, tức là tên gọi Thắng Quán Chánh Đẳng Giác Giả. Vô Tánh giải thích rằng: “Nghĩa là tất cả chư Phật, bởi vì tư lương... tương tự lẫn nhau, cho nên nói vị ấy tức là Ta, không phải là Phật Tỳ-bà-thi xưa kia tức là Thích-ca ngày nay.” Trong kinh Lăng Già giải thích dựa theo bốn nghĩa: 1) Văn tự như nhau; 2) Lời nói như nhau; 3) Thân như nhau; 4) Pháp như nhau. Vì thế cho nên nói tức là vị ấy, nhưng thật ra không phải là vị ấy.

Hai, Biệt thời ý thú, nghĩa là như nói rằng: Nếu người tụng danh hiệu Đa Bảo Như Lai, thì đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã được quyết định, lại bởi vì chỉ có phát nguyện, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Vô Tánh giải thích rằng: “Đó là khuyến khích những người học lười nhác không có thể thường xuyên chịu khó đối với pháp, cho nên đưa ra lời nói như vậy.” Ý này là nuôi lớn thiện căn trước đây, như thế gian nói chỉ nhờ vào một đồng tiền mà có được một ngàn đồng. Trang Nghiêm luận giải thích: “Đây là bởi vì thời gian khác mà được sinh.” Giải thích rằng: Sau này trong thời gian khác mà có được một ngàn ấy.

Ba, Biệt nghĩa ý thú, nghĩa là như nói rằng: Nếu đã gặp được và phụng thờ Hằng hà sa đấng chư Phật như vậy, thì đối với nghĩa của pháp Đại thừa mới có thể giải thích được. Vô Tánh giải thích ý dựa theo Chứng tướng Đại thừa, không dựa vào Giáo tướng Đại thừa, cho nên đưa ra lời nói như vậy. Trang Nghiêm luận nói: “Như Đức Phật nói tất cả các pháp vốn không có tự tánh, vốn vô sinh.” Giải thích rằng: Đây là dựa theo chứng Vô sinh mà nói.

Bốn, Bồ-đặc-già-la ý lạc ý thú, nghĩa là như vì một người trước tiên ca ngợi Bồ thí, sau đó trở lại chê bai. Thi-la và một phần tu, nên biết cũng như vậy. Vô Tánh giải thích rằng: “Trước vì người tham lam keo kiệt mà ca ngợi Bồ thí, sau vì người ưa thích Bồ thí mà chê bai Bồ thí, còn lại Giới-Tu cũng như vậy”. Trang Nghiêm luận nói: “Bởi vì có được chút ít pháp thiện liền cho là đủ, vì thế mà khen-chê”.

5. *Bốn bí mật*: Tạp Tập luận nói: “Bốn loại như vậy ở trong Đại thừa, sơ lược thấu nhiếp tất cả đạo lý bí mật mà Như Lai đã thuyết”. Lương Nhiếp luận quyển thứ sáu nói: “Như Lai đã thuyết không ra

ngoài bốn ý về Tứ Y, Y tức là Mật”. Vô Tánh Nhiếp Luận quyển thứ năm nói: “Bốn loại ý thú, bốn loại bí mật, tất cả lời Đức Phật nói, nên tùy theo quyết định rõ ràng”.

Một, khiến cho tiến vào bí mật, vì giáo hóa hữu tình sợ hãi pháp đoạn, dựa vào đạo lý thế tục, ở trong Thanh văn thừa nói có các hữu tình như Hóa sinh..., ở trong Đại thừa nói về tâm Thường... Đây là đối với Đại-Tiểu thừa nói có người và pháp, đều là bí mật. Trang Nghiêm luận nói: «Nên biết khuyên dạy các Thanh văn tiến vào nghĩa của pháp, khiến cho có thể không sợ hãi, cho nên nói Sắc... là có”.

Hai, tướng bí mật, nghĩa là ở nơi này nói về tướng của các pháp, hiển bày về ba Tự tánh. Vô Tánh giải thích rằng: “Vi khiến cho tỏ ngộ hòa vào tướng đã nhận biết”. Giải thích rằng: Đây tuy là nói về pháp tướng, mà ý hiển bày về ba Vô tánh, cho nên là Mật. Lại trong Trang Nghiêm luận nói: “Nên biết đối với ba loại Tự tánh như phân biệt, tự tánh thanh tịnh không có Thể-không có dấy khởi mà nói về tất cả các pháp”. Giải thích rằng: Đây tuy nói về ba Tánh, mà ý hiển bày về ba Vô tánh, như thứ tự có thể biết.

Ba, đối trị bí mật, nghĩa là ở nơi này nói về tám vạn bốn ngàn hạnh đối trị. Giải thích rằng: Nghĩa là đối với không có thì nói về có, đối với giống nhau thì nói về khác nhau..., đều là ý bí mật. Bởi vì đối trị chướng ngại của hữu tình đã hóa độ, cho nên nói về tám vạn bốn ngàn pháp môn này.

Bốn, chuyển biến bí mật, nghĩa là như tụng nói: Hiểu không cứng là cứng, khéo trú vào điên đảo, đến tận cùng phiền não, chứng Vô thượng Bồ-đề. Vô Tánh giải thích rằng: “Cứng rắn tản mát khắp nơi cho nên gọi là cứng, không phải là cứng này cho nên gọi là không cứng, tức là điều hòa mềm mại không có gì tán loạn, Định tức là từ trong này khởi lên Tuệ kiên cố hiểu rõ về điều ấy là cứng”. Giải thích rằng: Tâm phân tán lưu động hiển bày gọi là không vững chắc, tâm phân tán cứng rắn dựa vào bí mật gọi là vững chắc. Định tâm giữ lấy cảnh hiển bày gọi là vững chắc, Định tâm điều hòa mềm mại bí mật gọi là không vững chắc. Nếu chọn lấy hiển bày rõ ràng, đối với tán loạn khởi lên Tuệ kiên cố, thì cách xa Bồ-đề. Nay chọn lấy bí mật, đối với Định tâm khởi lên Tuệ kiên cố, thì đạt được Bồ-đề. Vô Tánh nói: “Nghĩa là đối với bốn điên đảo, khéo léo có thể an trú biết là điên đảo, quyết định không có lay động”. Giải thích rằng: Nếu chọn lấy hiển bày rõ ràng thì trú ở trong bốn điên đảo như Vô thường... chấp là Thường..., lẽ nào đạt được Bồ-đề? Nay chọn lấy bí mật, nhận biết về Thường... này đối với Vô

thường... vượt qua suy nghĩ mà khởi lên, quyết định nhận biết điều này gọi là khéo léo trú vào điên đảo, cho nên có thể đạt được Bồ-đề. Và lại, Thế Thân giải thích rằng: “Là ở trong thụ động điên đảo-chủ động điên đảo, khéo léo an trú đối với nghĩa, đối với Vô thường... nói là Thường... gọi là thụ động điên đảo, đối với Vô thường... nói là Vô thường... là chủ động điên đảo. Nghĩa này thì trái với nghĩa đã chấp kia, gọi là chủ động điên đảo, quay về đây an trú cho nên đạt được Bồ-đề”. Nói đến tận cùng phiền não, Vô Tánh giải thích rằng: “Bởi vì hữu tình đã hóa độ mà tinh tiến vất vả làm cho mệt nhọc rã rời”. Giải thích rằng: Nếu chọn lấy hành giả hiển bày rõ ràng vì tham-sân... làm cho não loạn, gọi là phiền não, thì đây là cách xa Bồ-đề; nay chọn lấy hành giả bí mật tinh tiến chịu khó chịu khổ mệt nhọc rã rời, cũng gọi là phiền não, thì đây là đạt được Bồ-đề, như tụng: Ở lâu trong sinh tử phiền não, chỉ bởi vì đối với Đại Bi. Nhiếp Luận đời Lương Ngụy và Trang Nghiêm luận-Đối Pháp luận... của Thế Thân đều dựa theo có thể biết.

6. *Bốn loại đạo lý*: Tập Tập quyển thứ 11, bởi vì phân rõ về những pháp quán sát khế kinh..., thuận theo nên giải thích về đạo lý của các pháp. Đạo lý có bốn: 1) Đạo lý về Quán Đãi; 2) Đạo lý về Tác Dụng; 3) Đạo lý về Chứng Thành; 4) Đạo lý về Pháp Nhĩ. Đối chiếu nói rằng: 1) Quán Đãi có hai: Một là Tục đế duyên khởi cần phải đối đãi nhau mà sinh khởi, vì vậy gồm chung nhiễm tịnh; hai là Lý của Chân đế, đối đãi hiển bày về Liễu Nhân, loại này chỉ dựa theo tịnh. 2) Tác Dụng cũng có hai: Một là các pháp duyên khởi đều có nghiệp dụng; hai là Chân như pháp giới dựa vào tác dụng như duy trì... 3) Chứng Thành cũng có hai: Một là Tỷ lượng thành lập; hai là Hiện lượng thành lập. 4) Pháp Nhĩ cũng có hai: Một là các pháp duyên khởi có Phật tánh-không có Phật tánh đều thuận theo duyên khởi; hai là Chân như pháp giới tánh tự bình đẳng.

7. *Năm lực*: Kinh Tư Ích quyển thứ hai nói: “Nếu như người có thể đối với văn tự ngữ ngôn chương cú mà Như Lai đã thuyết ra, thông đạt tùy thuận không trái không nghịch, hòa hợp làm một tùy theo nghĩa lý ấy, không tùy theo chương cú ngôn từ, mà khéo léo nhận biết về tương thích hợp của ngôn từ, nhận biết Như Lai dùng ngữ ngôn nào để thuyết pháp, dùng tùy nghi nào để thuyết pháp, dùng phương tiện nào để thuyết pháp, dùng pháp môn nào để thuyết pháp, dùng Đại Bi nào để thuyết pháp. Phạm Thiên hay là Bồ-tát có thể nhận biết Như Lai dùng năm Lực này để thuyết pháp, thì Bồ-tát ấy có thể làm Phật sự”.

**Đối chiếu nói rằng**: Kinh sau theo thứ tự mở rộng giải thích: Một

là Ngôn thuyết, Như Lai thuyết về pháp ba đời, pháp cấu-tịnh, pháp thể-xuất thể, pháp lậu-vô lậu..., đều là ngôn thuyết như người huyễn nói bởi vì không có quyết định, cho đến nói rằng thuyết như hư không bởi vì không có sinh diệt. Nên biết ngôn thuyết này là không có gì thuyết, cho đến nói rằng đó gọi là ngôn thuyết của Như Lai. Hai là Tùy nghi, Như Lai có lúc đối với pháp cấu nhiễm mà thuyết về thanh tịnh, bởi vì người không đạt được tánh của pháp cấu nhiễm; có lúc đối với pháp thanh tịnh mà thuyết về cấu nhiễm, bởi vì người tham đắm theo pháp thanh tịnh; cho đến nói rằng sinh tử là Niết-bàn, bởi vì người không lui sụt-không sinh khởi; Niết-bàn là sinh tử, bởi vì người tham trước; thật ngữ là hư vọng, bởi vì người sinh khởi ngữ kiến; hư vọng là thật ngữ, bởi vì người tăng thượng mạn. Bởi vì Như Lai tùy nghi, cho nên có lúc tự nói Ta là người thuyết về Thường biên, cho đến nói rộng ra. Ba là Phương tiện, Như Lai thật không phải ngã-nhân-chúng sinh-thọ giả, cũng không phải bố thí, cũng không phải keo kiệt..., cho đến phương tiện vì các chúng sinh khen ngợi nói về bố thí cảm được giàu có..., cho đến nói rộng ra. Bốn là Pháp môn, nghĩa là các pháp như sáu căn... đều là giải thoát môn, bởi vì Không-Vô ngã sở vốn là tánh tự nhiên như vậy, cho đến văn tự cũng như vậy. Năm là Đại Bi, Đức Phật dùng ba mươi hai loại Đại Bi, nghĩa là tất cả các pháp Vô ngã, nhưng chúng sinh không tin-không hiểu, Như Lai từ đây mà khởi tâm Đại Bi..., cho đến nói rộng ra.

**Đối chiếu nói rằng:** Năm loại trên đây, một là dựa theo Năng thuyết, bởi vì nói là không nói mà nói; hai là dựa theo Sở thuyết, nghĩa là bởi vì pháp tùy theo mê-ngộ mà phân rõ về đúng sai; ba là dựa theo cơ đã làm, bởi vì phương tiện khéo léo đối với không có mà nói về có; bốn là dựa theo tự Thể của pháp, bởi vì vốn có tự Không là giải thoát môn; năm là dựa theo tâm của năng thuyết, bởi vì thương xót chúng sinh mê mờ mà khởi tâm thuyết pháp.

8. *Sáu tướng:* Thập Địa luận quyển thứ nhất nói: “Tất cả mười câu đã nói đều có sáu loại tướng môn: 1-Tổng tướng; 2-Biệt tướng; 3-Đồng tướng; 4-Dị tướng; 5-Thành tướng; 6-Hoại tướng.» Giải thích đầy đủ như trong phẩm Thập Địa ở sau.

9. *Sáu thích, cũng gọi là Lục Hợp Thích:* 1) Y chủ thích, cũng gọi là Y Sĩ, nghĩa là hai pháp hướng về nhau, nương theo chủ ấy mà lập ra tên gọi này. Như nói Nhân thức, không phải Nhân tức là Thức, bởi vì dựa vào Thức của Nhân mà gọi là Nhân thức. Nếu rời xa ngôn từ thì Nhân là nghĩa về có năng lực trông thấy, Thức là nghĩa về phân biệt rõ ràng. Nay ở đây hợp lại phân rõ cho nên gọi là Hợp thích. Nếu chỉ riêng



pháp làm tên gọi thì không phải là thuộc về sáu cách giải thích. 2) Trì nghiệp thích, cũng gọi là Đồng y thích, nghĩa là nêu ra nghiệp dụng ấy để hiển bày về tự Thể. Như nói Tạng thức, Tạng là nghiệp dụng, Thức là Thể của nó. Bởi vì Tạng tức là Thức, giữ lấy Dụng giải thích về Thể, không phải là Thể riêng biệt dựa vào nhau. Đã không phải là hai pháp, thì sao gọi là Hợp thích? Bởi vì Thể-Dụng không lìa nhau cho nên gọi là Hợp. 3) Hữu tài thích, cũng gọi là Đa tài thích, nghĩa là thuận theo vật vốn có để lập ra tên gọi ấy. Như nói Phật độ, Độ là vốn có của Phật cho nên gọi là Phật độ. 4) Tương vi thích, nghĩa là như trong một câu có nhiều tên gọi-ngôn từ, nghĩa giải thích khác nhau. Như kệ nói: Đối với Phật và Pháp-Tăng... Không phải giống như Y chủ, Trì nghiệp... tuy có nhiều ngôn từ mà cùng biểu hiện một nghĩa. 5) Lân cận thích, nghĩa là thuận theo nơi gần mà lập ra tên gọi ấy. Như Tứ niệm xứ quán, thật ra lấy Tuệ làm Thể, nhưng bởi vì cùng với Niệm gần nhau cho nên gọi là Niệm Xứ. 6) Đối số thích, nghĩa là dùng số để hiển bày về nghĩa. Như nói Thập Địa..., đều từ số để hiển bày về nghĩa riêng biệt.

Hỏi: Sáu cách giải thích này thấu nhiếp toàn bộ các pháp hay không?

Đáp: Tất cả các pháp có được tên gọi, tóm lược có năm quy tắc: 1) Ly hợp mà được tên gọi, như sáu cách giải thích này. 2) Đương Thể của một pháp lập ra tên gọi, như Tín..., đây là dựa theo giải thích thẳng thắn. 3) Không có nơi khác mà chịu tên gọi, như Vô minh..., đây là dựa theo giải thích ngăn chặn. 4) Ví dụ tương tự mà được tên gọi, như Hoa Nghiêm..., từ ví dụ làm sáng tỏ tên gọi. 5) So sánh nhau để lập ra tên gọi, như Đại thừa so sánh với Tiểu thừa để lập ra tên gọi ấy... Vì vậy, sáu cách giải thích chỉ dựa vào môn thứ nhất. Nếu đối với sáu cách trước thêm vào bốn loại giải thích sau, thì tổng cộng là mười loại giải thích, tóm lược thấu nhiếp các pháp mà được tên gọi sai biệt.

*10. Tám thanh:* Theo pháp của các nước phía Tây, nếu muốn tìm đọc kinh sách nội-ngoại, thì cần phải hiểu rõ tám pháp chuyển thanh trong Thanh Luận, nếu không nhận biết rõ ràng thì chắc chắn không có thể nhận biết về phạm vi của văn nghĩa. Một, Bồ-lô-sa, đây là Trực chỉ trần thanh, như người chặt cây, chỉ nói đến người ấy. Hai, Bồ-lô-tư, là Sở tác nghiệp thanh, như chặt cây mà phát ra. Ba, Bồ-lô-tể-nã, là Năng tác cụ thanh, như do rìu chặt. Bốn, Bồ-lô-sa-da, là Sở vi thanh, như vì người chặt. Năm, Bồ-lô-sa-đa, là Sở nhân thanh, như bởi vì người mà làm nhà cửa... Sáu, Bồ-lô-sát-sa, là Sở thuộc thanh, như tôi tớ phụ thuộc vào chủ. Bảy, Bồ-lô-sát, là Sở y thanh, như khách dựa vào chủ. Du-già

quyển thứ hai, gọi bảy loại trên là bảy câu ví dụ, bởi vì đều là phát khởi hiểu rõ nhiều ví dụ. Bát chuyển trong Thanh Luận, lại thêm Khiết-bổ-lô-sa, là thanh Hộ triêu. Nhưng tám thanh này có ba loại của nó: 1) Nam thanh; 2) Nữ thanh; 3) Phi nam phi nữ thanh. Trên đây lại dựa theo Nam thanh mà nói, bởi vì tiếng Phạm gọi là đàn ông là Bồ-lô-sa. Nhưng tám thanh này lại đều có ba: 1) Thanh; 2) Thanh thân; 3) Đa thanh thân, tức là hai mươi bốn thanh. Như gọi đàn ông có hai mươi bốn, nữ và phi nam phi nữ thanh cũng nói là có hai mươi bốn, tổng cộng có bảy mươi hai loại thanh, để gọi tên các pháp, có thể dựa theo để biết, nhưng ở phương này (Trung Hoa) phần nhiều không có quy tắc này.

Thứ hai, giải thích văn kinh. Phẩm này có hai phần: Một, phần Đại chúng nghi ngờ thưa thỉnh; hai, từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là phần Như Lai ngay đó trả lời. Trong phần một phân hai: Trước là trình bày về các Hội thưa hỏi, sau là giải thích về văn này.

*Trong phần trước là các Hội thưa hỏi đưa ra bốn môn:*

1) Trình bày về có-không có, ở trong tám Hội, hai Hội đầu và hai Hội sau là có, các Hội còn lại đều không có. Vì sao như vậy? Đó là bởi vì Hội thứ nhất nêu ra quả phát khởi nhân cho nên hỏi. Hội thứ hai, đầu tiên bởi vì tìm theo nhân dẫn đến quả cho nên hỏi. Nhưng bởi vì phần vị của nhân lên cao-xuống thấp dựa vào năm Hội để đáp, phần vị của quả không sai khác cho nên đáp ngay Hội này. Nhưng năm Hội trung gian, trong các phẩm lại có những câu hỏi khác, đều là vì hiển bày tùy theo nói mà hỏi đáp về những sai biệt trong pháp đã nói ở Hội ấy, không phải là hỏi riêng biệt về tướng thuộc phần vị của Đại. Trong Hội thứ bảy trình bày về nhân quả thuần thực cho nên có hỏi, đó là sáu phần vị hành tu vô ngại nhanh chóng thành tựu, cho nên đáp ngay trong Hội ấy. Trong Hội thứ tám trình bày về nhân quả xứng tánh cho nên có hỏi, đó là cùng tiến vào pháp giới vô sai biệt, cho nên cũng đáp ngay trong hội ấy.

2) Pháp đã hỏi không giống nhau, Hội thứ nhất-Hội thứ tám chỉ riêng phần quả có nhân, nhưng đã tin tưởng nhiếp hóa là khác. Hội thứ hai-Hội thứ bảy chỉ riêng phần nhân có quả, nhưng phần vị thực hành là khác.

3) Người chủ động hỏi không giống nhau, Hội thứ nhất và Hội thứ tám đều có đủ hai chúng đồng-dị cùng hỏi, bởi vì chúng cùng dựa vào pháp đã hỏi. Hội thứ hai chỉ có chúng Đồng sinh hỏi, bởi vì Đồng sinh đã tiến vào phần vị thù thắng. Hội thứ bảy chỉ một người hỏi, bởi vì trình độ của hạnh tu tập thành tựu khác nhau.

4) Nghi thức thưa hỏi, có hai: Một là dựa theo ngôn niệm, hai là dựa theo thông biệt. Trong phần một, luận rộng về thưa thỉnh có hai, một là lời thưa thỉnh, hai là nghĩ đến thưa thỉnh. Đáp cũng có hai, một là đáp bằng lời nói giảng giải, hai là đáp bằng nêu rõ tướng trạng. Hai phần hỏi đáp này như thứ tự đan chéo nhau làm thành bốn câu có thể biết, bởi vì thành tựu ba Tuệ mà có hai ví dụ này. Hai Hội đầu và Hội thứ tám chỉ có nghĩ đến thưa thỉnh, đáp gồm chung cả hai, nghĩa là Đức Phật đáp bằng nêu rõ tướng trạng, Bồ Tát dùng lời nói để đáp, bởi vì hướng về Đức Phật phát khởi thưa thỉnh cho nên không đợi phải nói, trình bày về Phật trí tiếp nhận nghi ngờ, thân tướng hiện rõ tự tại để đáp. Hội thứ bảy chỉ có lời thưa thỉnh và đáp bằng lời nói, bởi vì hành pháp dựa theo lời nói hiển bày rõ ràng. Lại hướng về Phổ Hiền phát khởi thưa hỏi, cho nên vẫn là Phổ Hiền đáp. Hai là dựa theo thông biệt, Hội thứ nhất và Hội thứ tám, hỏi riêng mà đáp chung; Hội thứ hai và Hội thứ bảy, hỏi riêng đáp riêng có thể biết.

Hai là giải thích văn, trong này có hai: Trước là trường hàng, sau là trùng tụng. Hai sai biệt này, phần nhiều thể lệ (đại lệ) có mười: 1) Dựa theo lợi căn và độn căn, nghĩa là độn căn chưa ngộ, lại tiếp tục vì họ mà tụng. 2) Dựa theo đến trước và đến sau, bởi vì người đến sau chưa nghe, cho nên vì họ mà tụng lại. 3) Dựa theo phát sinh và thuần thục, người thuần thục nói thẳng liền hiểu, người mới phát sinh thì vòng vo khéo léo mới biết được, cho nên tụng lại. 4) Dựa theo văn hoa và chất phác, hoặc có người ưa thích đơn thuần thì thẳng thắn nêu ra bằng trường hàng; hoặc có người ưa thích văn hoa thì nêu ra lời tụng tuyệt vời. 5) Dựa theo hai loại về Trì, luận nói trường hàng giải thích phân tán ra phát sinh Chánh giải, cho nên thành tựu Nghĩa trì; kệ tụng thâm nhiếp tổng quát dễ dàng thọ trì, cho nên thành tựu Văn trì. 6) Dựa theo giúp đỡ thành tựu, nghĩa là lại dùng kệ tụng để hiển bày về nghĩa của trường hàng thêm rõ ràng. Trên đây là gồm chung các văn trùng tụng. 7) Dựa theo thành tựu trọn vẹn, bởi vì trong tụng bao gồm hiển bày về nghĩa viên mãn đã nói trước đây, mà trường hàng thiếu hụt không có thành tựu, như kệ trong phẩm Phát Tâm Công Đức... 8) Dựa theo Thể tướng, bởi vì từ môn dựa theo Tướng, dùng trường hàng nói thẳng, đây là dựa theo Đồng giáo và Tam thừa; bởi vì dựa vào Thể viên dung, dùng kệ tụng khéo léo hiển bày, đây là dựa theo Biệt giáo, loại này như kệ trong phẩm Thập Hạnh... 9) Dựa theo chung và riêng, bởi vì trường hàng chỉ ra riêng biệt, trùng tụng bao gồm tất cả, như văn tụng về thế giới... trong phẩm này. 10) Dựa theo tâm và lời nói, nghĩa là trường hàng

thẳng thắn hiển bày về pháp đã nghĩ đến trong tâm, kệ tụng nói rõ ra khiến cho thừa thĩnh viên mãn, loại này chỉ có ở văn này. Lại có nghĩa bình thường Đức Phật thuyết pháp, pháp vốn như vậy có hai tướng, đó là thuyết giảng thẳng về Khế kinh thì chắc chắn có Kỳ-dạ trùng tụng. Trùng tụng trong những phẩm sau đều dựa theo mười thể lệ này làm chuẩn mực.

*Ngay trong trường hàng này có ba:* Một, nêu ra người chủ động hỏi, đó là Đồng sinh-Dị sinh cùng thuộc về pháp giới, cho nên nói là Hàm; lời nói giảng giải làm sáng tỏ sự việc không phải là hiển bày khác lạ, tâm nghĩ đến tiến vào pháp hiển bày về sâu xa vi tế cho nên nói là Niệm. Hai, trình bày về pháp đã thừa thĩnh. Ba, từ “Duy nguyện...” trở xuống là kết luận về thừa thĩnh.

*Trong phần đã thừa thĩnh, xưa nói rằng:* Phần này có hai mươi ba câu, phân hai: Đầu là hai mươi một câu hỏi về pháp của quả, sau là hai câu hỏi về hành của nhân. Trong phần đầu dựa theo năm Hải trong đáp ở sau, văn này phân làm năm, mười hai câu đầu hỏi về Phật hải, ba câu tiếp như tên gọi hỏi về ba Hải, sáu câu sau dựa theo phần dưới thích hợp là Căn dục tánh Hải, nhưng bởi vì Căn dục không giống nhau, khiến cho duyên của chủ động che phủ sai khác. Trong này đưa ra duyên để hiển bày về căn, văn sau đưa ra căn để hiển bày về duyên có hai bên này. Nay lại giải thích trong này có ba mươi lăm câu, phân hai: Ba mươi câu đầu hỏi về pháp của quả, sau từ “Nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là năm câu hỏi về hành của nhân. Ngay trong phần đầu, phân ba: Một, mười câu hỏi về đức bên trong của Phật và đức đầy đủ; hai, từ “Thị hiện Bồ-đề...” trở xuống là mười câu hỏi về tướng bên ngoài của Phật và đức sáng rực; ba, từ “Thế giới hải...” trở xuống là mười câu hỏi về công dụng giáo hóa và đức rộng khắp.

Ngay trong phần một, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong đó ba chữ “Hà đẳng thị” nối liền ba mươi lăm câu, ba chữ “Nhất thiết chư” nối thông ba mươi câu trước, hỏi về quả nên biết! Vì sao kinh này đầu tiên hỏi về pháp của Phật quả? Đó là bởi vì tiêu chí, bởi vì tông quy, bởi vì làm căn bản, bởi vì hiển bày về đức, bởi vì sinh khởi niềm tin, bởi vì phân rõ phương hướng. Đầu đề của kinh là Phật Hoa Nghiêm, nghĩa thuộc về nơi này. Nói về Phật địa, Phật Địa luận quyển thứ nhất nói: “Pháp giới thanh tịnh và Diệu trí ấy thọ dụng hòa hợp cùng một vị bình đẳng, là sở y-sở hành-sở nhiếp của Phật, cho nên gọi là Phật địa”. Giải thích rằng: Tức là lấy Pháp giới thanh tịnh làm sở y, Diệu trí làm sở hành, những công đức còn lại đều là sở nhiếp,

tức là dùng Chân lý Diệu trí vô ngại làm Thể. Theo kinh Đại Thừa Đồng Tánh, Phật có mười địa, tất cả Bồ-tát và Nhị thừa vốn không có thể thực hành. Như thế nào là mười?

1) Gọi là Thâm Thâm Nan Tri Quảng Minh Trí Đức địa, cho đến thứ 10 là Tỳ Lô Giá Na Trí Hải Tạng địa, như sau giải thích đầy đủ ở chương Thập Địa.

2) Cảnh giới Phật, chín loại sau đều trong Phật địa này mà tách ra, vì thế đều là câu riêng biệt, nghĩa là mở ra Pháp giới thanh tịnh, là cảnh sở chứng của Phật, hoặc tổng quát nêu ra sở tri gồm chung Chân-Tục. Sau phẩm Tánh Khởi nói: Tất cả chúng sinh là cảnh giới của Như Lai, cho đến thứ mười không phải là cảnh giới-cảnh giới là cảnh giới của Như Lai. Lại cũng là phạm vi của cảnh giới, vì vậy trong phẩm Minh Nạn trình bày về mười loại cảnh Phật rằng: Cảnh giới sâu xa của Như Lai, phần lượng ấy giống như hư không. Lại giải thích gồm có sở tri và phạm vi của cảnh, sau trong phẩm Bất Tư Nghị nói: Phật có mười loại cảnh không thể ví dụ, không thể nghĩ bàn... Nên tìm theo văn ba nơi sau, đến đó phân rõ đầy đủ.

3) Phật trì, có bốn nghĩa: Một, bởi vì Pháp giới thanh tịnh cho nên tùy ý duy trì tất cả các công đức; hai, bởi vì Đại viên cảnh trí và Thức thanh tịnh tương ứng cho nên đều có thể tùy ý duy trì các công đức; ba, Đại Đà-la-ni môn trong Hậu đắc trí, tổng quát duy trì vô lượng các pháp hải; bốn, trong mười Phật này duy trì Phật vốn là tùy thuận. Lại có mười Trì như Phật lực trì... ở Địa thứ mười sau này. Lại trong phẩm Ly Thế Gian cũng có mười Trì, thứ nhất là Phật trì cho đến thứ mười là Trí trì. Trong hai văn này đều lấy câu thứ nhất làm tổng quát, thâm nhiếp riêng biệt đưa vào tổng quát cùng gọi là Phật trì. Lại như sau ở phẩm Bất Tư Nghị nói: Phật có mười loại sinh ra trí tuệ trú trì... Đều thuận theo tìm đầy đủ để phân rõ về điều đó.

4) Dựa theo văn tụng ở sau, trong này thiếu một câu về Vô thượng trí của Phật, vậy thì câu này đến Thập trí... sau có thể biết.

5) Phật hạnh, là hạnh Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh, còn là hạnh tạo tác của Đại trí. Đây đều là Tác của Bất tác, không suy nghĩ mà thành tựu việc làm. Trong phẩm Tánh Khởi nói Vô chướng ngại hạnh, Như Như hạnh..., là Như Lai hạnh. Đây là khác với công đức của Nhị thừa.

6) Phật lực, có hai nghĩa: Một là không bị người khác làm cho khuất phục, hai là có thể dẹp tan ma oán. Nói riêng biệt có mười loại, đó là Thị xứ phi xứ trí lực... Lại có mười loại, như trong phẩm Bất Tư

Nghị nói: Tối thắng lực, Đại lực, Vô lượng lực cho đến thứ mười là Đại lực Na-la-diên tràng Phật sở trú pháp...

7) Phật Vô úy, đã nói khiếp sợ cho nên gọi là Vô úy, là công đức chế phục ngoại đạo, hoặc là bốn, hoặc là mười, như nói trong phẩm Ly Thế Gian. Trên đây là trình bày về đức của Đại Trí.

8) Phật Tam-muội, là vi trần số Tam-muội hải như Sư Tử Phấn Tấn... thâu nhiếp tóm lược làm mười, như nói ở phẩm Bất Tư Nghị. Đây là trình bày về công đức của Đại Định.

9) Phật Tự Tại, dựa vào Định phát khởi vô tận thần thông, sở tác vô ngại cho nên gọi là Tự tại. Trong phẩm Bất Tư Nghị, Phật có mười loại Chánh pháp tự tại. Lại trong phẩm Ly Thế Gian có mười tự tại..., đều có thể biết. Đây là trình bày về công đức của Thần thông.

10) Phật thắng pháp, công đức thù thắng vượt quá những phần vị khác, cho nên gọi là pháp thù thắng. Cũng có mười loại, như nói ở phẩm Bất Tư Nghị. Đây là trình bày về công đức của Đại Phước. Mười câu trên trình bày về đức bên trong đầy đủ, xong.

Trong phần hai, tướng bên ngoài sáng rực, đầu tiên là thị hiện Bồ-đề, đó là hướng về căn cơ thị hiện thành tựu Đại Bồ-đề, như phẩm Tánh Khởi nói nơi thành tựu Bồ-đề, lại phẩm Bất Tư Nghị cũng nói, đều nên biết. Đây là câu tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt, bởi vì sáu căn-ba nghiệp đều là tướng thành tựu Bồ-đề. Sau trong phẩm Bất Tư Nghị và phẩm Ly Thế Gian, mỗi một môn trong chín môn này đều dùng mười môn để phân rõ nói về gia hộ, điều ấy nên biết. Phật Quang Minh là thân nghiệp, còn lại đều có thể biết. Trên đây trình bày về tướng bên ngoài sáng rực, xong.

Trong phần ba, mười câu hỏi về công dụng giáo hóa và đức rộng khắp.

1) Thế giới hải, nghĩa là nơi hoạt dụng hóa độ, gồm chung cõi nhiễm-tịnh, tức là thâu nhiếp vào mười thân quốc độ của Đức Phật, tóm lược nói đến mười loại, như văn sau ở trong phẩm này nói.

2) Chúng sinh hải, nghĩa là căn cơ đã hóa độ, gồm chung Thô-Diệu-Không-Hữu..., cũng thâu nhiếp vào mười thân. Lại như mười loại Nhập-chúng sinh... ở phẩm Ly Thế Gian, nên biết!

3) Pháp giới phương tiện hải, loại này có bốn nghĩa: Một là Lý tánh pháp giới, là nơi (giới) nương tựa của chúng sinh và thế giới... trước đây; hai là Nhiễm sự pháp giới, là Uẩn-Giới-Pháp... của chúng sinh đã hóa độ ở cõi ấy; ba là Vô cấu pháp giới, là những pháp thanh tịnh nhất mà Đức Phật đã đạt được; bốn là Tịnh dụng pháp giới, là những thiện

hạnh mà Đức Phật đã dùng để thâm nhiếp chúng sinh, cho nên gọi là phương tiện, như phẩm Bát Tư Nghị, Đức Phật có mười loại pháp giới vô lượng vô biên..., nên biết!

4) Dựa theo trong tụng sau, văn này thiếu phần Điều phục hải. Điều phục hải tức là đã điều phục, là thuộc về Căn dục tánh hải, nhưng tụng và trường hàng bởi vì người soạn văn cùng có giữ lại và tóm lược.

5) Phật hải, nghĩa là Đức Phật chủ động hóa độ không phải là hoàn toàn giống như hải, đó là ở khắp tất cả mọi nơi mà Chuyển pháp luân.

6) Ba-la-mật hải, có hai nghĩa: Một là pháp hành mà Đức Phật đã nói, vốn là để truyền cho tất cả chúng sinh; hai là hạnh đã thực hành-đã giáo hóa ấy, tức là đã thành tựu lợi ích về giáo hóa, đó là mười Độ...

7) Pháp môn hải, cũng có hai nghĩa: Một là giáo pháp của Đức Phật đã thiết lập, qua lại hòa vào tất cả mọi căn cơ ấy; hai là căn cơ đã hóa độ ấy thực hành thành tựu chứng lý của pháp đã tiến vào. Loại này cũng có mười, như nói trong phẩm Bát Tư Nghị.

8) Hóa thân hải, nghĩa là căn cơ khác nhau cảm được hiện tượng nhiều cách riêng biệt, như nói các lỗ chân lông tỏa ra mây Hóa thân...; lại Phật Lô-xá-na ở khắp mười phương, xuất hiện tất cả Hóa thân trang nghiêm... Lại trong phẩm Ly Thế Gian có mười loại Biến hóa...

9) Phật danh hiệu hải, nghĩa là đối với căn nên nghe danh hiệu không phải là như nhau, như phẩm Danh Hiệu, mỗi một thế giới có trăm ức vạn...

10) Phật thọ lượng hải, nghĩa là ứng với cơ dài ngắn, thiếu đủ vô cùng sai khác, tóm lược có mười phần vị, như nói trong phẩm Thọ Mạng. Trên đây là hỏi về quả, xong.

Thứ hai là năm câu trong phần hỏi về nhân, một câu đầu là tổng quát, bốn câu sau là riêng biệt: Một, trình bày về những phần vị sơ phát tâm như Thập Trú; hai, tức là thực hành mười Độ ngay Thập Hạnh; ba, Nguyên tức là Đại nguyện của Thập Hồi Hưởng; bốn, Trí tuệ tạng tức là trong Thập Địa lấy Trí tuệ làm tánh, bởi vì hàm chứa thâm nhiếp tích lũy giữ gìn, như Bồ-tát cùng tên gọi là Tạng... trong phẩm Thập Địa sau này.

Trong phần ba là kết luận về thừa thỉnh, chỉ nguyện Từ Bi là trình bày về Đức Phật có nhân thuyết giảng không mệt nhọc rã rời, Phương tiện là hiển bày về Đức Phật khéo léo thuyết giảng khiến cho dễ hiểu, nhờ vào phát tâm Bi, nhờ vào khéo léo mà được hiểu rõ.

Phần hai là trong tụng bởi vì hiển bày khác lạ, không dùng khẩu

nghiệp bình thường để thuyết giảng, biểu thị về Y-Chánh vô ngại cho nên nói trong phần vật dụng cúng dường, tức là nói về cõi dưới mà thôi.

**Chín tụng phân làm hai:** Một là ba tụng đầu ca ngợi về đức thừa thĩnh, hai là sáu tụng sau nêu ra pháp thừa thĩnh.

*Trong một:* Hai tụng đầu ca ngợi Đức Phật để thừa thĩnh, trình bày vốn có nhân thuyết giảng; một tụng sau ca ngợi Đại chúng để thừa thĩnh, trình bày vốn có duyên thuyết giảng. Trong hai tụng: Một tụng đầu hiển bày về đức viên mãn của Phật, nửa tụng đầu phân rõ về nhân quá khứ không còn-quả hiện tại không có công, nửa tụng sau là dụng tận cùng thời gian vị lai, ứng với khắp nơi không suy nghĩ, mây vốn là rưới mưa pháp, vốn tưới thấm cơ duyên, vốn tự không có nguồn gốc. Một tụng sau trình bày về bên ngoài giáo hóa đầy đủ, nghĩa là nửa tụng đầu khiến cho diệt ác sinh thiện, nửa tụng sau khiến cho lia khổ được vui; lại đầu là giúp cho đạt được Niết-bàn, sau là giúp cho đạt được Bồ-đề. Hai từ “Vô lượng...” trở xuống là trong phần trình bày về ca ngợi Đại chúng để thừa thĩnh, một lòng là tâm không có ý niệm gì khác, chấp tay là thân không chậm chạp lười nhác, nhìn bậc Tối thắng là trú vào ý niệm hướng về Đức Phật; nửa tụng sau là tổng quát nêu ra pháp đã nghĩ đến, nguyện Đức Phật chỉ bày rõ ràng.

*Trong hai:* Là nêu ra pháp thừa thĩnh, phân ba: Một, ba tụng đầu nêu ra mười câu thứ nhất trước đây, trong đó trong một tụng đầu có sáu câu: 1) Địa; 2) Cảnh; 3) Trì; 4) Trí; 5) Lực; 6) Vô úy. Câu sau là kết luận thừa thĩnh. Trong một tụng tiếp có ba câu: 1) Định; 2) Hạnh; 3) Tự tại, tức là thần lực. Câu sau là thừa thĩnh thuyết giảng. Một tụng sau tụng về pháp thù thắng, cũng là thị hiện Bồ-đề... có thể biết. Hai, một tụng tụng về mười câu thứ hai, bởi vì ba nghiệp không rời xa sáu căn, cho nên cùng tụng như nhau. Ba, hai tụng tụng về mười câu thứ ba, trong tụng đầu có năm Hải, trong tụng sau có hai Hải, ba Hải còn lại và hỏi về nhân tổng quát thấu nhiếp cho nên nói là vô lượng vô biên..., câu sau là kết luận thừa thĩnh.

Thứ hai trong tướng của đáp, các vị xưa nay cũng có người đem những câu hỏi này đưa vào phần đáp trong các Hội sau. Cách phân định này sợ rằng sai lầm, bởi vì Hội thứ hai đều tự có hỏi riêng biệt-có đáp riêng biệt, bởi vì bốn lần hỏi đáp đan chéo lẫn lộn, vì thế cho nên tổng quát ở phẩm này đều là đáp chung.

Dưới đây nói về phần vốn có quả-nhân thuyết giảng. Ngay trong văn này, phần trường hàng có mười: Một, phần khuôn mặt phát ra ánh



sáng quy tụ chúng; hai, phần lông trắng giữa chặng mày phát ra ánh sáng nêu rõ pháp; ba, phần Pháp chủ nhập định; bốn, phần chư Phật gia trì; năm, phần Đại chúng cùng thừa thỉnh; sáu, phần trong Định nói tóm lược; bảy, phần rời Định thành tự lợi ích; tám, phần đầu lông phát ra ánh sáng khen ngợi về đức; chín, phần đồng ý thuyết giảng khiến cho hoan hỷ; mười, phần chính thức nói rõ về pháp hải.

*Trong phần một có hai:* Trước là phát ra ánh sáng, sau là quy tụ chúng. Trong trước cũng có hai: Một là ánh sáng nơi thân thức tỉnh khắp nơi, hai là trong ánh sáng nói lời mời gọi. Hai phần này cũng tức là đáp câu hỏi về ánh sáng-âm thanh của Đức Phật trước đây.

Trong một cũng có hai: Một, ánh sáng nơi này soi chiếu nơi kia; hai, từ “Chư Bồ-tát...” trở xuống là tìm theo ánh sáng nhìn thấy nơi này.

*Trong phần một có năm:* Một là nhận biết ý niệm hiểu rõ nghi ngờ, bởi vì sắp sửa trả lời cho nên liền phát ra ánh sáng. Hai là trình bày về nơi ánh sáng phát ra, khuôn mặt (diện môn) thì cổ đức có ba cách giải thích, một nói là miệng, một nói là dung mạo đích thực của khuôn mặt chứ không phải là riêng miệng. Sư Quang Thống nói: “Dưới mũi-trên miệng chính là ở giữa.” Dựa theo văn sau đưa ra mũi cũng như đã nói. Nay giải thích theo tiếng Phạm nói mặt và miệng đều là môn, đều gọi là Mục Khư, vì thế cho nên phiên dịch từ Mục Khư này là Diện Môn, do đó biết trong này cùng đưa ra việc ấy. Khẩu là biểu thị cho giáo đạo che phủ lan xa, Diện là đích thực hướng về căn cơ, Môn là mở thông giáo pháp thâm nhiếp chúng sinh, Xỉ là tác dụng thù thắng, nghĩa là bởi vì suy nghĩ nghiên ngẫm pháp vị, cho nên sửa trị dẹp tan phiền não làm chướng ngại. Bởi vì duyên khởi vốn có đức tướng sai biệt, cho nên nói mỗi một nơi đều phát ra trần số ánh sáng. Ba là riêng biệt hiển bày về ánh sáng đã phát ra có mười môn, luận chung thì mỗi một môn đều nối thông với ba thế gian..., trình bày riêng biệt thì sáu môn đầu là Phật hải, hai môn tiếp là Khí hải, một môn tiếp là Chúng sinh hải, một môn sau cuối là Pháp giới phương tiện hải. Lại tám môn đầu là ý nghiệp Ký thuyết luân, một môn tiếp là thân nghiệp Thần thông luân, môn sau cuối là ngữ nghiệp Chánh giáo luân. Bốn là thâm nhiếp quyền thuộc. Năm là nơi đã soi chiếu, trong này phát ra ánh sáng có bốn ý: 1) Hiện bày tướng biểu thị về thật; 2) Cảnh tỉnh phát khởi tín tâm; 3) Chiếu rọi tiếp xúc cứu khổ; 4) Bởi vì mời gọi chúng từ xa quy tụ. Vì thế cho nên chúng ấy theo ánh sáng nhìn thấy nơi này mà biết rõ chỗ quy tụ.

*Trong tụng có chín kệ rưỡi, có bốn nghĩa:* Sáu kệ rưỡi đầu tụng

gồm chung nêu ra đức của Phật để khuyến khích hướng đến, một kệ tiếp riêng biệt trình bày về người chủ động thuyết giảng để khuyến khích đi đến, một kệ tiếp riêng biệt nêu ra pháp đã thuyết giảng để khuyến khích quán xét, một kệ sau cuối gồm chung kết luận về đức của Phật hiển bày về sâu rộng. Bốn ý này đều dùng phần sau để giải thích phần trước, suy nghĩ có thể thấy.

*Trong phần đầu có hai:* Trước nêu ra đức, sau từ “Nhân tôn...” trở xuống là khuyến khích hướng đến. Trong phần trước có ba: Hai kệ đầu về Thân nghiệp, một kệ về Thể, một kệ về Dụng; hai kệ tiếp về Ý nghiệp, một kệ về Dụng, một kệ về Thể; một kệ sau cuối về Ngữ nghiệp. Trong phần khuyến khích, nửa kệ đầu khuyến khích vì pháp, nửa kệ tiếp khuyến khích nhiều chúng, nửa kệ tiếp là khuyên dạy phát khởi cúng dường. Tuy viên âm nhanh chóng nói về Nguyện hải thuộc chín đời, nhưng không làm hỏng về pháp vốn có, bởi vì không phải là một niệm, tức là nêu ra pháp môn đã nói ở sau. Văn còn lại có thể biết.

Thứ hai, trong phần quy tụ chúng, trước là trình bày về các Hội, có bốn nghĩa: 1) Có và không có; 2) Nơi đến xa gần; 3) Tên gọi như bốn xứ... không giống nhau; 4) Kệ ca ngợi và trước sau.

Trong nghĩa một là có và không có, hai Hội thứ sáu-thứ bảy không có, bởi vì chứng được phần vị và hạnh thuần thực đi cùng cho nên đều lia tướng, sáu Hội còn lại đều có, việc đã làm có thể biết. Phạm là quy tụ chúng mới thì có bốn ý: Một là vì thâu nhiếp căn cơ, hai là vì chứng minh về pháp, ba là vì phát khởi cúng dường, bốn là trình bày về chúng trọn vẹn. Trong nghĩa hai là xa gần, Hội thứ nhất-thứ hai là mười sát trần, Hội thứ ba là trăm, Hội thứ tư là ngàn, Hội thứ năm là vạn, bởi vì dựa vào phần vị dần tăng lên, Hội thứ tám vượt qua không thể nói là hiển bày về chứng pháp sâu xa. Trong nghĩa ba một là Xứ, hai là Phật, ba là Bồ-tát, bốn là cúng dường nhiều ít đều tùy theo Hội, nên biết. Trong nghĩa bốn Hội thứ nhất-thứ hai không có kệ tán, vì mới phát khởi tu tập; bốn Hội còn lại đều có, bởi vì hiển bày phần vị của pháp tăng lên. Lại năm Hội trước chắc chắn là quy tụ trước, bởi vì thuận theo tu tập mà tiến vào chứng; Hội thứ tám chắc chắn là quy tụ sau, bởi vì dựa vào chứng mà khởi lên tác dụng.

Hai, trong giải thích văn có hai: Trường hàng và kệ tụng. Trong trường hàng cũng có hai: Một là quy tụ chúng, hai là hiển bày về đức. Trong quy tụ chúng cũng có hai, trước là quy tụ, sau là kết luận.

Trong quy tụ, mười phương tức là làm thành mười đoạn, mỗi một

phương đều có bảy: Một là tên gọi của Khí-Hải, hai là tên gọi của quốc độ, như quốc độ của hai Đức Phật này..., hai loại này là tướng của pháp đã dựa vào, chỉ nổi thông-riêng biệt là khác nhau. Ba là tên gọi của Đức Phật, bốn là tên gọi của Bồ-tát, hai loại này là trí chủ động tiến vào, chỉ đầy đủ-từng phần là khác. Năm là chủ-bạn cùng đến, trình bày có đủ đức viên mãn. Sáu là phát khởi cúng dường, cúng dường Đức Phật thuận với nghĩa lợi ích, là nhân thuận với quả. Bảy là ngồi theo phương của mình, trình bày thâm nhiếp phân tán quy về vắng lặng. Vì sao trước tiên phân rõ về Đông phương, đó là hiển bày về nơi bắt đầu sáng suốt, cho nên thuận theo phương ấy. Bởi vì phương thức lễ nghi của Tây Vực lấy phía Đông làm cao nhất, cho nên điện thờ-nhà chính ở đó đều xoay mặt về hướng Đông. Như chùa Kỳ Viên, chùa Bồ Đề đều xoay mặt về hướng Đông, Như Lai thuyết pháp cũng phần nhiều xoay mặt về hướng Đông, cho nên khuôn mặt phát ra ánh sáng chính là hướng Đông.

Hỏi: Trong văn sau, thế giới Hoa Tạng này là vô biên, vì sao trong này có Đông...?

Đáp: Bởi vì thế giới Hoa Tạng là Biên-Vô biên không hai, cho nên gọi là Vô biên. Như văn sau nói: Vô biên-Biên không hai cho nên gọi là Hữu biên. Nói như vậy thì không hoại đến Biên mà luôn luôn Vô biên, không phá vỡ Vô biên mà luôn luôn Biên. Nếu nói rằng Vô biên trái với Biên, Biên trái với Vô biên, thì do tình chấp mà đạt tới pháp, không phải là duyên khởi đích thực. Bởi vì Biên-Vô biên này là một sự, cùng vượt lên trên tình chấp. Điều ấy giống như tổ chim màu sắc đẹp để bên toàn sợi trắng mà không xen tạp với tổ chim màu tím, tổ chim màu tím cũng như vậy. Lại tổ chim màu trắng có màu tím vốn là do bông tơ này. Nếu trong màu trắng không có màu tím, sợi tím không đến nổi bên hai bên thì tức là thiếu chứ không phải là bông tơ. Tổ chim màu trắng không có màu tím vốn là do bông tơ này. Nếu màu trắng có màu tím hiện rõ thì đường nét bị hỏng chứ không phải là bông tơ. Vì thế cho nên do màu trắng có mà màu tím được thành tựu, màu trắng không có màu tím, màu tím không có màu trắng cũng như vậy; nên biết đạo lý trong này cũng như vậy, suy nghĩ để dựa theo chính xác!

Hỏi: Nếu như vậy thì thế giới mười phương ấy có đều là Hoa Tạng hay không?

Đáp: Đều là không phải, nghĩa là bởi vì tức là (tức thị) cho nên không phải là (bất thị), không phải là cũng như vậy, dựa theo trên để suy nghĩ. Lại tại vì sao? Bởi vì Hoa Tạng ở phương Đông... cho nên tức là (tức) mà không phải tức là (bất tức).

Hỏi: Ngoài mười thế giới này ra, lại có thế giới khác hay không?

Đáp: Không có. Tại vì sao? Bởi vì Hoa Tạng là chủ, mười thế giới kia là bạn. Đây là chủ và bạn viên dung rộng khắp mọi nơi, tất cả trần đạo trùng trùng như Đế võng, cho nên còn lại đều ngay nơi này, bởi vì như hư không.

*Lại trong này các loại cúng dường đều là pháp môn. Tùy theo tướng có mười:* 1) Diệu Bảo là nghĩa về đáng quý. 2) Tu Di là nghĩa về cao vời thù thắng, Vân là nghĩa về tươi thắm có lợi ích, nghĩa về hàm chứa mưa, nghĩa về hàm răng. 3) Nhật là nghĩa về trừ hết bóng tối, Luân là nghĩa về có đủ công đức. 4) Các là nghĩa về tiếp tục thành tựu, như trên Chánh trí phát khởi tâm Bi... 5) Hoa là nghĩa về thanh tịnh, nghĩa về nở rộ. 6) Hương Vân là nghĩa về mùi thơm của Giới... 7) Tòa là nghĩa về thâm nhiếp làm lợi ích. 8) Cái là nghĩa về bóng cây che mát. 9) Tràng là nghĩa về một mình vượt ra. 10) Thọ là nghĩa về kiến lập. Còn lại đều dựa theo đó.

*Lại dựa theo pháp cũng có mười ví dụ:* 1) Hoặc lấy Sắc pháp làm mây (Vân), như Bảo Diệu sắc vân... 2) Lấy Đại Thanh làm mây, như Diệu âm và ca ngợi về đức của Phật... Đây là dựa theo Sự. 3) Lấy vô tận Phật độ làm mây, như mười loại mây không thể nghĩ bàn ở cõi Phật... Đây là dựa theo Y báo. 4) Lấy Lý tánh chín đời làm mây, như mây ánh sáng của Pháp thân Phật ba đời... Đây là dựa theo Thể. 5) Lấy tám tướng của Phật làm mây, như mười loại mây biến hóa của Phật... Đây là dựa theo Dụng. 6) Lấy pháp môn Vô Ngại giải thoát làm mây, như mười loại tán mây của giải thoát... Đây là dựa theo giải thoát không thể nghĩ bàn. 7) Lấy cảnh đã chứng của Phật làm mây, như mười loại mây của cảnh giới Phật... Đây là dựa theo Quả. 8) Lấy tất cả các hạnh của Bồ-tát làm mây, như mười loại mây thị hiện công hạnh của Bồ-tát... Đây là dựa theo Nhân. 9) Lấy dục lạc của tất cả chúng sinh làm mây, như mười loại mây thị hiện dục lạc không thể cùng tận của tất cả chúng sinh... Đây là dựa theo Pháp khí. 10) Lấy Đại Nguyện hiện bày thân Phật làm mây, như mười loại mây thị hiện Đại nguyện của tất cả chư Phật... Đây là dựa theo hướng đến với cơ. Như vậy mỗi một loại đều dùng mười môn để nói là bởi vì trình bày về Vô tận.

Mười nghĩa trên đây trong mỗi một nghĩa đều có tất cả các pháp, duyên khởi vô ngại, vì thế cho nên hoặc là Người, hoặc là Pháp, hoặc là Lý, hoặc là Sự, hoặc là Cảnh, hoặc là Hạnh, hoặc là Y, hoặc là Chánh, hoặc là Nhân, hoặc là Quả. Trong này mỗi một vật dụng cúng dường đều nói chưa đầy hư không, là trình bày xứng với tánh Không vốn có,

quy tụ mà không xen tạp như tánh của duyên khởi. Vì thế cho nên Chân Lý Diệu hạnh có thể ngay nơi Sự mà thành tựu, Sự như mây-hoa-vật báu... có thể ngay nơi Lý mà làm thành pháp. Đây là dựa theo Biệt giáo, suy nghĩ điều đó!

*Trong phần hai là kết luận:* 1) Kết luận về quốc độ; 2) Chủ; 3) Bạ; 4) Cúng; 5) Tà.

Thứ hai là hiện rõ về đức dụng: Ngồi theo thứ tự là duyên khởi vô ngại, quy tụ mà không xen tạp. Trong đó có hai: Trước là trình bày về Thể của đức vô ngại, sau từ “Niệm niệm...” trở xuống là lợi ích thù thắng của diệu dụng.

Trong phần trước bao gồm trong Dụng, câu đầu tổng quát có sáu lớp Vô ngại, đều nhiều hơn trước gấp bội: 1) Thân quang vô ngại; 2) Ánh sáng và người vô ngại; 3) Người và pháp vô ngại; 4) Trần sát vô ngại; 5) Y chánh vô ngại; 6) Hóa dụng vô ngại.

Như trong một niệm, ở một thế giới, hóa hiện trần số chúng sinh của một cõi Phật; ngay trong niệm này, ở tất cả thế giới, cũng hóa hiện như vậy. Một niệm đã như vậy, tất cả các niệm khác cũng đều như vậy.

Như trong một cõi Phật, hóa hiện chư Phật ba đời đều trong một niệm này; tất cả các cõi khác đã hóa hiện khác nhau cũng như vậy.

Như trong một trần, có tất cả các cõi Phật hóa hiện này; tất cả các trần khác, đều riêng biệt cũng như vậy.

Như pháp môn của một Bồ-tát, khắp nơi tất cả các sát trần đạo hóa hiện này; pháp của tất cả các Bồ-tát khác, riêng biệt khắp nơi cũng như vậy.

Như một ánh sáng phát ra, xuất hiện tất cả các Bồ-tát khắp nơi này; tất cả ánh sáng khác, riêng biệt xuất hiện cũng như vậy.

Như một lỗ chân lông, phát ra tất cả ánh sáng xuất hiện Bồ-tát này; tất cả các lỗ chân lông khác, riêng biệt xuất hiện cũng như vậy.

Trên đây là tổng quát phân rõ về Sự trong thân của một Bồ-tát. Như một Bồ-tát, tất cả Bồ-tát cũng như vậy. Như chủ, bạn cũng như vậy. Thế thì trùng trùng vô tận, không phải là tâm suy nghĩ-miệng nói ra mà có thể đạt tới. Đây là pháp giới của Nhất thừa, công đức chân thật duyên khởi vốn là pháp như vậy chứ không phải là biến hóa. Như vậy đều là công đức ở phần vị Phổ Hiền. Bồ-tát đã như vậy, đức dụng của quả Phật không phải là công đức này mà có thể sánh được, có thể dựa theo suy nghĩ thông suốt.

Hai là trong phần lợi ích của Dụng, có ba: 1) Nêu ra chúng đã hóa

độ; 2) Từ “Dĩ mộng...” trở xuống là trình bày về pháp chủ động hóa độ; 3) Từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống là phân rõ về lợi ích của hóa độ.

Trong phần hai là chủ động hóa độ có mười câu, chín câu đầu là riêng biệt phân rõ, một câu sau cuối là tổng quát để kết luận.

*Trong chín câu đầu:* Một, mộng tự tại là bởi vì tức là Thật-tức là Không, bởi vì một niệm hiện rõ nhiều pháp. Hai, bởi vì thanh tịnh, bởi vì giáo hóa. Ba, bởi vì giáo nghĩa. Bốn, bởi vì hiển bày thân thông thù thắng khiến cho quy y, bởi vì sợ hãi khiến cho tiến vào pháp, bởi vì tướng chuyển động trở về chân thật. Năm, bởi vì nguyện lực thấu nhiếp chúng sinh. Sáu, bởi vì lìa tánh của âm sâu xa, bởi vì dụng thanh tịnh của âm nhiệm ô, bởi vì hiển bày âm thanh tịnh thu nhận tất cả. Bảy, bởi vì viên âm lan tỏa khắp nơi, như pháp giới đầu miệng... Tám, bởi vì Thể-Dụng làm kinh hải căn cơ. Chín, bởi vì kiến lập về nhân tròn vẹn.

Trong phần ba là được lợi ích có sáu câu, giải thích có bốn lớp, bởi vì văn hàm chứa nhiều trạng thái: Một, khiến cho lìa xa nỗi khổ sâu nặng. Hai, có thể thành tựu căn khí xuất thế. Ba, khiến cho đạt được mười phần vị hưởng về quả giải thoát của Nhị thừa. Đây là Nhị thừa trong Đại thừa chứ không phải là Ngũ pháp. Vả lại, Ngũ đình tâm quán trong Tiểu thừa, trước đây thuộc về tà Định. Dựa vào Thành Thật luận thì phần vị Noãn-Đảnh trở lên đều gọi là Chánh Định, bởi vì vĩnh viễn không lui sụt (bất thối); theo Tỳ Đàm luận thì phần vị Nhẫn tâm trở lên mới đạt được không lui sụt; nếu theo Địa Luận thì phần vị Kiến đạo trở lên mới gọi là Chánh Định, do đó luận ấy nói là Chánh vị. Chánh Định là phần vị Kiến đạo trở lên mới là Chánh vị. Nói Bất định là ở giữa hai phần vị này, gọi là Bất định. Bốn, tiến vào phần vị Tam Hiền của Đại thừa. Năm, chứng Thập Địa. Sáu, thành tựu Phật quả. Đây là dựa theo Đồng giáo. Nhưng ba câu đầu giống như trước, câu bốn là tiến vào Sơ giáo, câu năm là tiến vào Chung giáo, câu sáu là tiến vào Đốn giáo. Đây là dựa theo nơi hết bệnh mà nói có ba. Lại câu một là trời-người, câu hai-câu ba là Tiểu thừa, câu bốn là Tiệm giáo, câu năm là Đốn giáo, câu sáu là Viên giáo. Đây là dựa theo quả hiển bày về tròn vẹn mà nói có bốn. Lại câu một là trời-người, câu hai-câu ba-câu bốn là Tam thừa, câu năm-câu sáu là Nhất thừa, nhân quả phân làm hai.

Trên đây đều là lợi ích trong một niệm, tất cả các niệm khác dựa theo đây có thể biết.

Trong tụng có mười kệ, năm kệ đầu tổng quát ca ngợi về đức của Bồ-tát, năm kệ sau tụng về pháp môn trước đây.

Trong năm kệ đầu, ba kệ trước trình bày về đức của Tự phần, một

là Tự lợi, hai là Hóa tha, ba là đạt được pháp; hai kệ sau là phần Thắng tiến, một là lợi ích bên ngoài, hai là trọn vẹn bên trong.

Trong năm kệ sau, một là hiện rõ về pháp, hai là lay chuyển cõi nước, ba là thân trang nghiêm, bốn là tiến vào kiếp, năm là thuyết pháp.

Những sự việc này đều là sự việc trong lỗ chân lông trước đây, bởi vì văn tụng khéo léo tóm lược.

*Trong phần hai là ánh sáng nêu rõ Pháp chủ, có hai:* Đầu là cõi này, sau là kết luận nối thông. Trong phần đầu cũng có hai: Một, nêu rõ Chủ vốn là nguồn gốc của giáo nghĩa; hai, từ “Ư bỉ...” trở xuống nêu rõ pháp vốn là tướng của giáo nghĩa.

*Trong phần một có bốn:* Một là trình bày về ý của ánh sáng, nói vô biên Phật cảnh thì có ba ý: 1) Bởi vì khiến cho biết về pháp đã nói, 2) Bởi vì tức là Phổ Hiền, 3) Bởi vì hiển bày về Đức Phật không phải là không có thể nói.

Hai là trong phần trình bày về danh tướng của ánh sáng, có hai: 1) Trình bày về tướng của ánh sáng. Giữa chạng mờ là biểu thị cho Nhất thừa Trung đạo. Lông trắng dài và nhỏ là biểu thị cho pháp thanh tịnh chứng đạo vô lậu. Lại bởi vì trắng là căn bản của các màu sắc, biểu thị cho Nhất thừa này là nguồn gốc của các giáo. Lại dài và nhỏ là lông dài, lại là lông tơ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Lúc là Thái tử thì giã ra dài năm thước, lúc dưới tán cây Bồ-đề thì dài một trượng bốn thước năm tấc, thành Phật rồi thả ra dài một trượng năm thước, cuộn tròn như vầng trăng tròn mùa Thu, rõ ràng sáng trắng.” Thể của ánh sáng như sắc màu ngọc quý trong suốt, Dụng của ánh sáng như ngọn đèn sáng ngời. Vả lại, Lý đáng quý cho nên gọi là sắc màu ngọc quý, Trí chiếu rọi khắp nơi cho nên gọi là ngọn đèn sáng ngời, cảnh-trí làm lợi ích rộng khắp cho nên gọi là mây. Lại như Ma-ni bởi vì giống với các sắc màu. 2) Lập thành tên gọi của ánh sáng là hiển bày về người ở nhân vị, cho nên gọi là Bồ-tát.

Ba là trong phần phân rõ về Dụng thù thắng của ánh sáng: 1) Vốn là sự, vốn là khắp nơi, vốn là rộng rãi. 2) Vốn là lý, vốn là chính xác, vốn là sâu xa. 3) Bởi vì phân rõ về nhân thuyết giảng do Đại nguyện lực mới có thể thuyết giảng. 4) Bởi vì hiển bày về pháp môn khiến cho chúng nhận biết pháp từ trong môn Phổ Hiền sinh ra. Văn trên đã không nói Phổ Hiền soi chiếu riêng biệt, vì sao lại nói hiển bày rõ ràng chỉ ra cho chúng, bởi vì đã soi chiếu trước đây tức là Phổ Hiền.

Bốn là trong phần thâm nhiếp Dụng quy về gốc: Ra từ lông trắng

vào ở dưới chân, là biểu thị cho pháp ở phía trên có thể truyền xuống phía dưới, truyền xuống phía dưới không mất đi nguồn gốc cho nên vào trở lại. Giữa chạng mây và dưới chân là hai nơi khác nhau, vì sao nói là trở lại, bởi vì hiển bày trên-dưới không hai. Lại ánh sáng từ lông trắng soi chiếu Phổ Hiền là trình bày về quả nương theo nhân, trở lại từ dưới chân mà vào là trình bày về nhân thành tựu quả.

*Trong phần hai là nêu rõ về pháp, có hai:* 1) Phân rõ về hoa sen là nghĩa Sở thuyên; 2) Hiển bày về âm thanh thù thắng là giáo Năng thuyên. An tọa trên hoa là xứng với nghĩa mà thi thiết về giáo.

*Trong phần một là phân rõ về nghĩa Sở thuyên:* Một, câu tổng quát, ở nơi ấy nghĩa là nơi chốn, lại là tướng vòng tròn; hoa sen là bởi vì nở rộ, bởi vì sinh ra nước Tam thừa, bởi vì không vấy nhiễm, bởi vì vi diệu, bởi vì đàn ong Thánh chúng đã hút mật chứng đắc. Hai, cọng quý báu là bởi vì đáng quý, bởi vì kiên cố. Ba, tạng là bởi vì hàm chứa thâm nhiếp, bởi vì sinh ra, bởi vì đầy đủ công đức. Bốn, cánh là bởi vì che phủ, bởi vì rộng lớn sâu xa cho nên phủ khắp pháp giới. Năm, nhụy thơm là bởi vì ngào ngạt xông ướp quyến thuộc. Sáu, vàng Diêm-phù-đàn là bởi vì bậc nhất trong các loại quý báu, vàng là bởi vì tướng quý giá nổi bật, đài là bởi vì cao vượt lên. Bảy, kết luận. Những điều này đều là pháp môn. Nếu dựa theo Tam thừa thì nhờ vào sự việc này riêng biệt biểu thị về pháp, nhưng sự việc ấy không phải là ngay nơi pháp. Nếu như Nhất thừa này thì ngay nơi sự việc ấy là pháp này, vẫn có sự việc hiển bày rõ ràng.

*Trong phần hai là hiển bày về giáo Năng thuyên, có hai:* Một là nêu ra Thể, hai là kệ tụng trình bày về tướng thuyết giảng. Trong phần một có ba: 1) Nêu rõ giáo từ giữa chạng mây của Đức Phật phát ra là biểu thị dựa vào chứng mà khởi lên thuyết giảng, bởi vì giáo từ Đức Phật sinh ra, như pháp giới lưu chuyển thù thắng. Lại luận rằng từ pháp giới thanh tịnh nhất mà lưu chuyển sinh ra. Sinh ra Bồ-tát là bởi vì che phủ người ở nhân vị. Các pháp là Sở thuyên, âm thanh thù thắng là Năng thuyên. Luận rằng: Khế kinh dùng văn nghĩa làm Thể. Nếu dựa vào Nhất thừa thì Bồ-tát này đã gọi là thấy được Thể của giáo. Người và pháp vô ngại vốn là hiển bày về giáo tròn vẹn, vốn là đầy đủ chủ-bạn. Bởi vì thuận với lý cho nên cung kính vây quanh. 2) Trình bày về xứng với nghĩa cho nên an tọa trên đài nhụy. 3) Bởi vì xứng với nghĩa, khiến cho giáo thành thật, cho nên ca ngợi về đức.

*Trong đức có bốn câu:* 1) Dưới vừa ý với mọi căn cơ; 2) Trên thuận với cảnh Phật; 3) Tận cùng nghĩa hải ấy; 4) Khiến cho quy về quả Phật.



*Trong phần hai là tướng thuyết giảng, có hai:* 1) Âm thanh thù thắng là trình bày về Thể của giáo thù thắng; 2) Ánh sáng rực rỡ là trình bày về uy lực của giáo có Dụng thù thắng.

*Trong phần một có ba tụng:* Một là trình bày về một Đức Phật khắp nơi pháp giới mà vẫn ở tại cây Bồ-đề (đạo thọ); hai là nhiều Đức Phật đều khắp nơi pháp giới mà cùng an tọa nơi một lỗ chân lông; ba là như một lỗ chân lông, tất cả cũng như vậy đều có đủ chủ-bạn. Ba sự việc này dần dần thêm nhiều như vậy.

**Lại giải thích:** Một tụng đầu trình bày về thân Phật Lô-xá-na đầy khắp pháp giới, hai tụng sau trình bày trong lỗ chân lông hiện rõ vô lượng ba thế gian trùng trùng vô tận.

*Trong phần hai là uy lực của giáo, Sư tử có ba loại:* Một, không sợ nghĩa lý sâu xa bởi vì ánh sáng chiếu rọi; hai, không sợ không lợi ích bởi vì lửa nóng đốt cháy phiền não; ba, không sợ Dị học không hàng phục bởi vì vô cùng nhanh chóng. Bởi vì cùng là giáo cho nên cũng gọi là âm.

Trong tụng, đầu là trình bày về nghĩa của Pháp luân, sau là giải thích văn.

Trong phần đầu, nghĩa về Chuyển pháp luân, tóm lược đưa ra mười môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Phân rõ về Thể; 3) Chứng loại; 4) Tướng chuyển; 5) Phạm vi; 6) Nơi chốn chuyển; 7) Thời gian chuyển; 8) Người chuyển; 9) Cơ chuyển; 10) Các môn.

*1. Giải thích tên gọi.* Pháp là nghĩa về quỹ trì, gồm có bốn loại, đó là Giáo-Lý-Hạnh-Quả. Luân là nghĩa đã thành, cũng có bốn loại: Một, nghĩa về Viên mãn, bởi vì lìa xa thiếu kém. Hai, nghĩa về đầy đủ đức, bởi vì ở trực-nạn hoa-vành thủy đều đầy đủ. Ba, nghĩa về có tác dụng, bởi vì phá tan phiền não chướng ngại. Bốn, nghĩa về chuyển động, bởi vì từ nơi này hướng đến nơi kia, tức là từ Phật đến với chúng sinh; cũng từ nơi kia hướng về nơi này, tức là từ chúng sinh đến nơi Phật quả. Pháp tức là Luân, là Trì nghiệp thích; lại Luân là dụ, ví như vòng báu của Thánh Vương, tức là Luân của pháp, là Y chủ thích.

*2. Thể tánh.* Luận chung bốn pháp như Giáo... làm tánh. Hạn định về tánh thì chỉ riêng tám Chánh đạo là tánh, lấy Giới làm ở trực, đó là Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng; lấy Tuệ làm nan hoa, đó là Chánh kiến-Chánh tư duy; lấy Định làm vành xe, đó là Chánh định; còn lại Chánh niệm-Chánh tinh tiến làm trang sức thành bánh xe; đây là dựa theo Tiểu thừa, Sơ giáo cũng giống như vậy. Lại chỉ lấy Trí vô phân biệt làm Thể của Pháp luân, lại chỉ có Chân lý làm tánh; đây là

dựa theo Chung giáo. Hoặc là Lý-Trí cùng phai mờ, giáo-quả cũng mất đi, lia ngôn ngữ bất suy nghĩ, là Thể của Pháp luân; đây là dựa theo Đốn giáo. Hoặc bao gồm thâm nhiếp Vô tận pháp giới, đó là người-pháp-giáo-nghĩa... tất cả pháp môn Hải tự tại, đều là Thể của Pháp luân, như Đế vông trùng trùng, đầy đủ chủ-bạn; đây là dựa theo Viên giáo, cũng tức là thâm nhiếp các phần vị trước. Trong này đều đầy đủ dựa theo Đồng giáo.

3. *Chủng loại* có ba: Một là Tiểu thừa, sau Tứ đế đều có bốn nghĩa, đó là Khổ-Không-Vô thường-Vô ngã, đây là bốn Khổ đế; Nhân-Tập-Hữu-Duyên, đây là bốn Tập đế; Diệt-Chỉ-Diệu-Ly, đây là bốn Diệt đế; Đạo-Như-Tích-Thừa, đây là bốn Đạo đế. Mười sáu loại trên đây dựa theo Đế đã nhận biết. Nếu dựa theo chủ động nhận biết thì cũng đề có bốn, đó là Nhân-Trí-Minh-Giác, Nhân nghĩa là tổng quát quán về Khổ..., Trí nghĩa là riêng biệt quán về Khổ quá khứ..., Minh nghĩa là riêng biệt quán về Khổ vị lai..., Giác nghĩa là riêng biệt quán về Khổ hiện tại... Do đó bốn Đế đều có bốn cho nên thành ra mười sáu. Tân Đại Tỳ-bà-sa luận quyển thứ 79 nói: “Nhân nghĩa là Pháp trí nhãn, Trí nghĩa là các Pháp Trí, Minh nghĩa là Loại trí nhãn, Giác nghĩa là các Loại trí. Lại Nhân là nghĩa về quán sát nhìn thấy, Trí là nghĩa về quyết đoán, Minh là nghĩa về soi chiếu rõ ràng, Giác là nghĩa về cảnh giác xem xét. Ba lần chuyển mười sáu hành tướng làm thành bốn mươi tám hành tướng của Pháp luân.” Đây là dựa theo Tiểu thừa, như Tỳ-bà-sa luận nói đầy đủ.

Hai là trình bày về Pháp luân trong Tam thừa, nhưng có ba nghĩa: 1) Giống như Tiểu thừa, ba lần chuyển bốn Đế bao gồm lợi ích ba cơ, như trong kinh Mật Tích phân rõ, ở đây thì nói bốn Đế mà đầy đủ Tam thừa. Lại ba lần chuyển tức là Không-Thường-Tịnh, trong kinh Duy Ma nói: “Ba lần chuyển pháp luân ở Đại thiên, Luân ấy xưa nay thường thanh tịnh”, là nói đến điều này. Đây là dựa theo Sơ giáo. 2) Chỉ nói đến Đại thừa, cũng gồm chung ba căn đạt được quả Đại-Tiểu, như trong các kinh Đại thừa đã nói. Hoặc phân tướng tách ra ba, như ba loại Pháp luân Chuyển-Chiếu-Trì... Hoặc hợp lại làm một, nghĩa là chỉ một Thật đế. Trên đây là dựa theo Chung giáo. 3) Pháp luân lia xa ngôn ngữ không có chuyển và không chuyển, không phải là bốn-ba-một, bởi vì không thể nói được. Đây là dựa theo Đốn giáo.

Ba là Pháp luân Nhất thừa, dựa theo văn sau có mười Đế sai biệt, nghĩa là nói về các Đế như Thành đế... đều có mười hành tướng, đó là cụ túc-thanh tịnh-bốn Vô úy... Vì vậy tổng cộng có một trăm hành

tướng Pháp luân. Theo văn sau cũng có mười Luân, đó là bởi vì Nguyên lực quá khứ..., tức là mười lần chuyển trăm hành tướng làm thành một ngàn Pháp luân. Điều tìm theo văn sau sẽ mở rộng hiển bày đầy đủ. Vì sao điều nói là mười? Bởi vì hiển bày về vô tận. Đây là pháp giới vô tận làm Đại Pháp luân hải, thường xuyên chuyển không có ngừng nghỉ.

4. *Tướng chuyển*. Tiểu thừa ba lần chuyển có hai: Một, vì mình mà chuyển, đầu tiên chuyển tại Kiến đạo gọi là Ấn Tướng chuyển, tiếp theo chuyển tại Tu đạo gọi là Ứng Tác chuyển, sau cùng chuyển tại Vô học đạo gọi là Dĩ Tác chuyển. Hai, vì người khác mà chuyển, đầu tiên gọi là Thị Tướng chuyển, nghĩa là đây là Khổ... khiến cho Kiều Trần Như... tiến vào Kiến đạo; tiếp theo gọi là Khuyển Tri chuyển, nghĩa là Khổ nên biết-Tập nên đoạn-Diệt nên chứng-Đạo nên tu, khiến cho họ tiến vào Tu đạo; sau cùng gọi là Dẫn Chứng chuyển, nghĩa là Khổ ta đã biết cho đến Đạo ta đã tu, khiến cho họ tiến vào Vô học đạo. Nếu là Pháp luân Tam thừa thì cũng có hai, nói giống như trước, nhưng nghĩa lý sai biệt. Dựa theo hàng Bồ-tát, căn cứ theo kinh Đại Phẩm..., đã nói lúc chuyển Pháp luân ở vườn Nai, vô lượng chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề, vô lượng Bồ-tát đều đạt được Sơ địa, vô lượng Nhất sinh Bồ-tát cùng một lúc thành Phật, ở đây cũng nên giống với ba lần chuyển ấy, là gồm chung chứ không phải là riêng biệt, không có thể phối hợp riêng biệt. Nếu theo Nhất thừa thì chuyển Pháp luân Vô tận xứng pháp giới, cùng với cơ đã che phủ chung một pháp giới, không có hai-không có sai khác, pháp vốn thường hằng như vậy, không có gì mới, đó là phân rõ về lợi ích.

5. *Trình bày về phạm vi của Pháp luân*. Nếu trong Tiểu thừa có một nghĩa, Đức Phật thuyết về bốn Đế như Khổ-Vô thường... thì ngữ âm thâm nhiếp vào Pháp luân, như hỏi A-nan trời mưa..., như vậy ngôn ngữ thế gian đều không phải là Pháp luân. Nếu trong Tam thừa, thì tất cả lời nói và oai nghi nơi thân của Đức Phật đều tiến vào Pháp luân, bởi vì đều làm lợi ích cho chúng sinh. Kinh Duy Ma nói: “Oai nghi đi đứng của chư Phật đều là Phật sự.” Lấy điều này làm chuẩn mực, nếu trong Nhất thừa gồm chung ba thế gian cùng tiến vào Pháp luân, thì âm thanh lời nói của tất cả chúng sinh cũng tiến vào Pháp luân. Pháp luân quốc độ dựa theo như sát-thuyết...

6. *Nơi chốn chuyển*. Tiểu thừa chỉ có các nơi như trăm ức vườn Nai ở một Ta-bà. Tam thừa hoặc là một trăm ức, hoặc là ngàn trăm ức, hoặc là như cát sông Hằng, làm cảnh giáo hóa của một Đức Phật. Nhất thừa gồm chung tất cả cảnh giới như cây cối... cho đến Hoa Tạng, giống như

Đế võng trùng trùng chủ-bạn. Kinh nói: “Đây là nơi Đức Phật Lô-xá-na thường chuyển pháp luân.

7. *Thời gian chuyển.* Tiểu thừa-Tam thừa, hoặc là mười bốn ngày, hoặc là hai mươi một ngày, lại hoặc là bốn mươi hai ngày, hoặc là bốn mươi chín ngày, hoặc là năm mươi sáu ngày, hoặc là ba trăm năm mươi ngày, hoặc là một năm... Đây đều là vì Mật giáo tùy theo căn cơ thấy nghe khác nhau mà thôi, cũng không có sự việc trước sau thâm nhiếp lẫn nhau... Bốn giáo Nhất thừa chủ yếu thuộc về bảy ngày thứ hai của thời thứ nhất, lại không có nói gì khác, nhưng thâm nhiếp trước-sau đều là vô lượng kiếp, niệm niệm không gián đoạn, trong mỗi một niệm cũng đều thâm nhiếp thời kiếp trước-sau kia, cũng như Đế võng trùng trùng vô tận, đã chuyển trong chín đời-mười đời.

8. *Người chuyển.* Trước là chủ, sau là bạn. Tiểu thừa thì chủ là Sinh thân của Thích-ca và Hóa thân Phật, Thanh văn đệ tử làm bạn. Tam thừa thì chủ tức là ba thân Phật, Thanh văn Bồ-tát làm bạn, đó là Xá-lợi-phất... Nhất thừa thì chủ là mười thân của Lô-xá-na, Bồ-tát như Phổ Hiền... làm bạn, cũng như Đế võng hiện bày trùng trùng.

9. *Cơ chuyển.* Ban đầu chỉ là cơ Tiểu thừa, tiếp theo phủ khắp tất cả cơ Tam thừa, sau cùng chỉ là cơ Nhất thừa rộng khắp.

10. *Các môn:* Một, Giáo và Niệm xứ... làm nhân của Pháp luân, bởi vì từ đây đạt được Thánh đạo. Hai, Phước-Tuệ vạn hạnh làm quyền thuộc của Pháp luân. Ba, Chân đế-Tục đế làm cảnh của Pháp luân. Bốn, hai chương Sử-Tập là do Pháp luân mà đoạn. Năm, Bồ-đề Niết-bàn là quả của Pháp luân. Các tông đều dựa theo đây.

*Giải thích văn.* Trong tụng có mười kệ phân làm bốn: 1) Ba kệ đầu trình bày về Pháp luân thanh tịnh rộng lớn của Đức Phật. Trong đó câu đầu là nêu ra Giáo chủ; câu tiếp theo là trình bày về Pháp luân thanh tịnh, Thanh tịnh là trừ diệt hoặc nhiễm, cho nên hiện rõ lý thanh tịnh, cho nên giáo luân thanh tịnh, cho nên giống như Phạm luân. Những câu sau trình bày về Pháp luân rộng lớn, tự nhiên có sáu môn: Một, một câu về khéo léo thuyết giảng rộng lớn; hai, một câu về người thuyết giảng rộng lớn; ba, hai câu về nơi thuyết giảng rộng lớn, trong đó quốc độ hải và thế giới hải cùng đưa ra là bởi vì hai loại này tác thành lẫn nhau; bốn, hai câu về nhân thuyết giảng rộng lớn, nghĩa là nhờ vào Đại nguyện lực cho nên thuyết giảng tận cùng thời gian vị lai, cũng gọi là thời gian thuyết giảng rộng lớn; năm, hai câu về cơ thuyết giảng rộng lớn; sáu, hai câu về ngôn ngữ âm thanh rộng lớn. 2) Có hai kệ tụng ca ngợi Phổ Hiền có năng lực thuyết pháp rộng khắp, một là Phật lực gia hộ khiến

cho ngữ nghiệp rộng khắp mọi nơi, hai là thân nghiệp xứng với lý cũng rưới mưa pháp rộng khắp. 3) Có ba kệ tụng ca ngợi Đức Phật Lô-xá-na thuyết pháp, một là ngữ nghiệp, hai là ý nghiệp phát ra ánh sáng, ba là thân nghiệp. 4) Hai kệ sau cùng tụng ca ngợi về chư Phật ba đời cũng cùng thuyết pháp, một là khiến cho được thấy thuyết pháp, hai là khiến cho được nghe thuyết pháp.

*Phần sau là kết luận nối thông, có hai nghĩa:* 1) Kết luận về chúng quy tụ trước đây nối thông với mười phương thế giới; 2) Đã kết luận ở sau phần nêu rõ về pháp thì biết nêu rõ về pháp cũng nối thông với mười phương thế giới. Phần nêu rõ về Pháp chủ, xong.

Thứ ba, phần Pháp chủ nhập định, trong đó có hai: Một, phân tích trong các Hội có bốn: 1) Có và không có, chỉ riêng Hội thứ hai không có, bởi vì pháp đã biểu hiện thành tựu phần vị, các Hội khác vốn là pháp đã biểu hiện thành tựu phần vị. 2) Xuất và không xuất, chỉ riêng Hội thứ tám là không xuất, bởi vì biểu thị vừa chứng pháp giới thì không có thối thất, các Hội khác bởi vì biểu thị phát khởi giáo hóa. 3) Nhân quả, Hội thứ nhất và thứ bảy-thứ tám là quả Định, bởi vì Hội thứ nhất nói về quả, Hội thứ bảy là hành sâu xa, Hội thứ tám là chứng huyền, các Hội khác đều nói về nhân. Lại giải thích: Trong Hội thứ bảy cũng bởi vì gồm có nghĩa về nhân, vì Hoa Nghiêm là nhân hạnh thành tựu trang nghiêm. Nếu phân định như vậy thì có bốn câu, hoặc chỉ có quả, đó là Hội thứ nhất và Hội thứ tám; hoặc chỉ có nhân, đó là Hội thứ ba cho đến Hội thứ sáu; hoặc cũng có nhân-cũng có quả, đó là Hội thứ bảy; hoặc không phải là nhân-không phải là quả, đó là Hội thứ hai hoàn toàn không có. 4) Người chủ động nhập, chỉ riêng Hội thứ tám là Đức Phật tự nhập, bởi vì biểu thị pháp giới giải thoát tự tại chỉ có Đức Phật mới cùng tận. Hội thứ nhất tuy nói về quả mà bởi vì khiến cho căn cơ tin tưởng, Hội thứ bảy hành tuy sâu xa nhưng vốn là hành của người ở nhân vị.

Hai, giải thích văn, trong đó có hai: Trước là cõi này, sau là kết luận nối thông. Trong phần trước: Ngồi ở trước Đức Phật, là bởi vì hiển bày nhân quả không rời xa nhau? Vì sao nhập Định? Là bởi vì hiển bày không phải là chứng thì không thuyết giảng, là bởi vì được gia hộ, bởi vì loại trừ nghi ngờ của chúng? Vì sao tiến vào quả Định? Bởi vì nói về pháp của quả? Vì sao người ở nhân vị tiến vào? Bởi vì che chở người ở nhân vị. Tịnh có bốn nghĩa: 1) Tự tánh thanh tịnh; 2) Đối trị phiền não thanh tịnh; 3) Thiện căn thanh tịnh; 4) Lợi ích hoạt dụng thanh tịnh.

*Tạng có bốn nghĩa:* 1) Hàm chứa thâm nhiếp; 2) Tích lũy giữ gìn; 3) Sinh ra; 4) Vô tận. Tam-muội, Trung Hoa gọi là Đẳng Trì, bởi vì

rời xa chìm nổi, Định-Tuệ bằng nhau cho nên gọi là Đẳng; bởi vì tâm không tản mát, trú vào một cảnh cho nên gọi là Trì. Tiếp nhận pháp ở tại tâm, gọi là Chánh Thọ. Trong này, Tạng của Tịnh, Tịnh tức là Tạng; Tịnh Tạng của Như Lai, Như Lai tức là Tịnh Tạng; Tam-muội của Tịnh Tạng, Tam-muội tức là Tịnh Tạng, đều có hai cách giải thích, suy nghĩ có thể thấy. Sau là giải thích hiển bày về nghĩa ấy, câu đầu giải thích về Như Lai, câu sau giải thích về Tịnh Tạng, lìa cấu là Tịnh, đầy đủ là Tạng, hư không là dụ cho hai nghĩa trên.

*Phần kết luận nói thông:* Kinh này nói ở tất cả các nơi tổng hợp thành một bộ, nghĩa là một bộ tức là tất cả các bộ. Nay lại nêu ra sự việc trong một phương này, sợ rằng gián đoạn bộ căn bản ấy, cho nên kể ra ở cuối văn, chọn lấy tất cả kết hợp làm thành bộ căn bản, để trình bày về Vô tận vô tận. Vì vậy sơ lược trình bày về phạm vi sai biệt của Tam-muội đã tiến vào có mười lớp.

1) Dựa theo tất cả các Định vô ngại, bởi vì trong phần khởi Định nói: Bồ-tát Phổ Hiền từ Tam-muội ấy khởi, từ Tam-muội như trần số thế giới... khởi. Giải thích rằng câu này có hai nghĩa, một là Định này hàm chứa thâm nhiếp nhiều Tam-muội, hai là Định này tiến vào nhiều Tam-muội khắp nơi. Vì vậy Định này tức là Tam-muội hải như vi trần...

2) Dựa theo tất cả các Xứ vô ngại, như văn này nói: Bồ-tát Phổ Hiền ở thế giới này Chánh thọ Tam-muội, ở tất cả cõi Phật như hư không giới khắp pháp giới... cũng lại như vậy. Câu này có hai nghĩa, một là trong Định bao hàm các cõi khắp mười phương, hai là Định này khắp nơi các trần đạo.

3) Dựa theo tất cả các Thời vô ngại, như phần khởi Định nói: Phổ Hiền từ Tam-muội của tất cả ba đời khởi. Câu này cũng có hai nghĩa, đó là Định hàm chứa ba đời và tiến vào tất cả ba thời gian.

4) Ba lớp trên đây dung hòa làm thành một Tam-muội vô ngại tự tại của Phổ Hiền, bởi vì ba lớp này nói là một Định, bởi vì không rời xa nhau.

5) Ở trong Tam-muội hải như vi trần... trên đây, hễ một Tam-muội thì có đủ tất cả các Định, bởi vì đều bao gồm mười phương tận cùng ba đời.

6) Như một Tam-muội, tất cả Tam-muội cũng như vậy.

7) Cứ trong một mảy trần thì thấy Tam-muội viên minh của Phổ Hiền, đều thâm nhiếp mười phương, cũng tận cùng ba thời gian.

8) Như trong một mảy trần, tất cả trần đạo cũng đều như vậy.

9) Cứ trong một niệm thì có Phổ Hiền, tiến vào Định như vi trần...

đều bao gồm trần đạo, toàn bộ các cõi khắp mười phương và cùng tận tất cả chín đời-mười đời...

10) Như trong một niệm, trong niệm niệm khác toàn bộ thời gian trước sau, tất cả kiếp hải cũng đều như vậy.

Như mười lớp này làm quy phạm, trong tất cả các phần vị khác và giáo-nghĩa-lý-sự..., dựa theo đây để suy nghĩ. Phần nhập Định, xong.

Bốn, trong phần chữ Phật gia trì, có hai: Một là phân rõ về các Hội có hai: 1) Có và không có, ba Hội thứ hai-thứ bảy-thứ tám không có, Hội thứ hai bởi vì phần vị chưa thành tựu cho nên không có nhập Định, Hội thứ bảy bởi vì thực hành theo pháp không khác trước kia, Hội thứ tám bởi vì Đức Phật tự nhập Định cho nên không nhờ vào gia hộ, các Hội khác không phải như vậy cho nên đều có. 2) Phật ở xa gần-nhiều ít-tên gọi khác nhau, đều như vậy nên biết!

Hai là trong giải thích văn, có ba: 1) Khẩu gia hộ và bằng việc làm; 2) Ý gia hộ; 3) Thân gia hộ. Lại đầu là khuyến khích thuyết giảng để thêm biện tài, tiếp là ngậm che chở để tăng thêm trí, sau là xoa đầu mà làm cho hiểu rõ. Nhưng gia hộ và khen ngợi thành tựu lẫn nhau có bốn câu: 1) Gia hộ mà không phải là khen ngợi, như Đức Phật gia hộ bằng ý và thân; 2) Khen ngợi mà không phải là gia hộ, như các Bồ-tát nói kệ ca ngợi... 3) Cũng gia hộ mà cũng khen ngợi, như khẩu nghiêp của Đức Phật; 4) Không phải là gia hộ cũng không phải là khen ngợi, như văn còn lại.

*Trong khẩu gia hộ có hai:* Một là trình bày về gia hộ và khen ngợi, hai là giải thích bằng việc làm. Trong phần một có ba: 1) Trình bày về chữ Phật chẳng rời khỏi bốn độ mà hiện thân ở cõi này, bởi vì làm sáng tỏ cõi kia tức là cõi này mà không hoại đến cõi kia, bởi vì xa tức là gần mà không hoại đến xa, như tánh duyên khởi, nên biết. 2) Khen ngợi đạt được Định sâu xa. 3) Trình bày về nhân của Định, đầu là Tha lực, sau là Tự lực. Lại do lực của quả-lực của nhân, duyên khởi hòa hợp mà thành. Lại Phật bốn nguyện là trình bày xưa kia Đức Phật đã từng thấy sự việc này, nhân đó liền phát nguyện, nguyện nay thành tựu.

Trong giải thích bằng việc làm, bởi vì nghĩa gì mà gia hộ? Bởi vì thuyết giảng về pháp này. Trong đó có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, đó là nguyên cơ lúc đầu chuyển Pháp luân Nhất thừa, bởi vì Pháp luân là quả, cho nên gọi là Phật. Trong riêng biệt có chín: 1) Nghĩa đã chuyển là Thể của Pháp luân, mở bày giống như hiện rõ; 2) Khéo léo chuyển đến tận cùng nguồn gốc là Tướng của Pháp luân, cho đến mười phương là kết luận về nơi nối thông; 3) Khéo léo trừ diệt phiền não

chướng ngại, tức là Dụng của Pháp luân; 4) Mười phương đều chuyển, là Xứ của Pháp luân, lại cùng tận quốc độ hải; 5) Chuyển nhân tiến vào quả, là phạm vi của Pháp luân; 6) Một môn thâm nhiếp tất cả các quả, là Đức của Pháp luân; 7) Khéo léo khiến cho vui với quả, tức là Cảnh của Pháp luân; 8) Khéo léo tùy theo thể tục, là phương tiện của Pháp luân; 9) Xét kỹ căn cơ trao cho pháp, tức là sự che chở của Pháp luân. Đồng dị thành hoại, dựa theo suy nghĩ biết rõ.

*Trong phần hai là ý gia hộ có hai:* Trước là gia hộ, sau là giải thích. Trong phần trước một câu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: 1) Đắc Pháp trí, đó là trí về năm Hải không phải là một, cho nên nói là vô biên...; 2) Tận Biên trí, đó là cùng tận năm Hải bao gồm Phật trong ba thời gian; 3) Thành Hoại trí, đó là năm Hải tụ tán cũng là Thế giới hải; 4) Sở Hóa trí, đó là năm Hải dựa theo nhiệm cũng là Chúng sinh hải; 5) Lý trí, đó là năm Hải đều sâu xa cũng là Pháp giới hải; 6) Tam-muội trí, đó là năm Hải đều là cảnh của Định; 7) Căn Dục trí; 8) Ngữ Biện trí; 9) Thân Biện trí; 10) Viên Âm trí, những trí này đều thông suốt năm Hải, phần lớn giống với mười Trí ở văn sau.

Trong phần giải thích, trước là đưa ra, sau là giải thích.

Hỏi: Chư Phật có Lực-có Bi, vì sao chỉ gia hộ Phổ Hiền mà không gia hộ người khác?

Đáp: Bởi vì Phổ Hiền vốn là Trưởng tử, vốn là đứng đầu chúng, vốn là tận đáy nguyện của Phật, vốn là Bốn nguyện, vốn là đức đầy đủ khắp nơi, vốn là đạt được pháp Định, những vị khác vốn không đạt được. Vả lại, hễ nơi nào có Định này thì pháp của chư Phật vốn như vậy đều quy tụ đến đó, như pháp của biển vốn như vậy thâm nhiếp các dòng chảy kia, cho nên nói là pháp. Lý của pháp môn duyên khởi nói ra như vậy, vì thế cho nên Trí đức và Đoạn đức của chư Phật cũng có thể trao cho người.

Hỏi: Đức Phật sao không tự thuyết giảng?

Đáp: Có hai ý, một là pháp thuyết ra đã sâu xa, sợ rằng người ở nhân vị không có phần. Nếu như vậy thì sao không thuyết cho người khác? Bởi vì thuyết về pháp rộng khắp. Hai là làm sáng tỏ hễ thuyết về pháp này thì chắc chắn có đủ tất cả chư Phật cùng thuyết, nếu Đức Phật tự thuyết thì theo lý không có gia hộ truyền trao, sẽ trái với cùng thuyết. Vì vậy một mình Phổ Hiền thuyết ra tức là tất cả chư Phật cùng thuyết.

*Trong phần ba là thân gia hộ:* Vì sao xoa đầu? Bởi vì khiến cho hiểu rõ, bởi vì khiến cho đầy đủ uy đức của Phật. Trong này, thân Phật



chưa hẳn đến nơi này, duỗi cánh tay chưa hẳn kéo dài ra, đều khiến cho chạm vào đỉnh đầu chưa hẳn làm trở ngại nhau, đều cùng lúc xoa đầu chưa hẳn là trước sau, đều là duyên khởi tự tại vô ngại, suy nghĩ nên biết. Phần gia trì, xong.

Năm, trong phần Đại chúng cùng thừa thỉnh, có hai: Đầu là trường hàng, cảm thấy lạ không lập tức thuyết giảng để phát sinh thừa thỉnh ở sau, cũng là thừa thỉnh có đủ thân nghiệp và ý nghiệp, đó là thân cung kính và ý quán sát, hai nghiệp cùng chuyên chú nhất tâm. Sau trong phần chính thức thừa thỉnh bằng ngữ nghiệp, cùng với sự thừa thỉnh trước đây có gì khác nhau? Nghĩa là đây vốn riêng biệt thừa thỉnh Phổ Hiền, bởi vì biết là chủ thuyết pháp. Vả lại, ở đây có đủ hai chúng mới-cũ, cho nên không giống với trước; pháp đã hỏi không khác với trước, cho nên không nêu ra riêng biệt.

*Trong mười tụng phân ba:* Một có tám tụng ca ngợi về pháp chủ để thừa thỉnh, hai có một tụng đưa ra pháp đã thuyết để thừa thỉnh, ba có một tụng ca ngợi về chúng thích nghe để thừa thỉnh. Trong phần một có hai: Trước có năm tụng gồm chung ca ngợi về đức của Phổ Hiền, sau có ba tụng riêng biệt ca ngợi về đức thuyết pháp; cũng tức là trước ca ngợi về có nhân thuyết giảng, sau ca ngợi về có quả thuyết giảng.

*Trong phần trước tóm lược hiển bày mười loại công đức của Phổ Hiền:* 1) Nhân hạnh nguyện mãn; 2) Quả đức bình đẳng. Một tụng thứ nhất hiển bày hai loại này. 3) Sắc thân khắp mọi nơi; 4) Phước trí sâu rộng. Một tụng thứ hai hiển bày hai loại này. 5) Thấy khắp Phật hải; 6) Có năng lực hiện rõ trần sát. Một tụng thứ ba hiển bày hai loại này. 7) Thời xứ rộng khắp; 8) Định sâu xa thường hiện bày. Một tụng thứ tư hiển bày hai loại này. 9) Thể đầy khắp pháp giới; 10) Dụng khắp nơi chúng sinh hải, cũng là trước Trí-sau Bi. Một tụng thứ năm hiển bày hai loại này.

Vả lại, mười đức này thấu nhiếp làm thành năm cặp: 1) Nhân và quả; 2) Thân và trí; 3) Thấy và hiện; 4) Sâu và rộng; 5) Thể và Dụng.

*Trong phần sau riêng biệt ca ngợi về đức thuyết pháp:* Một là một tụng ca ngợi về Chứng Đoạn làm nhân thuyết giảng rộng khắp mọi nơi, nghĩa là câu đầu về Chứng lý, câu tiếp về Đoạn chương, câu tiếp về rộng khắp mọi nơi, câu cuối về thuyết giảng rộng khắp. Hai là một tụng ca ngợi về trong-ngoài làm nhân có thể thuyết giảng khéo léo làm lợi ích, nghĩa là câu đầu ca ngợi về Nội chứng của Phổ Hiền, sinh ra đức hải của tất cả chư Phật, câu tiếp ca ngợi về bên ngoài có thể phát ra vầng mây ánh sáng thuyết pháp khắp nơi, câu tiếp ca ngợi có năng

lực làm lợi ích cho chúng sinh với công hạnh thanh tịnh vững vàng, câu cuối là bởi vì điều này cho nên có thể khéo léo nói về cảnh Phật. Ba là một tụng ca ngợi về hạnh sâu xa làm nhân có thể khởi lên mây mưa thuyết pháp.

Trong ba tụng trên đây, nếu dựa theo Năng thuyết để phân rõ, thì một là Quảng thuyết, hai là Diệu thuyết, ba là Đốn thuyết; nếu dựa theo Sở thuyết, thì một là Phật pháp, hai là Phật cảnh, ba là pháp giới.

*Phần hai có một tụng trình bày về pháp đã thuyết:* một câu đầu tổng quát đưa ra thế giới Hoa Tạng... ở vãn sau, câu tiếp đưa ra sự việc trang nghiêm thanh tịnh của cõi Phật ở vãn sau, trong câu tiếp chủ động tiến vào là Phật hải-Pháp giới hải, thụ động tiến vào là Chúng sinh hải và Căn dục hải, câu cuối là kết thúc thừa thỉnh.

*Phần ba có một tụng ca ngợi về chúng có hai đức có thể nghe:* Một là vui thích mong muốn, hai là căn khí. Trong một cũng có hai: 1) Thân lia xa ngạo mạn cho nên nói là cung kính, 2) Tâm lia xa tưởng khác lạ cho nên nói là nhìn ngắm Phổ Hiền.

Trong hai là căn khí, tuy một lòng vui thích được nghe, nhưng nếu không có trí tuệ thì không có thể tiếp nhận, phần này cũng có hai: 1) Trí sâu xa cho nên hiểu được Lý sâu xa, 2) Trí rộng rãi cho nên phân biệt rõ Sự rộng rãi. Câu cuối là kết thúc thừa thỉnh mong mỗi thuyết giảng. Phần Đại chúng cùng thừa thỉnh, xong.

Sáu, phần trong Định nói tóm lược về phần căn bản, có hai: Trước là quán về năm Hải, sau là nói về mười Trí. Lại trước là cảnh sở quán, sau là trí năng quán. Lại trước là Chứng bốn, sau là Giáo bốn. Vì sao không khởi Định mà thuyết giảng? Nghĩa là trình bày về Định không làm trở ngại Dụng, dựa vào Định để hiển bày là pháp sâu xa, là cùng thực hành.

*Trong phần trước có hai:* Một, trình bày về cảnh Hải sâu xa cho nên quán sát không phải là tự lực; hai, đích thực quán sát kỹ càng về pháp. Năm Hải tóm lược đưa ra mười môn:

1) Phân rõ về nghĩa và tướng, nghĩa là ở trong Vô tận viên minh tánh hải tạng, phân tạng ấy thành năm nghĩa: Một là nghĩa về chỗ dựa gồm chung tất cả; hai là nghĩa về nảy mầm cũng là nghĩa về tích tụ; ba là nghĩa về quy phạm sử dụng; bốn là nghĩa về hành riêng biệt, nghĩa về tánh riêng biệt; năm là nghĩa về giác ngộ trọn vẹn. Năm nghĩa này đều trong một nghĩa đã có đủ bốn nghĩa còn lại, đều sâu rộng vô tận, đầy đủ đức khó mà suy lường, cho nên nói là Hải.

2) Dựa theo nhiệm và tịnh có hai nghĩa: a) Biệt, hoặc là chỉ có tịnh

gọi là Phật hải, hoặc là chỉ có nhiệm gọi là Chúng sinh hải, hoặc là cùng có hai loại gọi là Thế giới hải và Căn dục hải, hoặc là không có hai loại gọi là Pháp giới hải. b) Thông, hoặc là cùng tịnh bởi vì chúng sinh... cũng vốn trở lại lưu chuyển, vốn có thanh tịnh; hoặc là cùng nhiệm, bởi vì Phật... cũng vốn là tùy duyên; hoặc là cả hai, hoặc là không cả hai, suy nghĩ dựa theo đó.

3) Dựa theo lý và sự cũng có bốn câu hàm chứa thâm nhiếp, có thể biết.

4) Dựa theo người và pháp có hai nghĩa: a) Biệt, Chúng sinh và Phật là người, Pháp giới là pháp; Căn dục cũng là người-cũng là pháp; Thế giới không phải là người-không phải là pháp. b) Thông, cũng có đủ bốn câu hàm chứa thâm nhiếp, có thể biết.

5) Dựa theo nhân và quả cũng có hai nghĩa: Trong Biệt, Thế giới có cả hai, Pháp giới không có cả hai; hai câu còn lại có thể biết. Trong Thông cũng có bốn câu, suy nghĩ biết rõ.

6) Dựa theo ba thế gian.

7) Dựa theo cảnh và trí.

8) Dựa theo y và chánh.

9) Dựa theo Tam Bảo.

Bốn môn trên đây đều có các câu Thông và Biệt, suy nghĩ biết rõ.

10) Dựa theo dung hòa thâm nhiếp có hai nghĩa: 1) Dựa theo Thế giới hải, nghĩa là Thế giới tức là Chúng sinh, như phần sau Chúng sinh biểu hiện về Thế giới; Thế giới tức là Pháp giới, như Pháp giới không thể hoại Liên Hoa thế giới hải; Thế giới hải tức là Căn dục, như Tâm làm ra Thế giới; Thế giới tức là Phật, như Thân quốc độ. 2) Dựa theo Chúng sinh tức là Thế giới, nói như trước; cũng tức là Pháp giới, như kinh; tức là Pháp giới này lưu chuyển trong năm đường, gọi là Chúng sanh; cũng tức là Căn dục, bởi vì như tâm-tâm sở làm ra; cũng tức là Phật, là Chúng sinh thân trong mười thân. Lại bởi vì Chúng sinh tức là Chân. Ba Hải sau, mỗi một Hải đã có đủ những Hải khác, đều suy nghĩ có thể thấy.

*Trong phần hai dựa theo Trí cũng có hai:* 1) Biệt, ba Trí đầu là Trí về ba Hải trước, bảy Trí sau là Trí về hai Hải sau. 2) Thông, nghĩa là một Trí có năm Hải, một Hải có mười Trí, dung hòa suy nghĩ thâm nhiếp, năm Hải hết sức sâu xa, dựa vào số năm mà nói vốn làm cho dễ tin; mười Trí có phần thô thiển, dựa vào số mười mà nói cho nên hiểu được nguồn gốc. Vì thế cho nên cảnh và trí không khác, thô và diệu

luôn luôn khác biệt. Đây là dựa theo Nhất thừa. Lại như kinh Giải Thâm Mật nói: “Công hạnh của Như Lai, cảnh giới của Như Lai, hai loại này sai biệt thế nào? Đức Phật nói: Công hạnh của Như Lai gọi là Nhất thiết chủng, Như Lai cùng có vô lượng công đức, tất cả đều trang nghiêm, thanh tịnh Phật quốc độ; cảnh giới của Như Lai gọi là Nhất thiết chủng năm cõi sai biệt, đó là Hữu tình giới-Thế giới-Pháp giới-Điều phục giới và Điều phục phương tiện giới.” Địa Trì luận-Du Già luận cũng gọi năm loại này là năm Vô lượng. Năm loại này đã là cảnh giới của Như Lai, cho nên phần sau nói về Trí gọi là Hội quán trí. Đây là dựa theo Tam thừa.

Hỏi: Đã quán về Hải, sao không nói là Hải mà nói là Trí?

Đáp: Bởi vì Hải là cảnh của Chứng, Chứng muốn thuyết giảng về điều ấy tức là thuyết giảng thuộc về Trí. Như người đến chùa ngắm nhìn Tháp ghi nhớ vào tự tâm, sau trở về nhà nói là Tháp, tức là nói đến tâm chứ không phải là nói đến Tháp ấy.

Hỏi: Đã ở trong Định có thể thuyết giảng, về sau sao cần phải khởi Định?

Đáp: Bởi vì dựa vào pháp. Vì sao? Nghĩa là ở trong Định quán về Hải, điều này ở trong tâm là vi tế nhất; mười trí quán về Hải, tuy ở trong Định nhưng dựa vào lời nói, cho nên vi tế thứ hai; phần thuyết giảng là thô thiển nhất, cho nên dựa vào cơ mà xuất Định để biểu thị rõ ràng. Vì vậy thuyết giảng lấy Trí làm căn bản, Trí lấy Hải làm căn bản, bởi vì thuyết giảng dựa vào Trí mà thành tựu, Trí dựa vào Lý mà phát khởi.

*Trong văn có ba:* 1) Nêu rõ trí; 2) Đồng ý thuyết giảng; 3) Trình bày về ý thuyết giảng. Trong này Phật tử có năm nghĩa, như trong Nhiếp Luận: “Một, nguyện vui với Đại thừa làm chủng tử; hai, Bát-nhã làm mẹ; ba, Định làm thai; bốn, Đại Bi làm mẹ vú; năm, chư Phật làm cha.” Lại có mười nghĩa, như sau nói ở phần Di-lặc Trí thức xứ.

Mười Trí: 1) Bởi vì thành tức là bại, cho nên thành thanh tịnh; bại cũng như vậy. Từ đó đã có đủ chín trí còn lại, cho nên gọi là không suy nghĩ. Câu không suy nghĩ này có khắp ở chín câu sau. 2) Trong hai bởi vì chúng sinh Không-Hữu vốn là không hai, vốn là nhiều loại, vốn là tương tức, vốn là tương nhập, vốn đầy đủ tất cả các pháp, vốn là nhiều căn tánh, cho nên cũng không suy nghĩ. Vả lại, Giới là Như Lai Tạng, tùy duyên làm ra chúng sinh gọi là khởi, nhưng khởi ở trong Trí. 3) Trong ba có bốn câu: Một là dựa theo Hữu vi, hai là Vô vi, ba là cả hai, bốn là không cả hai. Mỗi câu đều gồm chung nhiễm và tịnh, suy nghĩ dựa theo đó. Căn dục thâm nhiếp ở trong hai Trí trước, cũng ở bảy Trí

sau, như phân rõ trong câu hỏi trên, bảy Trí dưới đây trình bày về Phật hải. 4) Bởi vì Vô ngại. 5) Bởi vì xứng với Căn mong muốn trao truyền, cho nên chuyển khắp nơi. 6) Bởi vì hiển bày về đức. 7) Bởi vì ánh sáng và âm thanh. 8) Bởi vì Tam luân thâm nhiếp. 9) Bởi vì Định sâu xa, cho nên tương tức và Thể-Dụng đều không hoại. 10) Dùng tổng quát để kết luận riêng biệt. Phần Căn bản, xong.

Bảy, trong phần khởi Định thành tựu lợi ích, có hai: Một là khởi Định chủ-bạn. Trước đây trình bày về Định không làm trở ngại Dụng, cho nên nói về mười Trí, nay trình bày về Dụng không làm trở ngại Định cho nên nói Bất hoại, bởi vì không hoại đến Định ấy. Thế nào là không hoại? Bởi vì dựa vào Trí phương tiện để giải thích hiển bày.

*Trong phần hai là lợi ích khởi Định có hai:* Một là lợi ích bên trong, cũng có hai: 1) Lợi ích cho chúng cõi này có bốn: a) Chứng được Thể của pháp; b) Dựa vào chứng khởi lên trí khéo léo; c) Dựa vào trí khởi lên biện tài tuyệt vời; d) Thuyết giảng không hề ngắt quãng, đó là vốn nhờ vào nguyện lực. 2) Kết luận nói thông hiển bày tròn vẹn.

*Trong hai là lợi ích bên ngoài, có ba:* 1) Rung động. 2-Lợi ích, nghĩa là lúc rung động làm cho sợ hãi, ngược lại với điều này cho nên vui thích. Lại nhân là thiện nghiệp an ổn, quả là trao cho niềm vui. Lại lúc rung động làm cho hủy hoại, ngược lại với điều này cho nên trang nghiêm quý báu. 3-Mưa báu, đó gọi là pháp môn. Bởi vì là kém mười cho nên nêu rõ mười mà đưa ra bảy.

Tám, trong phần đầu lông phát ra ánh sáng khen ngợi về đức, có hai:

Một, lỗ chân lông và ánh sáng... của tất cả Như Lai, là Phật chủ động gia hộ trước đây. Ca ngợi đức của Phổ Hiền hiển bày đầy đủ đức thuyết pháp, vốn là khiến cho chúng tôn trọng sinh tâm khao khát ngưỡng mộ, là ánh sáng-ca ngợi-âm thanh và trí trước đây.

Hai, trong mười bốn tụng phân hai: Đầu là tám tụng ca ngợi ba nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền tận cùng đáy nguyện của Phật. Trong đó ba tụng đầu là thân, nửa tụng tiếp là ngữ, bốn tụng rưỡi tiếp là ý. Trong đó một tụng rưỡi đầu là Định, một tụng tiếp là Tuệ, hai tụng sau cuối là tận cùng đáy nguyện của Phật. Sau là sáu tụng ca ngợi Thể-Dụng rộng khắp mọi nơi ứng với cơ không ngăn ngại. Trong đó, một tụng đầu là Thể rộng khắp, nghĩa là thân Phổ Hiền ngồi ở Hội này, mà ở vô biên thế giới khắp mười phương, mỗi một thế giới đều thấy thường ở tại xứ ấy, xưa nay ở xứ ấy mà thân không phân ra, cũng không có đến đi. Trong tất cả các trần, trong thân của tất cả chúng sinh, cũng đều như

vậy. Bởi vì các chúng sinh tức là Như, đều là Phổ Hiền, mà thật ra Phật quốc của Nhất thừa cũng giống như Phổ Hiền đầy đủ khắp nơi, tức là dựa vào thù thắng cho nên dễ hiểu, chọn lấy quốc độ dựa theo lý nhờ vào Tam thừa để hiển bày về Nhất thừa mà thôi, suy nghĩ có thể thấy. Sau là năm tụng trình bày về Dụng: 1) Hiện bày thân, 2) Hiện bày pháp, 3) Nguyện thanh tịnh, 4) Chúng sinh, 5) Hiện bày nhận biết.

Chín, trong phần đồng ý thuyết giảng khiến cho hoan hỷ, cũng có hai: Một là trường hàng nêu ra ý, nghĩa là trước đây nghe về phần căn bản đã sinh tâm hoan hỷ, nay lại đồng ý thuyết giảng từng phần cho nên nói là thêm hoan hỷ. Hai là tụng hiển bày về sự việc hoan hỷ, trong đó có mười tụng phân ra ba:

Thứ nhất có hai tụng rưới nêu ra đức giáo hóa của Đức Phật vượt quá tình thức không đo lường được. Trong đó, tụng một là trí sâu xa thuyết pháp, tụng hai là quốc độ trang nghiêm điều phục chúng sinh, nửa tụng sau cuối là gồm chung kết luận về chủ động giáo hóa và tiếp nhận giáo hóa vô tận khó suy lường.

Thứ hai có năm tụng rưới khuyên nhủ Đại chúng khiến cho thanh tịnh có thể làm pháp khí. Trong đó, nửa tụng đầu lược giản về người không có thể nghe nổi, nói ưa thích điều ác là gây ra nhân của nẻo ác, đắm theo quả báo là ví như làm nghiệp thiện mà không mong cầu giải thoát. Câu sau kết luận không phải là, nghĩa là không có thể hiểu rõ đều hiển bày không phải là pháp khí. Một tụng tiếp trình bày có đủ ba lực mới có thể làm pháp khí: 1) Lực thiện căn vốn có; 2) Lực gần gũi thiện hữu; 3) Lực hộ niệm của Phật.

Câu sau kết luận những chúng sinh này có thể đạt được trí bậc Thượng. Một tụng tiếp là có đủ bảy tâm mới có thể nghe pháp: 1) Tâm thẳng thắn, bởi vì lìa xa nịnh bợ quanh co; 2) Tâm thanh tịnh, bởi vì lìa xa những sai lầm như mong cầu...; 3) Tâm Từ, bởi vì làm lợi ích cho chúng sinh; 4) Tâm Bi, bởi vì cứu giúp chúng sinh; 5) Tâm sâu xa, bởi vì tu hành; 6) Tâm tin tưởng, bởi vì tiếp nhận pháp sâu xa; 7) Tâm không hề thỏa mãn, bởi vì tâm khao khát giáo pháp luôn đầy ắp. Câu sau kết luận họ được nghe pháp này vô cùng hoan hỷ. Hai tụng trên đây gồm chung mười môn phân rõ về tất cả pháp khí có thể nghe nổi.

Hai tụng tiếp là riêng biệt nêu ra chúng này, một tụng đầu trình bày có đủ bốn đức có thể biết được cảnh Phật: 1) Trú trong Địa của Phổ Hiền; 2) Đầy đủ Nguyện của Phổ Hiền; 3) Thực hành Hạnh của Phổ Hiền; 4) Chứng về Không của Pháp giới. Câu sau kết luận nhận biết cảnh Phật.

Một tụng tiếp ca ngợi Đại chúng này hiện tại có được hai lợi ích: 1) Hiện tại trước mắt được thấy Phật; 2) Có được phương tiện của Phổ Hiền. Một tụng sau cuối gồm chung kết luận nhưng các chúng sinh được nghe Phật pháp đều là nhờ Phật lực.

Thứ ba có hai tụng nêu ra pháp đồng ý thuyết giảng, khuyến khích quán sát khiến cho vui thích. Một tụng nêu ra pháp khuyến khích quán sát, bởi vì Phật và quốc độ ở trong thân, khuyến khích Đại chúng khiến cho quán sát ở trong lỗ chân lông. Một tụng sau cuối trình bày có đủ ánh mắt rộng khắp mới nhìn thấy pháp này. Câu sau cuối là đồng ý thuyết giảng khuyến khích lắng nghe, có thể biết. Sau cùng trong mười Nhãn, Phổ Nhãn thứ mười vốn là pháp môn bình đẳng nhìn thấy pháp giới, nếu luận chung thì tổng quát có đủ mười Nhãn gọi là Phổ.

Mười, trong phần chính thức nói rõ về pháp hải. Trước là trình bày về người chủ động thuyết giảng trong các Hội khác nhau, chỉ có hai phẩm Tăng Kỳ và Tiểu Tướng là do Đức Phật thuyết giảng, còn lại đều do Bồ-tát thuyết giảng mà biểu hiện, giải thích như sau. Nhưng dựa vào Trí Luận thì có năm thuyết: 1) Phật thuyết; 2) Đệ tử thuyết; 3) Thần Tiên thuyết; 4) Chư Thiên thuyết; 5) Biến hóa thuyết. Đây là căn cứ theo âm thanh-danh-cú... phát ra. Nếu hướng về trao cho thì gồm chung hữu tình và vô tình. Đây là dựa theo Tam thừa. Lại có năm thuyết, như sau nói: Phật thuyết, Bồ-tát thuyết, Quốc độ thuyết, Chúng sinh thuyết, tất cả ba đời thuyết. Đây là gồm chung tất cả các pháp như ba thế gian..., là dựa theo Nhất thừa.

*Trong văn có hai:* 1) Mở rộng phân rõ về Thế giới hải, đáp câu hỏi về quả trước đây; 2) Từ “Nãi vãng quá khứ...” trở xuống là đáp câu hỏi về nhân trước đây.

*Trong phần một có hai:* Trước là nói rộng về thế giới, sau là kệ tụng tổng trì. Trong phần trước có hai: Đầu là tổng quát luận về mười thế giới, sau là riêng biệt phân rõ về Hoa Tạng Giới, cũng là giải thích về thế giới hoại thứ mười, bởi vì thành tức là hoại. Trong phần đầu có hai: Một là nêu ra chương môn, hai là dựa vào môn riêng biệt để giải thích.

*Trong phần một có ba:* Một, tổng quát nói cho biết nêu ra dẫn chứng; hai, chính thức nêu ra mười tên gọi; ba, kết luận về pháp vô tận. Trong mười loại này, đầu tiên có bốn nghĩa: 1) Bởi vì Thể của quốc độ bất tướng, nhờ vào ngôn từ mới thành, cho nên nói là Thuyết thế giới, như Thành trong bốn Trí có thể chịu được, như sau nói về ràng buộc-quán sát... trong duyên sinh; 2) Bởi vì danh ngôn huân tập trong Thức

hiện rõ quốc độ cho nên gọi là Thuyết; 3) Ngôn âm trong quốc độ như sau phân rõ trong tụng; 4) Thế giới lập thành tên gọi không giống nhau cho nên nói là Thuyết. Một Thuyết đầu tức là thế giới, ba Thuyết sau là Giới. Hai là hướng về duyên vào Giới, ba là nương tựa cho nên được lâu dài, bốn là tướng trạng bên ngoài phân biệt, năm là Thể bên trong đầy đủ, sau là đức tướng trang nghiêm đẹp đẽ, bảy là dụng thanh tịnh lia cấu nhiễm, tám là căn khí thanh tịnh Phật chủng hiện bày, chín là trải qua thời gian nhiều ít, mười là duyên phân tán lia xa tạo tác đều nhiều loại sâu sắc cùng gọi là Hải. Hễ một thế giới thì có đủ mười loại này.

*Nay giải thích chung về các Thế giới hải, tóm lược đưa ra mười môn:* 1) Chủng loại; 2) Người cư trú; 3) Danh và Thể; 4) Nhiễm và tịnh; 5) Lậu và vô lậu; 6) Cọng và bất cọng; 7) Thế gian và Niết-bàn; 8) Y và chánh; 9) Người và pháp; 10) Vô ngại.

Đầu tiên trình bày về Chủng loại. Tiểu thừa chỉ có một loại Giới như Ta-bà, không có Tịnh độ nào khác.

*Trong Tam thừa có hai:* Một, dựa theo trú xứ của Đức Phật, có ba: a) Pháp tánh độ; b) Thật đức độ, đó là những Diệu hạnh; c) Sắc tướng độ, đó là những vật báu thù thắng...

Hai loại sau là quốc độ Tự thọ dụng, ba loại quốc độ này không phải là nơi nhiếp hóa, cho nên trong này không phân rõ. Hai, dựa theo nơi Đức Phật nhiếp hóa, cũng có ba: a) Hóa thân độ, độ này có hai: Một là Nhiễm, là cõi Ta-bà này, đây là dựa theo Thích-ca; hai là Tịnh, là Hóa độ ở phương khác, đây là dựa theo các vị Phật khác. b) Biến nhiễm độ, đó là ngón chân dựa vào mặt đất... c) Tha thọ dụng độ, là mười tám viên mãn... Trong phần a có hai: Nếu theo Thủ giáo thì chỉ có trăm ức Diêm-phù, trăm ức Thích-ca, làm cảnh nhiếp hóa. Nếu theo Chung giáo, như trong Trí Luận: “Dùng Tam thiên Đại thiên thế giới làm số một, tính cho đến Hằng sa là một Thế giới Tánh, tính từ Tánh này lại đến Hằng sa là một Thế giới Hải, tính từ Hải này lại đến Hằng sa là một Thế giới Chủng, tính từ Chủng này lại đến vô lượng Hằng sa là phạm vi giáo hóa thuộc Thế giới của một Đức Phật.” Thọ dụng độ ấy, nếu theo Thủ giáo thì ở trên đỉnh của cõi Sắc, bởi vì dẫn dắt Tiểu thừa mà nói cùng cõi; nếu theo Chung giáo thì không thuộc về ba cõi, như kinh Niết-bàn nói: “Về phía Tây cách đây ba mươi hai Hằng hà sa Phật độ, có thế giới tên gọi Vô Thắng, là Thật báo Tịnh độ của Đức Phật Thích-ca. Lại ở trong thế giới Nhất Thiết Tu Di Lô Sơn, thường thường an trú một Phật độ thanh tịnh.” Đây là gồm chung Báo-Hóa để dẫn dắt chúng sinh.



1) *Theo Nhất thừa thì có hai*: Một, dựa theo Quốc độ Hải tự Thế của mười Phật thuộc phần quả, điều này là Bất khả thuyết, dựa vào duyên nói là mười, như nói trong Hội thứ hai. Hai, dựa theo nơi nhiếp hóa, có ba loại:

a) Từ phạm vi của núi Tu-di và hình dạng cây cối... trở đi, cho đến tất cả hình dạng chúng sinh trong thế giới Hải, là loại thứ nhất.

b) Ngoài Tam thiên thế giới có mười thế giới riêng biệt: 1) Thế giới Tánh; 2) Thế giới Hải; 3) Thế giới Luân; 4) Thế giới viên mãn; 5) Thế giới phân biệt; 6) Thế giới toàn; 7) Thế giới chuyển; 8) Thế giới Liên Hoa; 9) Thế giới Tu-di; 10) Thế giới Tướng. Những thế giới này là cảnh giới của Luân Vương có vạn người con trở lên, là loại thứ hai.

c) Thế giới hải của mười Liên Hoa Tạng trang nghiêm, đầy đủ chủ-bạn như Đế võng..., là cảnh giới của Phật, là loại thứ ba.

Ba loại trên đây gồm có mười sự làm đầu tiên thành tựu thế giới: 1) Thuyết thế giới Hải; 2) Khởi lên đầy đủ nhân duyên thế giới Hải; 3) Trú vào thế giới Hải; 4) Hình của thế giới Hải; 5) Thể của thế giới Hải; 6) Trang nghiêm thế giới Hải; 7) Thanh tịnh thế giới Hải; 8) Như Lai xuất thế thế giới Hải; 9) Kiếp của thế giới Hải; 10) Hoại phương tiện thế giới Hải.

2. *Người cư trú*: Nếu Tiểu thừa thì chỉ có phần vị Hữu dư y-Thánh và phàm cư trú.

Theo Tam thừa thì trong ba loại, hai loại đầu gồm có phàm phu-Nhị thừa và Bồ-tát Địa tiền cùng với Hóa thân Phật cư trú, một loại sau là Bồ-tát từ Sơ địa trở lên và Báo thân Phật cư trú. Trong kinh Giải Thâm Mật nói Bồ-tát Địa thứ ba sinh vào Tịnh độ của Phật, đó là dựa theo nghĩa trình bày về Địa thứ bảy, tức là Sơ địa tương đương với Địa thứ ba ấy. Lại trong Khởi Tín luận thừa nhận Bồ-tát Địa tiền thấy Báo thân Phật, đó là dựa theo Chung giáo, nương vào Tam-muội thấy được phần ít.

Theo Nhất thừa thì trong ba loại phần nhiều luận về thời gian, đầu tiên là phần vị thấy nghe, tiếp theo là phần vị hiểu và thực hành, sau là phần vị đạt được quả, gồm chung thì có thể biết, thân Phật ở ba nơi cùng là mười Phật.

3. *Danh và Thế*: Thế là thời gian, Giới là phạm vi, nghĩa là phạm vi hiển hiện ở trong thời gian, thuận theo tướng mà được tên gọi. Tích chứa nhiều loại sâu xa, sâu rộng khó cùng, đều gọi là Hải. Thế giới tức là Hải thuận theo ví dụ, là Trì nghiệp thích. Nếu theo Tiểu thừa thì dùng bảy cực vi (thất vi) của mẹ con và bốn trần như Sắc... hợp lại có thể

tạo thành Sắc thật của bốn Đại làm Thể. Nếu trong Tam thừa thì phàm phu-Tiểu thừa-Địa tiên đều dùng Thức Lại-da làm Thể. Hai nghĩa về Địa thượng, Báo độ cũng cùng Thức Lại-da làm Thể. Nếu do hai Trí mà hiện rõ thì lấy trí Duy Thức làm Thể, vì vậy Nhiếp Luận nói: “Trí Duy Thức của Bồ-tát và Như Lai, thậm chí làm Thể của Tịnh độ.” Nếu theo Chung giáo thì cùng lấy Như Lai Tạng Chơn Như làm Thể. Nếu theo Nhất thừa thì lấy Vô tận pháp giới, gồm chung ba thế gian, các hành tương tức như người-pháp-lý-sự... làm Thể cho nhau, dựa theo suy nghĩ có thể biết.

4. *Nhiễm và tịnh*: Nếu Tiểu thừa thì chỉ có nhiễm. Tam thừa có hai: Một là dựa theo phần vị, hai là dựa theo pháp.

*Trong phần một có bốn cặp hiển bày về nhiễm-tịnh*: 1) Dựa theo nhân-quả, nghĩa là nơi cư trú của Bồ-tát từ Kim Cang trở về sau, gọi là Quả báo độ, không gọi là Tịnh độ, bởi vì lỗi lầm chưa hết; chỉ riêng nơi cư trú của Đức Phật không còn Sữ-Tập, cho nên gọi là Tịnh độ. Vì vậy trong kinh Nhân Vương nói: “Ba Hiền-mười Thánh trú trong quả báo, chỉ riêng Đức Phật ở nơi Tịnh độ”. 2) Dựa theo luôn luôn-không phải là luôn luôn, nghĩa là nơi cư trú của Bồ-tát từ Địa thứ tám trở lên được gọi là Tịnh độ, bởi vì luôn luôn ra khỏi sự của ba cõi. Vốn đầy đủ bốn câu có nghĩa về luôn luôn, đó là luôn luôn thanh tịnh, luôn luôn vui thích, luôn luôn không có sai lầm, luôn luôn tự tại. Từ Địa thứ bảy trở về sau chưa gọi là Tịnh độ, bởi vì không phải là luôn luôn ra khỏi ba cõi. Dù cho nhờ vào nguyện lực mà được ra khỏi, nhưng bốn câu về luôn luôn vốn không đầy đủ, nghĩa là bởi vì quán trí vô lậu có gián đoạn, không phải là không có sai lầm... Đây là dựa vào Nhiếp Luận phân rõ. 3) Dựa theo thuần-tạp, nghĩa là nơi phàm phu-Nhị thừa cư trú xen tạp không gọi là Tịnh độ, nơi sinh của Bồ-tát Địa thượng vốn gọi là thanh tịnh. Du-già luận nói: “Vô lượng thế giới có hai loại của nó, đó là tịnh và bất tịnh trong thế giới thanh tịnh, không có địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, cũng không có cõi Dục-cõi Sắc và cõi Vô sắc, toàn là chúng Bồ-tát cư trú trong đó, cho nên gọi là thế giới thanh tịnh. Bồ-tát đã tiến vào Địa thứ ba nhờ vào nguyện lực cho nên thọ sinh ở nơi ấy, không có dị sinh và không phải là dị sinh-Thanh văn-Độc giác.” Giải thích: Địa thứ ba này đã gọi là Tịnh ý lạc, tức là Hoan Hỷ địa, vì vậy phân rõ dựa theo Địa thứ bảy. 4) Dựa theo lui sụt-không lui sụt, nghĩa là tiến vào Thập Trú trở đi là phần vị không lui sụt, nơi sinh của Bồ-tát Tam Hiền gọi là Tịnh độ, trong đó cũng có Tứ quả-Nhị thừa.... Như quốc độ của Phật A-di-đà, người sinh về đó đều trú trong Chánh Định..., có thể về sau để

dàng lui sụt phần vị. Nơi ba tụ chúng sinh cùng sinh đến, không gọi là Tịnh độ. Trong tám nghĩa của bốn cặp này, đầu là dựa theo quả chỉ có tịnh, sau là dựa theo lui sụt chỉ có nhiễm, trung gian so sánh với nhau đều gồm chung nhiễm-tịnh.

Hai là dựa theo pháp có bốn câu: Hoặc là chỉ có tịnh, nghĩa là ở trong bốn môn trên so sánh với nhau mà chọn lấy tịnh, bởi vì nơi cư trú của phần vị lui sụt vốn là tự tánh tịnh. Hoặc là chỉ có nhiễm, nghĩa là trong bốn môn so sánh với nhau mà chọn lấy nhiễm, bởi vì Phật quả tùy duyên vốn là dựa theo căn cơ mà nói, trong Khởi Tín luận gọi là tùy nghiệp nhiễm huyễn ảo mà gây ra. Hoặc cả hai, bởi vì hai nghĩa trước không rời xa nhau. Hoặc không phải là cả hai, bởi vì hai nghĩa dung hòa lẫn nhau không phải là nhất định chỉ một, bởi vì hai tướng không còn.

*Nhất thừa cũng có hai:* Một là dựa theo trong chủng loại, trước là chủng loại nhiễm, sau là chủng loại tịnh, trong chủng loại gồm chung hai loại. Hai là dựa theo trong pháp, hoặc là cùng tịnh bởi vì tức là Phật, hoặc là cùng nhiễm bởi vì tức là chúng sinh, hoặc là có đủ hai loại bởi vì hai nghĩa trước không lìa xa nhau, hoặc là không cả hai loại bởi vì hai tướng dung hòa, bởi vì hai tướng không còn. Trong ba loại trước, mỗi một loại đều có đủ bốn câu này, dựa theo suy nghĩ biết rõ.

5. *Lậu và vô lậu:* Nếu Tiểu thừa thì chỉ riêng Hữu lậu. Tam thừa có hai môn: Một là tùy tướng môn, hai là dung thông môn.

*Trong phần Tùy tướng có bốn câu:* 1) Chỉ riêng Hữu lậu, đó là cõi do phàm phu-Tiểu thừa-Địa tiên mà biến hiện. 2) Chỉ riêng Vô lậu, đó là cõi do Phật mà hiện rõ. 3) Cả hai loại, đó là do hai Trí mà biến hiện và do Lại-da mà hiện rõ của Bồ-tát Địa thượng, hai loại này tuy là Khổ đế-Đạo đế thâm nhiếp nhưng mà không có hai Thể riêng biệt, chỉ thâm nhiếp tùy theo nghĩa khác nhau. 4) Không phải cả hai loại, nghĩa là đều vốn tức Không, vốn không rơi vào số. Trên đây là dựa theo Thỉ giáo.

Trong phần Dung thông cũng có bốn câu: 1) Hoặc tất cả đều là Vô lậu, cho đến phần vị phàm phu cũng như vậy, bởi vì lìa tánh các lậu, như kinh nói: “Sắc vô lậu không ràng buộc, Thọ-Tướng-Hành-Thức vô lậu không ràng buộc, cho đến nói rộng ra.” 2) Hoặc tất cả đều là Hữu lậu, cho đến Phật cũng như vậy, bởi vì không lìa pháp lậu, như kinh nói: “Chư Phật an trú trong ba Độc-bốn Đảo-năm Dục... mà chứng đắc Anậu Bồ-đề, cho đến nói rộng ra.” Câu trước là Vô lậu không khác với lậu cho nên tức là Vô lậu, câu sau là lậu không khác với Vô lậu cho nên Vô lậu tức là Hữu lậu. 3) Cả hai loại, bởi vì hai nghĩa trước không lìa xa nhau. 4) Không phải cả hai loại, bởi vì đều lìa tánh ràng buộc và

giải thoát, như kinh nói: “Sắc không có ràng buộc-không có giải thoát, Thọ-Tưởng-Hành-Thức không có ràng buộc-không có giải thoát, cho đến nói rộng ra.”

Trong Nhất thừa, như pháp giới duyên khởi, nếu không có một thì tất cả không thành, dung hòa lẫn nhau vô ngại cũng có đủ bốn câu, hoàn toàn thâm nhiếp, suy nghĩ có thể biết.

6. *Cộng và Bất cộng, trong đó có hai*: Một là trình bày về phạm vi, hai là hiển bày về nghĩa tướng.

Trong phần một, tùy theo một thế giới đều là hữu tình, đó là Dị thực Thức, bởi vì lực thành thực của chủng loại cộng tướng, cho nên biến thành tướng của Khí thể gian tựa như Sắc...

Hỏi: Hễ một thế giới có bao nhiêu hữu tình do Dị thực Thức biến thành?

Đáp: Trong Duy Thức luận có thuyết của ba Sư.

Sư thứ nhất nói rằng: “Tất cả hữu tình, bởi vì Khế kinh nói: Tất cả hữu tình do lực tăng thượng của nghiệp mà cùng nhau khởi lên.”

Sư thứ hai phá rằng: “Nếu như vậy thì chư Phật Bồ-tát thuận theo thật biến thành cõi tạp uế này, các loại Dị sinh thuận theo thật biến thành các cõi thanh tịnh vi diệu ở cõi này-phương khác. Lại các Thánh giả chán ngán rời xa cõi Sắc mà sinh đến cõi Vô sắc chắc chắn không sinh đến nơi này, thì biến thành cõi này lại có tác dụng gì? Bởi vì có ba loại rất sai lầm này, cho nên trình bày không được thông suốt về tất cả hữu tình, phải nói là người đang cư trú và người sẽ sinh đến do Dị thực Thức của họ mà biến thành cõi này. Kinh dựa vào phần ít để nói đến tất cả, bởi vì những người có nghiệp giống nhau đều cùng biến thành.”

Sư thứ ba chuyển sang phá thuyết của Sư thứ hai rằng: “Nếu như vậy thì lúc Khí thể giới sắp hoại, đã không có người đang cư trú và người sẽ sinh đến, thì Dị thực Thức của ai biến thành cõi này? Vả lại, các Dị sinh chán ngán rời xa cõi Sắc mà sinh đến cõi Vô sắc, hiện tại không có Sắc thân, biến thành cõi trước thì điều này lại có tác dụng gì? Giả sử có Sắc thân mà cùng với khí chất nơi khác, thô-tế cách nhau xa không nương tựa duy trì lẫn nhau, thì cõi này biến thành cõi kia cũng ích lợi gì? Cũng bởi vì ba loại rất sai lầm như vậy, cho nên người đang cư trú và người sẽ sinh đến đều không thành tựu về biến hiện, nghĩa là: Một, lúc Khí sắp hoại thì sẽ sinh đến và đang cư trú đều không có thọ dụng; hai, nếu hiện tại thọ thân ở cõi Vô sắc mà đối với cõi này thì không có nghĩa về thọ dụng; ba, giả sử thân ở cõi Sắc cùng với thô-tế này khác nhau, thì cũng không có nương tựa duy trì thọ dụng. Vì thế cho

nên ba loại này đều không có nghĩa về biến. Nếu như vậy thì Thức của ai biến?”

*Nghĩa đích thực nên nói:* Tất cả các cõi đã biến hiện vốn là nơi Sắc thân nương tựa duy trì thọ dụng, nếu đối với thân có thể có tác dụng duy trì, giả sử khiến cho sinh vào Địa của mình ở phương khác, thì Thức ấy cũng có thể biến thành cõi này. Vì vậy, lúc Khí thể giới sắp hoại hay mới thành, tuy không có hữu tình mà hiện có cõi, cõi này đều dựa vào Duy Thức luận phân rõ.

Hai là hiển bày về nghĩa tướng của Cọng-Bất cọng: Nếu trong Tiểu thừa, đã là do Cực vi cùng nhau hợp thành thì vì thế chỉ là Cọng.

*Nếu trong Tam thừa thì có bốn câu:*

1) Hoặc chỉ là Cọng, nghĩa là Y báo kia tuy không lìa xa Thức mà Thức là riêng biệt, tướng của cõi là một, bởi vì chủng tử cọng tướng trong những Thức kia đã cùng nhau hiện rõ. Như tiếp nhận bốn trần cùng nhau làm thành một cây trụ, tướng của một cây trụ không lìa xa bốn trần, không phải là tùy theo bốn trần mà có bốn cây trụ; nên biết đạo lý trong này cũng như vậy. Nếu cõi Tự thọ dụng thì Phật và chư Phật cùng có một cõi, giống như Pháp thân vốn là chư Phật cùng dựa vào, bởi vì là cõi cùng chung pháp tánh. Nếu cõi Tha thọ dụng thì cũng là do Phật và Bồ-tát cùng có, như vua và bề tôi cùng có một quốc gia. Các cõi tạp nhiễm cũng là do cọng nghiệp của hữu tình mà hiện bày, cho nên không có gì riêng biệt.

2) Hoặc là Bất cọng, Y quả như vậy thật sự đều Bất cọng, bởi vì đều từ trong Thức vốn có của mình hiện ra. Luận nói: Cùng là Di thực Thức của tất cả hữu tình biến hiện, cùng xứ tương tự không chướng ngại lẫn nhau, như ánh sáng của nhiều ngọn đèn, như nhiều giác mộng. Chủng loại của nhân là riêng biệt, tướng của quả là tương tự, xứ sở không có riêng biệt, giả gọi là Cọng, thật đều có khác. Tịnh độ của chư Phật cũng lại như vậy, Thức biến hiện khác nhau đều khắp nơi pháp giới, cùng xứ tương tự gọi đó là Cọng. Giải thích rằng: Nếu có một cõi không tùy theo Thức riêng biệt, ngoài tâm có pháp thì không thành Duy Thức. Luận nói: Ta nói do Thức mà duyên, chỉ do Thức mà hiện. Vì vậy nên biết đều bởi vì tự Thức biến hiện, cho nên tất cả không giống nhau.

3) Cũng Cọng cũng Bất cọng, bởi vì hai câu trước nói không lìa xa nhau. Du-già luận nói: “Những vật ở bên ngoài, hoặc do Bất cọng phân biệt làm nhân, hoặc là do Cọng phân biệt làm nhân. Nếu đã khởi là Cọng phân biệt, thì phân biệt tuy không có, nhưng bởi vì phân biệt

từ người khác đã tùy ý duy trì mà không vĩnh viễn diệt mất, nếu không như vậy thì phân biệt của người khác lẽ ra không có quả ấy. Người ấy tuy không cảm được thanh tịnh, nhưng Chánh kiến thanh tịnh ở trong sự việc ấy; ví như rất nhiều người tu quán hành, ở trong một sự việc do đạt được Định-Tâm-Trí mà có thể thấy đủ loại khác nhau, điều ấy cũng như vậy.” Giải thích rằng: Đây là nói về Y báo tùy theo Cọng phân biệt, Bất cọng phân biệt ấy giống như câu thứ hai trước đây. Vì vậy, tùy theo Khí thể giới bên ngoài đều có đủ hai nghĩa như vậy mà thành, cho nên cả hai cùng tồn tại.

4) Không phải là Cọng-không phải là Bất cọng, có hai nghĩa: Một là bởi vì hai câu nói trước so sánh làm mất lẫn nhau, bởi vì tùy theo Định chọn lấy một không thể nào đạt được, cho nên không phải cả hai loại. Hai là bởi vì cội dựa vào Thức cho nên tướng của cội không còn, bởi vì Thức thuận theo duyên khởi cho nên không có tự tánh. Vì vậy, tánh tướng của Cọng và Bất cọng đều lìa xa không thể nào nói được.

Trên đây, nếu dựa theo quả báo do Lại-da Thức đã biến hiện..., thì tức là Sơ giáo; nếu Như Lai Tạng do Lại-da mà hiện rõ, thì thuộc về Chung giáo; nếu tất cả các tướng không còn, chỉ một tâm thanh tịnh bình đẳng bình đẳng, lìa ngôn ngữ bất suy nghĩ thì thuộc về Đốn Giáo.

Nếu theo Viên giáo thì có hai nghĩa: Một là như các giáo trước đã nói, tức là cùng chung vô tận pháp giới Đế vông trùng trùng, tức là hòa vào vô ngại đầy đủ chủ bạn, thì thuộc về giáo này thâm nhiếp. Hai là dùng nghĩa để cầu, cũng có bốn câu: 1) Hoặc chỉ có Cọng, bởi vì cùng một pháp giới, bởi vì ngay trong nhau. 2) Hoặc chỉ có Bất cọng, bởi vì duyên khởi khác nhau, bởi vì tướng không xen tạp. 3) Hoặc cả hai loại, bởi vì hai nghĩa trên không tách rời nhau, bởi vì toàn Thể ngay trong nhau mà không hoại. 4) Hoặc không phải cả hai loại, bởi vì hai tướng mất đi, bởi vì so sánh làm mất không còn.

7. *Thế gian và Niết-bàn có hai phần*: Một là Tùy tướng, hai là Dung thông.

*Trong phần một có bốn câu*: 1) Hoặc chỉ riêng thế gian, đó là nơi cư trú của phần vị Địa tiền và phàm phu. 2) Hoặc chỉ riêng Niết-bàn, đó là quả vị của chư Phật trú vào Niết-bàn, giả sử là cội Tự thọ dụng thì cũng có thể là Đại Niết-bàn ấy thâm nhiếp. 3) Hoặc cũng là thế gian cũng là Niết-bàn, theo luận Bảo Tánh..., dựa vào trong pháp giới vô lậu có ba loại Ý sinh thân, nên biết. Nhân ấy đã dấy lên thiện căn vô lậu cho nên gọi là thế gian, không phải là nghiệp-phiền não hữu lậu làm ra cũng gọi là Niết-bàn. Dựa vào nghĩa này, bởi vì kinh Thắng Man nói:

“Thế Tôn! Có thể gian hữu vi, có thể gian vô vi, có Niết-bàn hữu vi, có Niết-bàn vô vi.” Giải thích rằng: Thế gian hữu vi là phần vị phạm phu, Niết-bàn vô vi là Phật quả. Niết-bàn hữu vi, thế gian vô vi là báo của Biến dịch, bởi vì nơi hưởng về khác nhau cho nên thuộc về câu có cả hai loại. 4) Nghĩa dựa theo pháp giới thanh tịnh của chư Phật, là không phải thế gian cũng không phải Niết-bàn, bởi vì không phải là Niết-bàn của Nhị thừa, lại cũng không phải là Niết-bàn ở Song Lâm.

*Trong phần hai là Dung thông cũng có bốn câu:* 1) Hoặc chỉ riêng thế gian, nghĩa là bởi vì Tịnh độ của Phật cũng đều là Khí thế gian thâm nhiếp. 2) Hoặc chỉ riêng Niết-bàn, nghĩa là bởi vì cõi nhiệm của chúng sinh cũng là tướng không còn-tánh giống nhau. 3) Hoặc cả hai loại, bởi vì lý-sự vô ngại. Luận nói: Thế gian và Niết-bàn không có mảy may sai biệt, bởi vì không có khác nhau, vốn là không hai mà hai cùng hiện rõ trước mắt. 4) Bởi vì không có mảy may phân biệt, vốn là hai mà không, so sánh làm mất đi không còn cả hai, cho nên không phải cả hai loại. Kinh nói: “Như Lai không thấy sinh tử, không thấy Niết-bàn.” Lại kinh này nói: “Thế gian và Niết-bàn, cả hai đều không thể nào đạt được.” Là nói đến ý nghĩa này.

8. *Y và chánh:* Nếu Tiểu thừa thì chỉ có Y báo. Trong Tam thừa, Khí thế gian tuy là do Thức vốn có và gương trí đã hiện bày, mà chỉ là Y báo thâm nhiếp. Nếu theo trong Viên giáo thì gồm chung ba thế gian, bởi vì Phật Lô-xá-na có thân quốc độ..., cho nên thế giới đều là thân Phật. Lại có thế giới hình thể chúng sinh..., cho nên chúng sinh tức là thế giới. Đây đều là bởi vì y-chánh tự nhiên dung hợp vô ngại, bởi vì ngay trong nhau tự tại.

9. *Người và pháp:* Tiểu thừa không phải là người và pháp. Tam thừa có thể có nghĩa là pháp môn. Nhất thừa có đủ, là Phật-Phổ Hiền và chúng sinh... vốn chỉ là người, hoặc các thế giới vốn đều là pháp môn. Như văn nói: Hình thể vi diệu thanh tịnh tiến vào cửa của vô lượng Chánh pháp. Đây là trình bày về thế giới... đều là pháp môn.

10. *Vô ngại:* Tiểu thừa thì thế giới chỉ là sự tướng, trên đó chỉ có Lý như Khổ-Vô thường-Không-Vô ngã... Trong Tam thừa thì cõi pháp tánh chỉ là Lý, còn lại đều là Sự. Nhưng hai tông trên, Lý và Sự không phải là một-không phải là khác, cho nên gọi là vô ngại.

*Nếu trong Nhất thừa thì tóm lược có mười lớp:* 1) Tình sự vô ngại, nghĩa là thuận theo tình hiển bày rõ ràng sự việc vượt ra ngoài tình thức, văn nói: Dụ như huyễn không có nơi chốn, đều từ vọng tưởng sinh ra. 2) Lý sự vô ngại, nghĩa là hoàn toàn giống như Chân tánh mà tướng

của quốc độ rõ ràng, văn nói: Pháp giới không có thể hoại, Liên Hoa thế giới hải... 3) Tương nhập vô ngại, nghĩa là văn nói: Dùng một cõi Phật đầy khắp mười phương, mười phương đưa vào một cũng không sót lại gì... 4) Tương tức vô ngại, nghĩa là văn nói: Vô lượng thế giới tức là một thế giới. 5) Trùng hiện vô ngại, nghĩa là ở trong trần thấy tất cả các cõi, trong cõi ở trong trần thấy cõi cũng như vậy, như vậy trùng trùng như Nhân-đà-la võng. 6) Chủ bản vô ngại, phàm là một thế giới nhất định phải có tất cả, dùng làm quyến thuộc. 7) Thể Dụng vô ngại, nghĩa là một sát hải nhất định phải có Đại Dụng, hướng về cơ thuyết pháp. 8-Ẩn hiện vô ngại, nghĩa là nhiệm tịnh ẩn hiện, dị loại ẩn hiện..., dựa theo duyên Định có thể biết. 9-Thời xứ vô ngại, nghĩa là hoặc ở một cõi hiện rõ thời kiếp ba đời, hoặc trong một niệm hiện rõ vô lượng cõi, vô ngại như vậy. 10) Thành hoại vô ngại, nghĩa là Thành ngay trong Hoại, Hoại ngay trong Thành..., hiển hiện vô ngại tự tại khó biết, vượt quá tình thức suy nghĩ. Mười vô ngại này đồng thời đầy đủ, thuận theo dùng sáu tướng phương tiện mà hội tụ dung hòa. Nghĩa về mười thế giới sơ lược phân rõ như vậy, các nghĩa tướng còn lại tùy theo văn sẽ hiển bày rõ ràng.

*Trong phần hai là dựa vào chương riêng biệt để giải thích.* Trong mười môn, môn thứ nhất không giải thích, bởi vì giải thích chín môn còn lại tức là thuyết giảng. Trong văn, trước là giải thích về tám môn đầu, sau là giải thích về môn thứ mười. Trong phần trước, bảy môn đầu đều có hai, đó là trường hàng và kệ tụng, văn phần đầu không có tụng.

*Trong phần đầu, trong trường hàng có bốn:* 1) Nêu ra; 2) Thành tựu; 3) Phân rõ; 4) Kết luận. Tất cả thế giới Hải, là bởi vì ba loại ấy tất cả đều không phải là một. Đã thành tựu...: Một là bởi vì các duyên này gồm chung thành tựu tất cả thế giới trong ba đời, mà các thế giới đã thành và chưa thành đều khác nhau. Hai là thành tựu một thế giới tức là gồm chung ba đời, trước là duyên gồm chung mà giới riêng biệt, sau là giới gồm chung mà duyên riêng biệt, suy nghĩ về điều đó. Đây là dựa theo Nhất thừa.

*Trong tám duyên:* 1) Sau đạt được thông tuệ. 2) Pháp duyên khởi vốn như vậy. 3) Đã thay đổi nghiệp lực. 4) Hạnh Bồ-tát đầy đủ, thuận theo ở cõi ấy mà được thành Phật, tức là nhờ vào lực này mà cõi ấy được thành tựu. 5) Nhân rộng khắp thành tựu. 6) Bồ-tát bởi vì trang nghiêm thanh tịnh không để sót cõi nào cho nên tu nguyện hạnh, cõi tùy theo nguyện hạnh dung nạp duy trì vô ngại cho nên nói là giải thoát tự tại. 7) Chánh nhân của Đại Giác. 8) Nguyện thâm nhiếp khắp nơi thành tựu.



Nhưng trong tám duyên này, bốn duyên đầu là Quyền thành tựu, bởi vì tướng thô ấy cho nên cũng gồm chung pháp nhiệm; bốn duyên sau là dựa theo Thật thành tựu, bởi vì tướng vi tế ấy cho nên chỉ là tịnh, như kinh nói: “Cõi này của Ta thường an ổn..., mà một thế giới thì vốn có đủ thô và tế.”

*Lại trong tám duyên này gồm có bốn cặp:* 1) Duyên thứ nhất và thứ bảy dựa theo Phật để trình bày về Quyền-Thật. 2) Duyên thứ tám và thứ năm riêng biệt dựa theo Phổ Hiền để trình bày về Quyền-Thật, bởi vì duyên thứ tám là vì chúng sinh. 3) Duyên thứ tư và thứ sáu gồm chung dựa theo tất cả Bồ-tát để trình bày về Quyền-Thật. 4) Duyên thứ hai và thứ ba dựa theo Lý-Sự làm Quyền-Thật, bởi vì nghiệp hạnh vốn là duyên thành tựu không thật. Vì sao phải có đủ bốn duyên như vậy? Nghĩa là Đức Phật làm giáo chủ, Phổ Hiền là trợ giúp giáo hóa, Bồ-tát và chúng sinh là tiếp nhận giáo hóa. Trong hai cặp đầu, nếu không có Quyền thì không thể đến với chúng sinh, nếu không có Thật thì không thể thích hợp với Chân. Trong hai cặp sau, nghiệp báo của chúng sinh duyên vào hư giả lại cần phải có Chân tánh để nương tựa. Trần số nhân duyên như tám loại như vậy làm thành một thế giới, đều không hề chướng ngại lẫn nhau, toàn Thể thấu nhiếp khắp nơi, tạo tác-không tạo tác đều như tánh duyên khởi, tức là Không-tức là Hữu, tức là một-tức là nhiều, dung hòa không có phân biệt, suy nghĩ về điều đó; mỗi một thế giới khác đều dựa theo đó.

*Trong tụng có hai mươi kệ phân làm bảy:* Một, bốn kệ tụng về thần lực của Đức Phật trước đây, trong đó một là cõi dựa vào gương trí hiện rõ, hai là cõi dùng hạnh tu tập thành tựu, ba là hóa hiện Bồ-tát, bốn là giác ngộ chúng sinh. Hai, bốn kệ về Bồ-tát thuận theo đạt được đạo lực, trong đó một là nửa kệ trước trình bày về nhân của hành, nửa kệ sau trình bày về quả của trí, Độ giống như Đáo; hai là nửa kệ trước trình bày về nhân của cõi, nửa kệ sau phát khởi về quả của cõi; ba là nửa kệ trước dựa vào Chánh nhân thành tựu, nửa kệ sau trình bày chứng về cảnh tiến vào quả của Y-Chánh; bốn là nửa kệ trước về quả rộng khắp, nửa kệ sau về nhân lâu dài. Ba, hai kệ tụng về nghiệp lực của chúng sinh. Bốn, hai kệ tụng về lực nguyện hạnh của Bồ-tát làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Năm, hai kệ tụng về lực thiện căn của Phổ Hiền. Sáu, bốn kệ tụng về nguyện lực tự tại của Phổ Hiền. Bảy, hai kệ tụng về Y quả của Phật, tụng này tổng quát gồm chung nghĩa khác nhau của duyên khởi, tức là bởi vì pháp như vậy, cho nên không tụng riêng biệt.

*Trong thứ hai là Trú, trong trường hàng có hai:* Một là nêu ra đây

đủ số, nghĩa là phạm một thế giới thì có đủ sát trần sở y như vậy, cho nên nói là mỗi một. Hai là tóm lược nêu ra bảy sự việc: 1) Dựa vào lực thiện căn thanh tịnh mà trú; 2) Dựa vào vô ngại; 3) Dựa vào vật báu Như ý, hoặc là tất cả vật báu; 4) Dựa vào thông suốt rõ ràng; 5) Dựa vào lực của duyên khởi; 6) Dựa vào duy trì Pháp thân; 7) Dựa vào nguyện pháp giới. Theo trong Trí Luận, Ma-ha gọi là Đại, Na gọi là Vô, Già gọi là Tội. Đây là giải thích dựa theo nghĩa về không có sai lầm. Lại nói: Hoặc gọi là Đại Tượng (voi lớn), tức là nhiều sức lực trong loài sống trên đất liền; hoặc gọi là Đại Long (rồng lớn), tức là nhiều sức lực trong loài sống dưới nước. Lại ban đầu như khéo léo điều phục voi có thể phá tan quân địch là dựa theo Tự lợi, về sau như rồng lớn tuôn mưa là dựa theo Lợi tha.

*Trong tụng có mười sáu kệ rưỡi phân làm chín:* Một, một kệ tụng về dựa vào trang nghiêm trú; hai, một kệ tụng về hư không trú; ba, hai kệ tụng về vật báu trú; bốn, một kệ tụng về ánh sáng của Đức Phật, đó gọi là uy thần; năm, một kệ tụng về Lực sĩ; sáu, năm kệ tụng về sát trần trong phần nêu ra trước đây, dựa vào trong tụng này giống như lược bớt; bảy, hai kệ tụng về nghiệp huyễn; tám, một kệ tụng về nguyện lực của Phổ Hiền; chín, hai kệ rưỡi tụng gồm chung hiển bày về tướng an trú Nhân-đà-la võng, kệ đầu trong một mảy trần hiện rõ y-chánh, một kệ rưỡi sau tương tự nhiều mảy trần, có thể biết.

*Trong thứ ba là Hình, trong trường hàng riêng biệt nêu ra bảy loại:* Loại thứ nhất-thứ tư và thứ bảy ngay nơi tướng phân rõ về hình dáng, hai loại thứ năm-thứ sáu dựa theo dụ để hiển bày về hình dáng. 1) Vuông như cái đấu; 2) Tròn như hạt châu; 3) Không phải hình vuông mà là hình bốn góc; 4) Không phải hình tròn mà là hình tám góc; 5) Hình xoáy nước; 6) Hình hoa; 7) Hình chúng sinh thì có hai nghĩa, một là có thế giới tựa như hình thể chúng sinh, hai là ngay các loại chúng sinh đều là thế giới, như tám vạn hộ trùng trong thân, mỗi hộ trùng có chín ức con trùng..., đây tức là thế giới, dựa theo văn sau cũng là nơi Đức Phật Lô-xá-na chuyển pháp luân. Vì vậy trong văn chỉ nói Chúng sinh hình chứ không nói Như chúng sinh hình, cho nên biết đã lấy chúng sinh làm cõi (giới), mỗi một hình loại như vậy đều có khắp nơi pháp giới.

*Trong tụng có mười bảy kệ rưỡi phân làm hai:* Một, ba kệ đầu chính thức tụng về văn trước đây; hai, mười bốn kệ rưỡi trình bày về đức dụng của cõi (sát).

*Trong phần một:* Một là một kệ tụng về số tổng quát trước đây; hai là một kệ tụng về hình thể riêng biệt trước đây, chỉ tụng về bốn loại

đầu, lược bớt không có bốn loại sau, theo Trí Luận thì ngọc Ma-ni có tám cạnh, dụ cho hình góc này; ba là một kệ, nửa kệ trước hiển bày về nhân khác nhau, nửa kệ sau trình bày về tướng của quả.

*Trong phần hai là đức dụng phân làm hai:* Một, sáu kệ rưỡi đầu trình bày về Đức tự tại; hai, từ “Nhất mao khổng...” trở xuống là trình bày về Dụng tự tại.

*Trong một:* Ba kệ đầu là dựa theo Phật biểu hiện về cõi trình bày có thể ứng cơ, một là Thể thành tựu pháp môn, hai là Tướng hiển bày đến trước cơ, ba là ánh sáng của Phật Lô-xá-na chiếu rọi, đều là Đức Phật vốn có. Ba kệ rưỡi sau là dựa theo cơ đang ứng hiển bày về thành tựu sai biệt, một là tâm-nghiệp của cơ khác nhau cảm đến cõi(độ) nhiều hình thể, hai là cõi Phật tự tại có thể tùy theo cảm mà hiện bày khác nhau, ba là tuy ứng trở thành nhiễm-tịnh mà pháp lưu thông không gián đoạn, bốn là nửa kệ sau cuối kết luận về nghiệp nhiều trình bày cảm đến hiện rõ khó suy lường.

*Trong hai là trình bày về cõi tự tại, có ba:* Một là bốn kệ trình bày về y-chánh tự tại, hai là hai kệ đưa ra nhân ấy, ba là hai kệ kết luận công dụng quy về chủ. Trong một, hai kệ đầu về lỗ chân lông hiện rõ cõi, Phật ở trong đó vì chúng thuyết pháp, lỗ chân lông tức là trình bày về Chánh báo thân nhiếp Y báo, Phật trở lại trong lỗ chân lông của mình; hai kệ sau là trong mảy trần đã hiện rõ các loại hình thể của cõi, Phật cũng ở trong đó chuyển pháp luân khắp nơi, mảy trần là Y báo thân nhiếp Chánh báo... Trong hai là đưa ra nhân ấy, do đâu mà đạt được dung nạp duy trì tự tại này? 1) Do lực thế nguyện tự tại của Phật; 2) Do tâm nghiệp không thể nghĩ bàn của chúng sinh, Huyền dụ cho tướng của cõi, Không dụ cho vô ngại, vì thế hai ví dụ này dụ cho một sự dung hòa với nhau. Trong ba là kết luận quy về, kệ đầu nêu ra Phật trong mảy trần, nửa kệ tiếp nêu ra cõi trong mảy trần, nửa kệ sau cuối chính thức kết luận quy về chủ.

Thứ tư là Thể, trong trường hàng, trong riêng biệt có năm loại đều dựa theo sự hiển bày. Phạm là luận về Thể của cõi thì có năm lớp: 1) Chân như; 2) Chân trí; 3) Bốn thức; 4) Năm trần; 5) Các sự việc. Các sự việc tức là pháp môn, vốn dùng để ca ngợi, vì vậy trong văn phân rõ.

*Trong tụng có mười hạnh:* 1) Thể của hoa quý báu; 2) Thể của hơi nóng hư không; 3) Thể của ánh sáng rực rỡ; 4) Thể của ánh sáng điện và Thể của nguyện; 5) Thể của ngọc mặt trời; 6) Thể của hơi nóng quý báu và Thể của hóa; 7) Thể của Phật hóa; 8) Thể của tâm-nghiệp khởi lên, hoặc là nghiệp khởi tâm Hải thành tựu cõi, hoặc là tâm-ng-

hiệp khởi lên cõi, hoặc là vọng niệm làm Thế; 9) Thế của ánh sáng nơi thân Phật; 10) Thế hóa nguyện của Phổ Hiền. Những hạnh này đều là tùy ý phát ra biện tài thuyết giảng, vốn không cần thứ tự.

Thứ năm là Trang nghiêm, trong trường hàng, trong riêng biệt có bốn: 1) Tướng mây nổi thông; 2) Thực hành nghiệp nhiếp; 3) Nhân quả thanh tịnh; 4) Kết luận có thể biết.

*Trong tụng có mười kệ phân làm năm:* Một, một kệ tụng về số tổng quát trước đây. Hai, hai kệ tụng về mây trang nghiêm trước đây. Ba, một kệ tụng về nghiệp của chúng sinh trang nghiêm trước đây. Bốn, năm kệ tụng về Phật trang nghiêm trước đây, trong đó hai kệ đầu là Y báo trang nghiêm; một kệ tiếp là Chánh báo trang nghiêm, nghĩa là Phật kể ra bằng chúng sinh, hoặc là chúng sinh kể ra bằng Phật; hai kệ tiếp là trang nghiêm xen lẫn. Năm, một kệ sau cuối tụng về Phổ Hiền trang nghiêm trước đây.

Thứ sáu là Thanh tịnh, trong riêng biệt có năm: 1) Hành duyên thanh tịnh; 2) Tự lợi thanh tịnh; 3) Lợi tha thanh tịnh; 4) Hành đầy đủ thanh tịnh; 5) Đạt được phần vị thanh tịnh. Đều là thuận theo phần trước phát khởi phần sau, có thể biết.

*Luận rộng về cõi thanh tịnh có bảy:* 1) Đương Thế thanh tịnh, nghĩa là dùng Thức thanh tịnh làm tướng... 2) Sự tướng thanh tịnh, nghĩa là vật báu thanh tịnh... 3) Thọ dụng thanh tịnh, nghĩa là thọ dụng cõi này diệt trừ phiền não thành tựu đức. 4) Trú xứ chúng sinh thanh tịnh, nghĩa là chúng sinh có đức khắp nơi thế giới này, cho nên nói là thanh tịnh. 5) Chủ thanh tịnh, nghĩa là cõi của Phật... 6) Hành thanh tịnh nhờ đó phát sinh, như văn nói do vô lượng hành Hải đã tu tập... 7) Hành thanh tịnh tức là cõi, cho nên nói là thanh tịnh, bởi vì lấy hành làm nơi nương tựa, như văn có thể biết.

*Trong tụng có chín kệ phân làm sáu:* Một, một kệ tụng về số tổng quát trước đây; hai, một kệ tụng về gần gũi thiện hữu; ba, hai kệ tụng về Tự lợi trước đây, một là hành Tam-muội, hai là hành Tín Nhân; bốn, một kệ tụng về Lợi tha trước đây; năm, hai kệ tụng về hai hành đầy đủ trước đây; sáu, hai kệ tụng về lợi ích đạt được phần vị trước đây.

Thứ bảy là Phật xuất thế, trong riêng biệt có ba câu, câu đầu dựa theo hiện thân rộng khắp mọi nơi, nghĩa là dùng một thân đầy khắp tất cả pháp giới sai biệt, mỗi một xứ đều là thân hoàn toàn hiện rõ, bởi vì cũng không phân thân, cũng không có phạm vi giới hạn. Thọ mạng dài ngắn, như Trí Luận nói: “Phật Tu-phiến-đa buổi sáng thành đạo-buổi chiều diệt độ, Ca-diếp bảy ngày, Thích-ca tám mươi tuổi..., đây gọi là

thọ mạng ngắn ngủi; Di-lặc tám vạn tuổi, Di-đà tận cùng toán số... là thọ mạng dài lâu, đều do cơ cảm cho nên dẫn đến như vậy.” Lại câu đầu dựa theo tất cả nơi chốn hiện rõ, hai câu sau dựa theo tất cả thời gian hiện rõ, nghĩa là bởi vì dài-ngắn đầy đủ vốn là tất cả.

Hỏi: Nếu như vậy thì nơi chốn sao không như vậy?

Đáp: Bởi vì pháp giới sai biệt gồm chung nhiều-ít, gồm chung có-không, cho nên nói là đầy khắp (biến mãn).

*Trong tụng có mười kệ:* Đầu là ba kệ tụng về trường hàng trước đây, một kệ đầu tụng về tổng quát, một kệ tiếp tụng về thân khắp nơi, một kệ sau cuối tụng về dài-ngắn. Sau có bảy kệ trình bày về Phật xuất hiện công dụng thù thắng không có nơi chốn, trong này phân làm bảy: Một là một kệ về trang nghiêm quốc độ nhiều ít, hai là một kệ về thuyết giảng giáo Thừa nhiều ít, ba là một kệ về cứu giúp chúng sinh nhiều ít, bốn là một kệ về hóa hiện rộng hẹp, năm là một kệ về Viên âm ứng với khắp nơi, sáu là một kệ về chủ-bạn đầy đủ khắp nơi, bảy là một kệ về biển rộng Từ Bi (Từ hải) hiện bày khắp nơi tổng quát để kết luận.

Trong này, hoặc là thọ mạng ngắn ngủi độ nhiều chúng sinh, hoặc là thọ mạng lâu dài độ ít chúng sinh; hoặc là thọ mạng lâu dài độ nhiều chúng sinh, hoặc là thọ mạng ngắn ngủi độ ít chúng sinh; hoặc là thọ mạng ngắn ngủi thuyết về pháp Tiểu thừa, hoặc ngược lại với trước; hoặc là thọ mạng lâu dài thuyết về pháp nhiều Thừa, hoặc ngược lại với trước. Những điều như vậy cùng với pháp giới hư không bằng nhau, đều là do lực của biển rộng Từ Bi đã hiện rõ ra.

Trong thứ tám là Kiếp, lược bớt không có kệ tụng. Trong tổng quát, kiếp trú như trần số... thì không phải là mỗi một thế giới đều trú qua thời kiếp như trần số, bởi vì kiếp trú của mỗi một thế giới không giống nhau, dài ngắn sai biệt như trần số. Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra hai môn, từ “Hữu như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về kiếp sai biệt, nghĩa như giải thích riêng biệt.

Thứ chín là giải thích về môn thứ mười Hoại phương tiện thế giới Hải. Nhưng Hoại có hai loại: 1) Thành tức là Hoại, bởi vì các duyên đều vô tác, vốn là tánh tự Hoại. 2) Tam tai Hoại, tức là Sự hoại.

Nay trong văn này phân rõ về nghĩa một sau trong kệ trùng tụng trình bày về nghĩa hai. Lại giải thích: Đầu tức là Hoại Thành, sau tức là Thành Hoại Hoại, cho nên gọi là phương tiện Hoại. Lại bởi vì Hoại sau cũng thuận theo duyên không có tánh. Vì sao cần phải cùng Hoại? Bởi vì muốn khiến cho thấy tâm không còn, bởi vì Thành-Hoại viên thông.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng có thể Hoại đầu tức là không Thành

cho nên Thành Thành, Hoại sau tức là không Hoại cho nên Thành Hoại, vậy thì Hoại-Thành đều Thành sao không như vậy?

Đáp: Lý thật thì phải như vậy, nhưng bởi vì văn này giải thích về nghĩa Hoại thuộc môn thứ mười, không phải là giải thích về Thành, cho nên không phân rõ.

*Trong văn có hai:* Một, nêu ra ý tổng quát nói cho biết, nghĩa là phân biệt về Hoa Tạng để khai thị cho căn cơ; hai, chính thức trình bày về pháp đã thuyết giảng.

*Trong thuyết giảng có ba:* Một là nêu ra chủ phân rõ về nhân, hai từ “Hữu Tu-di trần đẳng...” trở xuống là trình bày về nhân đã thành tựu quả, ba là nơi này Đức Phật thường chuyển pháp luân kết luận quả thuộc về chủ.

*Trong phần một có hai:* Trước là tổng quát phân rõ, nghĩa là từ lúc mới phát tâm đã tu nhân này, trình bày về nhân sâu-quả dày.

Hỏi: Du-già luận nói: “Tất cả chư Phật phải trải qua ba A-tăng-xí-da kiếp tu hành thành Phật, không có thêm-không có bớt.” Vì sao trong này lại nói A-tăng-kỳ thế giới, mỗi một thế giới đều nghiên vụn làm bụi trần, một bụi trần là một kiếp, dựa vào đây thì có Bất khả thuyết A-tăng-kỳ kiếp, vì sao không giống nhau?

Đáp: Đó là dựa theo Tam thừa, dựa vào Hóa Nghi của một phương, chỉ dựa vào thế giới Tu-di Lôu-sơn này mà nói, vì vậy kinh Bảo Vân nói: “Ta vì chúng sinh cạn cợt mà nói tu hành trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng Ta thật sự đã tu hành trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.” Đây là dựa theo hội tụ Tam thừa quy về Nhất thừa mà nói. Văn này dựa theo Nhất thừa bao gồm tất cả Nhân-đà-la vãng... khắp mười phương và các loại thế giới như hình thể cây cối... mà nói. Lại là dựa theo pháp để phân rõ về thời gian, bởi vì pháp vô tận cho nên thời gian cũng vô tận. Trong văn lại nêu ra mười số Đại, trong đó lấy số thứ nhất làm quy phạm, cũng tức là bao gồm dụ về Đế vãng, cho nên cũng vô tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì một kiếp tức là vô tận, sao không chỉ nói là một kiếp?

Đáp: Bởi vì trong này vốn là vô tận vô tận, lại đức không có gì không đầy đủ gọi là Nghiêm, cấu nhiễm không có gì không trừ hết gọi là Tịnh. Lại đầu tức là phước trí tô điểm lẫn nhau, sau là Đoạn đức lìa nhiễm. Lại cũng có thể bởi vì Nghiêm tức là Tịnh Nghiêm.

*Trong riêng biệt, luận rộng về nhân của cõi có hai loại:* 1) Y nhân, đó là Thức thanh tịnh thuộc Chân như và gương Trí; 2) Sinh nhân, đó là các hạnh nguyện vi diệu. Nay dựa theo nghĩa sau sơ lược đưa ra ba loại:

Một, Quảng phước; hai, Đại nguyện; ba, Diệu hạnh.

Trong một, mỗi một kiếp là nhiều thời gian, trong mỗi một kiếp cúng dường chư Phật như trần số là nhiều nhân, lại là chư Phật cho nên nhân sâu xa thù thắng. Dựa theo phẩm Thập Địa sau thì cần phải có tất cả vật dụng cúng dường, tức là nhiều vật dụng cúng dường; dùng tâm bậc Thượng-tâm sâu xa, tức là tâm cúng dường rộng lớn. Văn này vốn còn lại tóm lược mà thôi. Dựa theo Địa Luận, cung kính cúng dường đều có ba loại, nên tìm trong văn của luận ấy. Tân Kim Cang Bát Nhã luận quyển Thượng, cũng có ba loại cúng dường: 1) Làm người hầu hạ hai bên; 2) Lo liệu chu đáo những vật dụng cần thiết; 3) Thưa hỏi tiếp nhận pháp yếu.

Trong hai là Nguyện, mỗi một kiếp là nhiều thời gian, mỗi một cõi Phật là nhiều duyên thù thắng, nguyện như trần số là nhiều nguyện. Nghĩa là tự mình phải dùng Đại thế, mong muốn thành tựu quả này, thì cần phải thể nguyện kỳ hạn. Lại phước hạnh đã tu là mong mỏi thành tựu quả này, tức là mong mỏi thì cần phải nguyện cầu. Đối trước Đức Phật phát tâm rộng lớn là tu tập, chân thật lìa xa cấu nhiễm là thanh tịnh. Lại trong mười Đại nguyện, nguyện làm thanh tịnh cõi Phật và các nguyện khác nên tìm trong luận.

Trong ba là Diệu hạnh, tu tập qua nhiều thời gian, duyên sâu rộng, thực hành nhiều việc làm, có thể biết. Cũng đối với duyên tiến đến thành tựu là tu tập, tu tập thành tựu lìa xa cấu nhiễm là thanh tịnh. Đó là các hành như mười Độ-sáu Độ..., cho đến tất cả các hạnh. Lại trong ba loại, đầu là Tự lợi, sau là Lợi tha, giữa gồm chung Tự lợi-Lợi tha. Lại cũng có thể đầy đủ bốn loại nhiều, tức là là bốn Tu: 1) Trần số kiếp, tức là thời gian nhiều, là tu trải qua thời gian lâu dài; 2) Trần số Phật sở, tức là cúng dường nhiều Đức Phật, là tu hạnh cung kính; 3) Nơi mỗi một Đức Phật đều phát nguyện, tức là nhiều nguyện, là tu tập không gián đoạn, nghĩa là nguyện và tâm nối tiếp nhau; 4) Trần số hạnh, tức là phát khởi nhiều hạnh, là tu tập không sót điều gì.

*Trong phần hai trình bày về đã thành tựu quả, phân làm hai: Trước là trình bày về thế giới chủ này, sau là phân rõ kết luận nối thông.*

Trong phần trước có ba: Một, hiển bày Thế giới này là nơi nương tựa duy trì; hai, từ “Thử Hương thủy hải thượng hữu thế giới Tánh trú...” trở xuống trình bày về tầng tiếp theo hiển bày về chủng loại xen tạp của thế giới Tánh; ba, từ “Hương thủy hải danh Lạc Quang Minh...” trở xuống lại tiếp tục phân rõ về bảy thế giới Tánh-mười hai quốc độ của Phật. Nhưng đây là cảnh giới nhiếp hóa của Bốn Sư Phật, phạm vi mà

các giáo đã nói khác nhau. Nếu trong Tiểu thừa thì chỉ có một thế giới Ta-bà này. Nếu Tam thừa thì có hai: Một là cảnh nhiếp hóa của Hóa thân, đó là thế giới Ta-bà này; hai là cảnh nhiếp hóa của Tha thọ dụng thân, đó là mười tám Tịnh độ viên mãn... Nếu dựa theo Nhất thừa thì đó là cảnh nhiếp hóa của mười Phật. Liên Hoa Tạng trang nghiêm thế giới Hải có ba loại: 1) Liên Hoa Đài Tạng thế giới tuy khắp nơi thế giới, nhưng đối với cơ Bồ-tát Địa thượng thì thấy có tầng giảm, nương vào đỉnh cõi Sắc chỉ nói là một cõi; 2) Ngay nơi Hoa Tạng khắp cả pháp giới này nói là mười để hiển bày về vô tận, tức là thế giới Hoa Tạng vô tận này, mỗi một thế giới đều khắp nơi pháp giới; 3) Thế giới tạp loại như hình thể cây cối..., mỗi một thế giới đều có Liên Hoa Tạng, đều tựa như thế giới kia, đều khắp nơi pháp giới, tất cả đều có mười, vô tận vô tận. Trong ba loại này, một loại đầu là dựa theo Đồng giáo Nhất thừa để phân rõ, hai loại sau là dựa theo Biệt giáo để hiển bày mà thôi. Nay trong văn này dựa vào trong thế giới Tu-di sơn để phân rõ về Hoa Tạng, vì vậy Phong luân-Thủy luân vẫn tựa như cõi ấy, bởi vì dễ tin hiểu, vốn là hợp với cơ mà thành.

*Trong văn phần một phân hai:* Một là riêng biệt hiển bày về tướng trang nghiêm, hai từ “Nhất nhất...” trở xuống là tổng quát để kết luận. Trong phần một có sáu: 1) Phân rõ về gió-nước-hoa-đất làm sở y căn bản; 2) Nói về núi-biển trang nghiêm... trên mặt đất; 3) Mặt đất có thể ánh hiện trang nghiêm; 4) Hương hải trang nghiêm trên mặt đất; 5) Hương hà trang nghiêm giữa biển; 6) Cây báu trang nghiêm giữa sông. Trong sáu đoạn này đều có hai, đó là trường hàng và kê tụng.

*Ngay trong phần trường hàng của đoạn một có năm:* a) Phong luân duy trì vô ngại; b) Dựa vào Phong có Hương hải; c) Dựa vào Hải có hoa sen; d) Dựa vào Hoa có thế giới; e) Dựa vào Thế giới có núi vây quanh.

*Văn phần a có ba:* Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận. Trong riêng biệt, bảy loại đầu đều duy trì mặt đất báu (bảo địa), trong này có hai nghĩa: Một là trên một Phong luân có một mặt đất báu, theo thứ tự như vậy; hai là những mặt đất báu ấy đều vòng quanh ở trên hoa sen. Nhưng lực của Phong này tùy theo môn duyên khởi khác nhau, chủ thuộc về vô ngại, tùy ý duy trì vốn là Phong thuộc pháp tánh.

*Trong này Phong có hai nghĩa:* 1) Nghĩa về Vô ngại; 2) Nghĩa về có lực. Vì thế mà thành duyên khởi. Mặt đất báu cũng có hai nghĩa: 1) Nghĩa về đáng quý; 2) Nghĩa về nương tựa duy trì. Pháp môn như Người-Pháp-Giải-Hạnh..., đều dựa theo đây. Bát trì thời: Bởi vì thời



gian dựa vào pháp mà lập ra, không có tự Thể cho nên nói là Trì. Mặt đất núi Tu-di là nơi đã duy trì thế giới xen tạp, sự việc xa vốn có chủ nơi ấy ở văn sau. Nhất thiết hữu: Một, như ba Hữu... trong các thế giới này; hai, cũng có thể bao gồm các sự việc trang nghiêm trên mặt đất báu này là Nhất thiết hữu.

Lại dùng nghĩa tìm hiểu thì bảy loại trước theo thứ tự từ Tế hướng đến Tho, chỉ thuộc về duy trì đối với mặt đất báu; ba loại sau dần dần duy trì về Tho, như bốn Thời-ba Hữu... đã duy trì các thế giới Tánh ở văn sau.

Lại trong này Phong luân thấp nhất vượt qua duy trì mặt đất báu ở phía trên hoa, Phong luân cao nhất tiếp theo bên cạnh duy trì Hương hải ở phía dưới hoa, vốn là hiển bày trên-dưới dung hòa tự tại vô ngại, bởi vì khác với Hàm liệt hải ở cõi nhiễm kia, cho nên nói là Hương thủy hải. Hương có hai nghĩa: Một là nghĩa về lan tỏa rộng khắp, hai là nghĩa về mùi thơm ngào ngạt. Thủy cũng có hai nghĩa: Một là nghĩa về thanh tịnh, hai là nghĩa về gột rửa. Hải cũng có hai nghĩa: Một là sâu rộng, hai là đủ đức. Lại có mười nghĩa, như phần sau nói. Bởi vì có đủ chủ-bạn, cho nên nói là Nhất Thiết.

Trong Hoa có hai, câu đầu phân rõ về nghĩa. Đại Liên Hoa, trong Lương Nhiếp Luận có bốn nghĩa: 1) Như hoa sen thế gian ở trong bùn mà không nhuốm bẩn, ví như pháp giới Chân như ở thế gian không bị pháp thế gian làm cho nhuốm bẩn; 2) Như tánh của hoa sen tự nhiên nở rộ, ví như tự tánh Chân như khai ngộ chúng sinh, nếu chứng thì tự tánh khai phát; 3) Như hoa sen được bày ong hút mật, ví như Chân như được các bậc Thánh sử dụng; 4) Như hoa sen có bốn đức: a) Hương thơm, b) Thanh tịnh, c) Mềm mại, d) Đáng yêu. Ví như bốn đức của Chân như, đó là Thường-Lạc-Ngã-Tịnh. Những nghĩa như vậy đều vốn là nghĩa về nương tựa (y chỉ). Luận ấy lại dựa theo giải thích một lần nữa, đó là do nguyện lực của Như Lai mà cảm được, Đại Bảo Liên Hoa Vương làm nơi nương tựa cho Tịnh độ, tên gọi của Hoa Tạng vì thế mà lập ra.

Câu sau về Hương Tràng... là dựa vào nghĩa mà lập thành tên gọi. Tên gọi có bốn nghĩa:

Một, Hương có hai nghĩa: 1) Dựa theo Thể là nghĩa về mùi thơm ngào ngạt; 2) Dựa theo Dụng là nghĩa về lan tỏa khắp nơi.

Hai, Tràng cũng có hai nghĩa: 1) Dựa theo Thể là nghĩa về một mình vượt ra; 2) Dựa theo Dụng là nghĩa về hàng phục, như cột cao của Đế Thích...

Ba, Quang minh cũng có hai nghĩa: 1) Nghĩa về chiếu rọi bóng tối;

2) Nghĩa về hiện rõ giáo pháp.

Bốn, Trang nghiêm cũng có hai nghĩa: 1) Nghĩa về đầy đủ đức; 2) Nghĩa về tô điểm lẫn nhau. Trong này, Hương tức là Tràng, Hương Tràng tức là Quang minh, Quang minh tức là Trang nghiêm, đều là Trì nghiệp thích cũng gồm chung Y chủ thích, dựa theo đó.

Sau là trình bày hai câu về Sở Trì. Trong câu đầu, nghĩa về Hoa giống như trước. Tạng là nghĩa về hàm chứa thâm nhiếp, nghĩa về sinh ra, nghĩa về đầy đủ đức.

*Trong này luận chung có hai nghĩa:* 1) Bởi vì trong cõi này hàm chứa thâm nhiếp tất cả các pháp môn như Người-pháp... 2) Bởi vì hàm chứa thâm nhiếp tất cả các cõi khác.

*Câu sau về Kim Cang cũng có hai nghĩa:* 1) Là nghĩa về cứng rắn; 2) Là nghĩa về sắc bén.

*Son cũng có hai nghĩa:* 1) Là nghĩa về cao xa; 2) Là nghĩa về yên lặng.

*Vi Nhiếu cũng có hai nghĩa:* 1) Là nghĩa về bên trong thâm nhiếp lợi ích; 2) Là nghĩa về bên ngoài phòng ngừa kẻ địch. Nghĩa là dùng Kim Cang để ngăn cách kẻ địch bên ngoài không có thể xâm nhập, công đức bên trong được tăng trưởng.

*Trong tụng có hai mươi kệ phân làm hai:* Một là bảy kệ tóm lược tụng về văn trước đây, hai là mười ba kệ trình bày về lợi ích của Dụng thù thắng.

*Trong phần một phân năm:* Một kệ đầu nêu rõ về Thể-Dụng của quả, một kệ tiếp tụng về phước thanh tịnh cúng dường Phật trong nhân trước đây, hai kệ tiếp tụng về Đại nguyện trước đây, một kệ tiếp tụng về Phong luân duy trì mặt đất báu trong quả trước đây, hai kệ tiếp tụng về Đại nguyện làm nhân của cõi trước đây. Vì vậy tùy ý phát ra biện tài cho nên thuyết giảng không cần thứ tự.

*Trong phần hai là Dụng thù thắng có hai:* Sáu kệ trước trình bày về lợi ích của Dụng thuộc Y báo, bảy kệ sau trình bày về lợi ích của Dụng thuộc Chánh báo.

*Trong phần trước có hai:* Một, trình bày về Dụng thù thắng có bốn kệ, một là ánh sáng của thế giới, hai là ánh sáng của Bồ-tát, ba là ánh sáng của sắc hoa, bốn là ánh sáng của vật báu thanh tịnh. Đều là ánh sáng của pháp như Trí..., cho nên có thể chiếu rọi khắp nơi pháp giới. Hai, có hai kệ trình bày về tướng của lợi ích, một là diệt trừ phiền não thành tựu công đức, hai là nhìn thấy pháp giới như Đế vông.

*Trong phần sau là lợi ích của Dụng thuộc Chánh báo cũng có hai:*

Một, trình bày về Dụng thù thắng có hai kệ, một là trình bày về Dụng của Phật ở ngoài cõi, hai là trình bày về Dụng của Phật ở trong Hoa. Lại trong ngọc châu trước đây là Bồ-tát khắp nơi mười phương, ở đây thì trong hoa là chư Phật giống như chúng sinh giới, bởi vì y-chánh vô ngại. Hai, trình bày về tướng của lợi ích, trong đó có năm: Một là nêu rõ về cơ đã được lợi ích, hai là phát khởi giáo pháp khắp nơi, ba là khéo léo điều phục căn cơ, bốn là khiến cho trú vào Đoạn đức của Tự phần, năm là khiến cho nghe được Trí đức về thắng tiến.

Hỏi: Sao không nói là chư Phật thuyết pháp mà nói ở ánh sáng-mây...?

Đáp: Bởi vì đây là trình bày về Dụng của cõi cho nên như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao phân rõ về ánh sáng của Phật...? Đáp: Bởi vì y-chánh viên dung, cho nên Phật cũng là cõi.

Hỏi: Trong này ý phân rõ về Hoa Tạng Giới, vì sao lại nói đến các hóa dụng xen tạp?

Đáp: Có hai nghĩa: Một, bởi vì đây là Dụng của cõi cho nên phân rõ về Dụng để hiển bày về Thể; hai, ngay nơi hóa dụng này là y-chánh cho nên tức là cõi.

Hỏi: Vì sao cùng với trường hàng không giống nhau?

Đáp: Bởi vì trong trường hàng tóm lược nêu ra, trong tụng mở rộng hiển bày.

Đoạn thứ hai, tổng quát trình bày về biển-mặt đất trang nghiêm dưới núi, trường hàng có năm câu: Một, hai câu hiển bày về tên gọi của mặt đất, đó là mặt đất trước mặt của đài hoa sen làm bằng vật báu chúa. Hai, trình bày về mặt đất giữ yên biển. Ba, tướng của mặt đất đầy đủ đức. Bốn, Thể của mặt đất kiên cố. Năm, trình bày về Dụng thù thắng của mặt đất. Trong đó câu đầu là đưa ra Pháp Bảo, câu sau là khởi lên Trí soi chiếu.

*Trong tụng có mười kệ phân làm hai:* Đầu là sáu kệ trình bày về các đức trang nghiêm, sau là bốn kệ trình bày về pháp hành trang nghiêm. Lại đầu là Thể đầy đủ các đức, sau là trình bày về Diệu dụng tự tại. Lại đầu là Y, sau là Chánh. Lại đầu là sự tướng trang nghiêm, sau là pháp lý trang nghiêm. Lại đầu là pháp, sau là người. Lại đầu là tụng về văn trước đây, sau là trình bày về nghĩa khác, đều có thể biết.

*Trong phần đầu:* Một kệ đầu tổng quát phân rõ về nhân trang nghiêm. Hai kệ tiếp tụng về mặt đất và núi trước đây, trong đó một kệ đầu nêu ra, nghĩa là vòng quý báu-vòng hương thơm làm trang nghiêm phía trên núi, vòng châu ngọc và các vật báu dựa vào phía dưới núi,

một kệ sau là giải thích, nghĩa là hai câu đầu giải thích về vòng quý báu trang nghiêm trước đây, một câu tiếp hiển bày về vòng hương thơm trước đây, một câu sau cuối phân rõ về nghĩa của trang nghiêm. Tiếng Phạm gọi là Chước-ca-la, Trung Hoa nói là Luân Vi Sơn. Một kệ tiếp tụng về Thế-Tướng trang nghiêm trước đây, đó là đầu Thế-sau Tướng. Một kệ tiếp tụng về Hương thủy hải trước đây. Một kệ tiếp tụng về Dụng thù thắng của mặt đất trước đây, cũng là trên mặt đất báu bên bờ biển thì có cây báu, trên tòa báu dưới tán cây báu có thân của Phật và Bồ-tát.

*Bốn kệ trong phần sau:* Một kệ đầu tổng quát trình bày về Pháp luân của thân-ngữ. Hai kệ tiếp riêng biệt phân rõ về thân-sắc-y-chánh vô ngại, trong đó đầu là một Đức Phật hiện rõ trong nhiều đồ vật trang nghiêm, tiếp là nhiều Đức Phật hiện rõ trong một đồ vật trang nghiêm, tức là điều hòa đồ vật làm pháp luân. Lại trước đây trong hoa hương phan cái, Bồ-tát đầy khắp pháp giới; ở đây thì trong tràng báu-cây báu trang nghiêm, các thân của chư Phật như mây đầy khắp mười phương, đều lấy Chánh báo làm Y báo. Một kệ sau cuối riêng biệt hiển bày về Pháp luân của ngữ trước đây, đây tức là cội thuyết giảng.

Trên đây là gồm chung ba thế gian viên dung vô ngại, hễ tiến vào một môn thì đều có đủ tất cả, cho nên dẫn đến như vậy. Lại các văn trường hàng đã nói như vậy là sắp xếp theo thứ tự ấy, khiến cho tùy theo sự việc phát sinh hiểu biết; trong kệ đã tụng thì dung hòa từ đầu đến cuối, viên thông vô ngại thuận với pháp tánh. Trường hàng dùng pháp đến với cơ, kệ tụng hội tụ cơ quy về pháp, tương khéo léo làm đẹp lẫn nhau của người soạn văn, nên biết.

Đoạn thứ ba là ngọc báu trang nghiêm bên trong, trong trường hàng có sáu câu: Câu thứ nhất hiển bày về tên gọi của vật báu, nghĩa là núi làm tường thành bên ngoài, thế giới ở bên trong, cho nên nói là Nội, không phải ở trong núi là Nội. Nói là không thể hoại có bốn nghĩa: 1) Thế không thể hủy hoại, bởi vì đó là Kim Cang Ma-ni. 2) Đức không thể hủy hoại, nghĩa là tích trữ thân nhiếp nhiều vật báu cùng ở trong mình, các vật báu không phá hỏng nhau, bởi vì không có tướng cho nên không so sánh làm mất lẫn nhau, tự mình cũng không hủy hoại bởi vì không hai. 3) Dụng không thể hủy hoại, nghĩa là các vật báu rất nhiều không làm cho nhau mất đi. 4) Phản chiếu không thể hủy hoại, nghĩa là ánh hiện nhiều thân không có thể làm hỏng mất đi, nơi hiện bày lại hiện bày không làm trở ngại lẫn nhau. Câu thứ hai phân rõ về Dụng thù thắng của ngọc châu, nghĩa là trong suốt sáng ngời cho nên luôn

luôn hiện bày, trong này ánh hiện là chủ động hiện bày, hình ảnh là thụ động hiện bày. Vì sao không hiện bày chư Phật và những cõi khác? Bởi vì đó không phải là những gì đã giáo hóa. Nếu như vậy thì sao không hiện bày tâm niệm? Đó là bởi vì không phải Sắc pháp cho nên không có nghĩa về hiện bày. Câu thứ ba, trong mặt đất trang nghiêm bằng hoa báu để làm trang nghiêm, là gồm chung hai câu trên, cùng trang nghiêm mặt đất. Câu thứ tư là mây trang nghiêm. Câu thứ năm là hương thơm trang nghiêm. Câu thứ sáu là ba đời trang nghiêm, nghĩa là chư Phật ba đời trang nghiêm Hoa Tạng Giới đều giống như vậy.

Lại bởi vì trang nghiêm này cũng giống với ba đời. Lại bởi vì Thể của Tạng đã trang nghiêm gồm chung ba đời, dù cho ở hiện tại dùng một hoa để trang nghiêm, nhưng bởi vì giống như đã trang nghiêm cho nên vẫn gồm chung ba đời, thì biết một hoa-một vòng hoa đều khắp cả ba đời, ba đời cùng hiện bày, đều có đủ quá khứ-vị lai, tức là bao gồm chín đời. Nhưng Dĩ là giống như Dụng, cho dù cõi đã trang nghiêm chỉ ở trong một niệm dùng tất cả đồ vật trang nghiêm ở trong ba đời mà trang nghiêm, thì thụ động trang nghiêm giống như chủ động trang nghiêm mà khắp cả ba thời gian. Lại cũng có thể chủ động-thụ động cùng một niệm tức là vốn có chín đời, tất cả hòa vào ngay trong nhau cho nên đầy đủ mười đời, để hiển bày về vô tận. Đối với bốn cách giải thích trên, ba cách sau là hơn hẳn.

*Trong tụng có mười kệ phân làm bốn:* Một có một kệ rưới tụng về Ma-ni bất hoại trước đây, hai có hai kệ rưới tụng về hoa báu trang nghiêm, ba có một kệ tụng về mây trang nghiêm, bốn có năm kệ tụng về trang nghiêm cõi ba đời. Trong đó, một kệ đầu là mặt đất hiện rõ về hành ba đời, một kệ tiếp là trần số mặt đất cùng hòa vào cõi, một kệ tiếp là Bồ-tát thọ dụng trang nghiêm, một kệ tiếp là Thể-Dụng về pháp của Phật trang nghiêm, một kệ tiếp là đạt được nguyện của Phổ Hiền và trí của Phật có thể tiến vào nhiều cõi.

Trong đoạn thứ tư là Hương hải trang nghiêm, trong trường hàng riêng biệt có mười bốn câu: 1) Hương bên bờ quý báu; 2) Lưới giăng quý báu che phủ; 3) Nước quý báu tràn đầy; 4) Hoa quý báu nở rộ; 5) Mạt hương thơm lừng nước ấy; 6) Phát ra Phật âm; 7) Hương thơm lan tỏa khắp nơi, nghĩa là nơi giáo pháp tỏa đến; 8) Bạc thêm đường đi quý báu, nghĩa là bậc thang tiến vào pháp; 9) Lan can châu ngọc, nghĩa là ngăn ngừa sai trái bên ngoài, giữ gìn công đức bên trong; 10) Tiếng sóng rào rạt; 11) Lầu hoa vây quanh; 12) Thành hoa vòng quanh bên ngoài; 13) Hoa thơm rải khắp mặt nước; 14) Cây thơm làm trang

nghiêm. Tất cả đều tức là sự-tức là pháp, có thể dựa theo suy nghĩ.

*Trong tụng có mười kệ:* Một là tụng về biển; hai là tụng về bờ biển; ba là tụng về nước và Phật âm; bốn là tụng về bậc thêm và lan can; năm là tụng về cây quý báu; sáu là tụng về hoa trên mặt nước, Phân-đà-lợi Trung Hoa gọi là Bạch Liên Hoa; bảy là tụng về lưới giăng quý báu; tám là tụng về thành bằng hoa quý báu; chín là tụng về dùng để bao quanh bên ngoài thành; mười là nêu ra nhân để kết luận về thành tựu.

Trong đoạn thứ năm là Hương hà trang nghiêm, trong trường hàng riêng biệt có ba câu: 1) Hoa che phủ; 2) Nơi sinh ra; 3) Thuận theo dòng. Bởi vì y-chánh vô ngại, từ Phật phát ra, là biểu thị về Chánh báo cho nên từ giữa chặng mây phát ra, nghĩa là dòng sông giáo pháp tuôn chảy tưới thấm vốn từ chứng trí mà phát ra. Nhưng giáo pháp kèm theo nghĩa về Chân, cho nên vật báu chứa thuận theo dòng chảy mà không mất đi Chân tánh, tức là tùy duyên bất biến, chính là không hai.

*Trong tụng có mười kệ:* Một là tổng quát trình bày về tướng của sông; hai là bờ bến trang nghiêm; ba là nước thơm chảy tràn; bốn là do vòng đi vòng lại mà đến; năm là vật báu hiện ra tự nhiên; sáu là Thể của sông rộng khắp; bảy là lưới giăng diển nói về tu nhân; tám là bên bờ nghe về công hạnh của quả; chín là Dụng của sông từ nhân mà tỏa ra; mười là sông vốn từ quả.

Trong đoạn thứ sáu là cây quý báu, trong trường hàng có năm câu: 1) Trình bày về Thể của cây, nghĩa là cây rừng pháp vô lậu..., tức là nghĩa về các đức kiến lập; 2) Màn che quý báu phủ kín, tức là Đại Từ che phủ khắp nơi; 3) Do lực của nhân mà khởi lên; 4) Đức của quả gia hộ thành tựu; 5) Cùng tận phạm vi trang nghiêm.

*Trong tụng có hai kệ:* Một kệ đầu tụng về hành tự tại của quả, một kệ sau tụng về do nhân hạnh mà khởi lên. Lại hai kệ này tức là cây, bởi vì người và pháp vô ngại.

Trong phần hai là tổng quát để kết luận, bởi vì phạm vi của cảnh rất nhiều, nói riêng biệt khó mà hết được, cho nên tổng quát nói là mỗi một. Nhưng sự việc trang nghiêm ở trong một cảnh hãy còn nhiều, cho nên tổng quát nói là trần số. Lại trang nghiêm riêng biệt khó mà làm sáng tỏ, cho nên gồm chung nói là Thanh tịnh, có thể biết.

Đoạn lớn thứ hai là trình bày về tầng thứ hai, dựa vào các thế giới Tánh xen tạp đã duy trì trên các Hương hải bên trong đài hoa sen trước đây. Ở trong trường hàng, trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong riêng biệt, trước là phân rõ về trú vào nơi nương tựa có

sáu câu, sau là hiển bày về hình thể chủ động nương tựa có chín câu. Trong này, thế giới Tánh nghĩa là tập hợp thế giới thành Tánh, tập hợp Tánh thành Hải..., như trên đã dẫn ra Trí Luận giải thích. Lại văn sau này ở trong thế giới Hải có thế giới Tánh, trong thế giới Tánh có một thế giới..., cho nên biết do tập hợp mà thành. Vì sao gọi là Tánh, có hai nghĩa: 1) Hưởng về các cõi trước đây thâu nhiếp các chủng loại tương tự tập hợp kết lại thành Tánh, như thói quen lâu ngày thành tánh...; 2) Hưởng về Hải... sau này bởi vì có nghĩa làm nhân, cho nên cũng có thể gọi là Tánh.

Hỏi: Tập hợp Giới thành Tánh, Giới cũng có nghĩa về nhân, sao không gọi là Tánh?

Đáp: Bởi vì không có dung hòa kết hợp cho nên thiếu đi nghĩa thứ nhất.

Hỏi: Trong mười thế giới, Hải hưởng về sau cũng tập hợp thành Giới khác, sao không gọi là Tánh?

Đáp: Ban đầu tập hợp thâu nhiếp kết lại rồi có thể gọi là Tánh, về sau tách ra nghĩa khác chuyển sang lập thành tên gọi riêng biệt cho nên không gọi là Tánh.

*Trong tụng có mười kệ phân làm bốn:* Một có hai kệ tụng về Trú-Hình trước đây. Hai có ba kệ trình bày về cõi có Sắc-Thanh trang nghiêm, hiển bày về Thể-Đức trọn vẹn đầy đủ. Ba có ba kệ trình bày về các quốc độ ngay trong nhau hòa vào nhau vô ngại, hiển bày về diệu dụng tự tại. Bốn có hai kệ trình bày về ba thế gian tự tại, tức là hiển bày về Dụng nhiếp hóa thù thắng y-chánh vô ngại.

Đoạn lớn thứ ba trình bày về các cõi duy trì mở rộng hưởng lên phía trên. Trong đó có hai: Một là nhắc lại về biển và hoa trên biển trước đây, hai là phân rõ về cõi và tánh duy trì.

Trong này, bảy thế giới Tánh-mười hai quốc độ của Phật, có các vị giải thích là quốc độ ở mười phương bên ngoài Hoa Tạng Giới, tưởng tận về văn ấy sợ rằng không phải như vậy. Đã chọn lấy hoa sen trong Hương hải bên trong Hoa Tạng mà duy trì, cho nên biết là không phải bên ngoài; hơn nữa ở văn sau kết luận thuộc về Phật Lô-xá-na, cho nên cũng không phải là bên ngoài. Nhưng trong này ý chính là trình bày trong các Hương hải sơ lược nêu ra một Hải, trong một Hải đã duy trì mười phương cõi sơ lược nêu ra một phương, một phương đã như vậy nói không thể nào hết được, phương khác cũng như vậy. Một Hải đã duy trì mười phương vô tận đều khắp nơi pháp giới, mỗi một Hải khác đều duy trì mười phương đều khắp nơi pháp giới, viên dung vô ngại-tự tại vô tận

tức là Bất khả thuyết-bất khả thuyết. Ý chính như vậy, nên suy nghĩ!

*Trong phần hai là đã duy trì có hai:* Đầu là một phương, sau là kết hợp mười phương.

*Trong phần đầu có hai:* Trước là trình bày về mười hai tầng quốc độ của Phật, sau là phân rõ về bảy thế giới Tánh.

Mười hai quốc độ của Phật này, có người dùng phối hợp với 12 nhân duyên, có người phối hợp với 12 Trú của Bồ-tát..., giải thích từng điều một, nghĩa sợ rằng không phải như vậy, lẽ nào bởi vì số 12 giống nhau thì liền phối hợp để giải thích? Nhưng kinh này đã trình bày đều thuận theo số 10 để hiển bày về vô tận, cho dù có các số như 12-7-8... thì cũng là số 10 mà tăng giảm, như Địa Luận giải thích, vẫn là số 10, lẽ nào có thể phối hợp hay sao? Hơn nữa nghĩa lý lại khác nhau. Và lại, kinh này đã nói về một Sự-một cõi đều khắp nơi pháp giới, đầy đủ tất cả pháp môn như tất cả người-pháp, giáo-nghĩa, nhân-quả, lý-sự..., không phải là thích hợp với một tướng, cho nên không thể dùng một môn để giải thích, các văn trước-sau đều dựa theo đây biết rõ.

Hỏi: Nếu như vậy thì các văn trên đây vì sao đều dùng một-hai nghĩa... để giải thích?

Đáp: Vẫn dùng một của tất cả để giải thích cho nên không có sai lầm, vì vậy hoặc một mà không thiếu, hoặc nhiều mà không thêm, bởi vì thành văn cho nên bố trí theo trước sau, rất cần phải đạt được ý, nhiều ít vô ngại.

Vả lại luận rộng về Phật và cõi, lập ra tên gọi không giống nhau, sơ lược dựa vào năm tướng: 1) Hoặc là dựa vào cơ cảm; 2) Hoặc là nhờ vào bốn nguyện của Phật; 3) Hoặc là dựa vào bốn hạnh; 4) Hoặc là Phật trước kia thọ ký riêng biệt; 5) Hoặc là biểu hiện rõ ràng về pháp môn. Trong này, Phật và quốc độ, y-chánh viên dung, có thể dùng nghĩa của pháp mà hiểu. Trần số Hương hải và thế giới Tánh, dựa theo giải thích có thể biết.

*Lại có nghĩa trên đây tổng hợp làm hai tầng:* Đầu là phân rõ về cõi Hoa Tạng của Đức Phật này và thế giới Tánh đã duy trì; sau từ “Thập nhị Phật độ...” trở xuống là phân rõ về cõi của Đức Phật khác, cũng duy trì thế giới Tánh. Tổng hợp làm hai cặp cần phải suy nghĩ. Kết luận nổi thông về kết luận thuộc về đều có thể biết.

Trong thứ hai là trùng tụng có bảy mươi tụng, chỉ tụng về sự việc trong trường hàng thứ hai trước đây, không phải là tụng về mười thế giới Hải và Hoa Tạng... trước đây, bởi vì những phần ấy đều có kệ. Phần trùng tụng xong.



Bởi vì mười hai quốc độ của Phật-bảy thế giới Tánh trước đây đều gồm có nghĩa về mười Hải này, vì vậy trong kệ tụng hiển bày về tướng trạng ấy, mở rộng và tóm lược cùng làm đẹp cho trường hàng ấy, cũng giống như các văn trước đây.

*Trong đó phân làm hai:* Một, chín tụng tổng quát tụng về văn trước đây; hai, tụng còn lại riêng biệt tụng về mười Hải trong phần trước.

*Trong phần một có bốn:* 1-Một tụng hiển bày về biển-cõi trong Hoa Tạng là chỗ dựa căn bản; 2-Ba tụng tổng quát phân rõ về các cõi khác chủng loại là chủ động dựa vào; 3-Ba tụng sơ lược hiển bày về hình thể của cõi chủ động dựa vào; 4-Hai tụng gồm chung nêu ra Đại Dụng của cõi Phật.

*Trong phần hai tụng về mười Hải, văn phân làm mười:*

1. Có mười một kệ, tụng về thế giới hải phát khởi đầy đủ nhân duyên, trong đó có bảy nhân duyên: Một, ba kệ đầu tụng về nhân của thần lực, trong này một kệ đầu là dựa vào gốc không có hủy hoại, hai kệ sau là tùy theo ngọn mà thiếu đủ. Hai, từ “Như y chủng chủng...” trở xuống có hai kệ tụng về nhân của nghiệp chủng, một kệ đầu là báo khác nhau, một kệ sau là nghiệp khác nhau. Ba, từ “Thí như ý bảo...” trở xuống có hai kệ tụng về nhân của nguyện lực, một kệ đầu là dụ về ngọc châu quý báu hiện bày màu sắc, một kệ sau dụ về có thể hiện rõ mây giữa hư không. Bốn, từ “Do như công huyễn...” trở xuống có một kệ tụng về nhân của nghiệp huyễn. Năm, từ “Như kiến thái họa đẳng...” trở xuống có một kệ tụng về nhân của tâm họa vẽ. Sáu, từ “Chúng sinh tâm bất đồng...” trở xuống có một kệ tụng về nhân của vọng tưởng. Bảy, từ “Do như kiến đạo sư...” trở xuống có một kệ tụng về nhân của tâm hành. Bảy loại này khác nhau thế nào? Một là hiện bày uy thần, hai là chủng tử, ba là nguyện lực xưa kia, bốn là hành hiện tại, năm là Thức vốn có hiện rõ, sáu là tướng chuyển Thức, bảy là căn khí ham muốn, vì thế mà khác nhau.

2. Từ “Vô lượng chân châu...” trở xuống có hai kệ, tụng về thế giới Hải trang nghiêm.

3. Từ “Hoặc hữu Phật sát địa...” trở xuống có bốn kệ, tụng về thế giới Hải thanh tịnh. Trong đó, một kệ đầu chỉ riêng nhiễm, hai kệ tiếp cũng là nhiễm-cũng là tịnh, một kệ sau cuối chỉ riêng tịnh. Bởi vì một kệ đầu là chúng sinh, hai kệ tiếp là Bồ-tát, một kệ sau cuối là chư Phật, do đó khiến cho quốc độ đã cư trú phát sinh nhiễm-tịnh, ba loại này vốn là dần dần hưởng về tịnh.

4. Từ “Nhất Phật quốc độ trung...” trở xuống có bốn kệ, tụng về

thế giới Hải hoại phương tiện, cũng là một kệ đầu chỉ riêng Hoại, hai kệ tiếp cũng là Thành cũng là Hoại, một kệ sau cuối chỉ riêng Thành không có Hoại, bởi vì nhiệm có thể hoại mà tịnh thì thường còn.

5. Từ “Hoặc hữu Phật sát khởi...” trở xuống có hai mươi kệ, tụng về thế giới Thế. Trong đó, sáu kệ đầu hoàn toàn là Thế của nhiễm-khổ, bốn kệ tiếp là Thế của khổ-lạc xen tạp, mười kệ sau hoàn toàn là Thế của tịnh-lạc, trong đó năm kệ đầu là tùy theo Sự phân rõ về Thế, năm kệ sau là Diệu Dụng tự tại.

6. Từ “Hoặc vô lượng Phật độ...” trở xuống có ba kệ, tụng về thế giới Hải của Trú, trong đó một kệ đầu nêu ra hình thế của chủ động dựa vào, hai kệ sau hiển bày về tướng Trú đã dựa vào.

7. Từ “Hoặc như sư tử tòa...” trở xuống có ba kệ, tụng về thế giới Hải của Hình.

8. Từ “Hoặc thọ mạng nhất kiếp...” trở xuống có hai kệ, tụng về thế giới Hải của Kiếp.

9. Từ “Hoặc quốc độ vô Phật...” trở xuống có năm kệ, tụng về thế giới Hải của Phật xuất thế. Trong đó, một kệ đầu là tổng quát nêu ra, hai kệ tiếp là trình bày về Hóa thân thị hiện, một kệ tiếp là cơ thuận thực không có lúc nào không hiện bày, một kệ sau cuối là không phải cần khí thì không có lúc nào có hiện bày.

10. Từ “Hoặc sát cực trước ác...” trở xuống có bảy kệ, tụng về thế giới Hải của Thuyết. Trong đó, hai kệ đầu là âm thanh của đường ác, hai kệ tiếp là âm thanh của đường thiện, ba kệ sau cuối là âm thanh của Pháp luân.

Trên đây là tổng quát về tướng gồm chung đáp những câu hỏi về quả trước đây, xong.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ hai phân rõ về nhân đạt được quả, đáp tất cả các câu hỏi như tu hành Hải của Bồ-tát trong câu hỏi trước đây. Lại giải thích cũng là từ trong những thế giới Tánh trước đây tách ra một thế giới Tánh, hiển bày ba loại thế gian và năm Hải... vốn có bên trong.

*Trong văn phân làm bốn:* Một, nêu ra Thời-Xứ trước kia để phân rõ về Phật xuất thế là duyên của tu hành; hai, từ “Bỉ Viêm Quang thành...” trở xuống trình bày về Đồng tử Phổ Trang Nghiêm là người có thể tu hành; ba, từ câu “Đồng tử kiến Phật...” trở xuống là phân rõ về đối duyên đích thực tu thành tựu hạnh của tự phân; bốn, từ “Bỉ Phật diệt hậu...” trở xuống là trình bày về lại tiếp tục gặp Phật thành tựu hạnh thắng tiến.

*Trong phần một có bốn:* 1) Nêu ra Thời trước đây; 2) Trình bày về Xứ trước đây; 3) Nơi chốn trong Xứ; 4) Phật xuất hiện trong nơi chốn.

Trong phần hai là Xứ trước đây có bốn: a) Chơn lấy tánh trong Hải; b) Núi rừng trong Tánh; c) Tòa thành thù thắng ở phái Đông của rừng, trong đó đầu là Y báo thù thắng, sau là cộng đồng con người thù thắng; d) Tòa thành quyển thuộc trang nghiêm.

*Trong phần ba là nơi chốn có hai:* a) Nơi chốn; b) Tòa hoa.

*Trong phần bốn là Phật xuất hiện có hai:* a) Phật xuất hiện; b) Phát ra ánh sáng làm lợi ích.

Trong phần hai là nêu ra người có thể tu hành, Vương có Thiện Tuệ thuận với lý khiến cho chúng sinh thích nhìn thấy.

Hỏi: Trong kinh Niết-bàn tất cả Luân Vương, đều xác định là ngàn người con không thêm không bớt, vì sao trong này lại không giống như vậy?

Đáp: Đó là Luân Vương làm chủ của Tứ thiên hạ, dựa theo Tam thừa mà nói; đây là Luân Vương làm chủ của thế giới Tánh, cho nên rộng rãi tường tận so với vị kia. Như lưới giăng quý báu trắng ngần..., nhờ phước của một Hằng sa Kim Luân Vương mà cảm đến, đây là dựa theo Nhất thừa mà nói không giống nhau. Lại Vương và Trưởng tử là phần Phước, Đồng tử là phần Tuệ, vì vậy thành pháp khí mà tiến vào đạo. Đức rộng khắp pháp giới gọi là Phổ, Phổ-Đức tô điểm qua lại với nhau là Nghiêm, Nghiêm là Phổ, Phổ tức là Nghiêm, Đồng tử là Phổ-Nghiêm, Phổ-Nghiêm tức là Đồng tử, đều gồm chung hai cách giải thích. Là nhiệm-trình khiết biểu hiện là pháp khí của Đạo, cho nên gọi là Đồng tử, như Văn Thù...

*Trong phần ba là tu thành tựu hạnh của Tự phần có hai:* 1-Thấy Đức Phật đạt được Định là bắt đầu của Tự phần; 2-Nghe kinh đạt được Định thành tựu cuối cùng của Tự phần.

*Trong phần một có bốn:* a) Tự lợi đạt được Định; b) Kệ khuyến khích hóa độ người khác; c) Vương hoan hỷ nói kệ bày tỏ; d) Cùng nhau đến gặp Phật.

*Trong phần a vốn là nhân duyên thiện căn công đức được gặp Phật, có ba giải thích:* Một, nhờ vào lực nhân duyên của thiện căn công đức được gặp Phật, đây là chỉ thuộc về lực của cảnh. Hai, nhờ vào công đức được gặp Phật mà sinh ra lực nhân duyên thiện căn, cho nên đạt được Định. Ba, nhờ vào công đức bên ngoài được gặp Phật làm duyên, bên trong tự mình xưa kia vốn có thiện căn làm nhân, nhân duyên đầy đủ cho nên khiến đạt được Định.

*Trong mười Định này, năm loại đầu là thành tựu về Lợi tha:* 1) Đầy đủ pháp của quả; 2) Tiến vào hạnh rộng khắp; 3) Khéo léo trở thành pháp khí trang nghiêm; 4) Đích thực lợi ích cho căn cơ; 5) Phạm vi của lợi ích.

*Năm loại sau là thành tựu về Tự lợi:* 1) Thành tựu gia hạnh; 2) Tiến vào chính thức chứng; 3) Mở rộng Hậu trí; 4) Thuận với Niết-bàn; 5) Thuận với Bồ-đề. Lại một loại đầu tiên là tổng quát, chín loại còn lại là riêng biệt, thuận theo giải thích có thể biết.

*Trong phần b là khuyến khích khắp nơi:* Đầu là nói kệ, sau là phạm vi của tiếng kệ.

Trong kệ, bốn kệ đầu ca ngợi về đức của Phật khó gặp, ba kệ tiếp trình bày về gặp được trở thành lợi ích thù thắng, một kệ sau cuối là kết luận khuyến khích phát khởi cúng dường.

*Trong phần c là Vương hoan hỷ nói kệ bày tỏ có hai:* Một là Vương nghe hoan hỷ; hai là kệ truyền tuyên bố sắc lệnh. Trong đó có ba: Đầu là một kệ đưa ra tuyên bố nói cho biết, tiếp là bảy kệ truyền lệnh trang nghiêm phân rõ về cúng dường thù thắng, sau cuối là một kệ khiến cho phát khởi ý niệm đến gặp Phật.

*Phần d cùng nhau đến gặp Phật có hai:* Một là Vương và quyến thuộc bên trong; hai là tám Bộ quyến thuộc bên ngoài.

*Trong phần hai là nghe kinh đạt được lợi ích, có ba:*

a) Trình bày về tên gọi của kinh, nghĩa là hành có thể hiện rõ quả, nêu ra quả chọn lấy nhân, cho nên nói là hiện rõ như nhau. Nếu thuận theo nghĩa này thì chỉ dựa vào nhân. Vả lại, Phật quy tụ ở Hội này tức là hiển bày về hiện tại, đây là chỉ riêng quả. Trong này, ba đời là ba hiện tại cho nên đã đầy đủ chín đời-mười đời. Không như vậy thì quá khứ-vị lai đã không có, làm sao nói là hiện tại? Đây là Nhất thừa Viên Giáo cho nên thâm nhiếp quyến thuộc mà thôi.

b) Đồng tử đạt được lợi ích, trong đó có hai: Một, đạt được Định là lợi ích thuộc về Tự lợi; hai, nói kệ là lợi ích thuộc về Hóa tha. Trong phần một có bốn Định: Một là bao gồm tất cả cảnh-pháp, hai là thâm nhiếp hòa vào với tâm, ba là hợp với pháp vô úy, bốn là Tuệ nhãn viên minh. Trong phần hai là Lợi tha có hai: Đầu là nói kệ, sau là đạt được lợi ích. Trong kệ có ba: Đầu là một kệ tổng quát, nghĩa là nửa kệ trước tụng về Pháp nhãn Định trước đây, nửa kệ sau tổng quát nêu ra do nhân mà thấy; tiếp là bảy kệ phân rõ về Bốn Sinh của Phật, nhờ Phật mà được thấy; sau cuối là hai kệ riêng biệt thấy chư Phật mà làm nhân tu của chúng sinh, đạt được lợi ích có thể biết.

c) Như Lai khen ngợi nói ra chín kệ, trong đó phân làm năm: Một là một kệ tổng quát khen ngợi Đồng tử, hai là hai kệ riêng biệt thọ ký về Chánh báo, ba là hai kệ riêng biệt thọ ký về Y quả, bốn là hai kệ khen ngợi về khổ hạnh ấy, năm là hai kệ tổng quát thọ ký về y-chánh.

Trong đoạn lớn thứ tư, thành tựu về hạnh thắng tiến có hai: Một, nêu rõ Phật làm duyên nương tựa cho hạnh. Trong đó, Phật trước diệt độ-Phật sau xuất hiện, bởi vì hành khác nhau-duyên riêng biệt. Báo mạng của Đồng tử vẫn còn, bởi vì hành nối tiếp nhau. Hai, dựa vào duyên thành tựu lợi ích của hành, trong đó có hai: Một là thấy Phật đạt được bốn Định làm bắt đầu của thắng tiến: 1) Niệm Phật, Địa Luận nói như Phật đã đạt được thì mình cũng sẽ đạt được là niệm Phật; 2) Tiến vào Phổ Môn cùng tận Hải tạng ấy; 3) Trí duy trì là chủ động chuyển, Trí pháp luân đang thành tựu là thụ động chuyển; 4) Pháp sâu xa cho nên tinh thần vui sướng. Hai là nghe kinh đạt được Định là cuối cùng của thắng tiến, tên gọi của kinh nghĩa là Pháp giới tự tánh thanh tịnh cho nên nói là Ly Cấu, đầy đủ Hằng sa công đức cho nên gọi là Trang Nghiêm. Kinh trước dựa vào Tướng của quả, trong này dựa theo Thể của quả, bởi vì Tự phân-thắng tiến dần dần sâu xa. Trong hai Định, đầu là dựa theo Tự lợi, sau là dựa theo Lợi tha.

Vả lại, trong này Đồng tử đạt được pháp là phần vị nào? Nghĩa dựa theo ý kinh trước-sau, có ba loại thành Phật: 1) Dựa theo phần vị dùng sáu tướng phương tiện, tức là sau phần Thắng tiến thuộc tâm cuối cùng của Thập Tín tiến vào phần vị thứ nhất của Thập Giải tức là thành Phật. Bởi vì đây là phần vị không lui sụt của Chung giáo Tam thừa, lấy sáu tướng dung hòa thâm nhiếp của Nhất thừa thì đầy đủ các phần vị đến Phật quả. Vì vậy trong này Đồng tử gặp Đức Phật thứ nhất là Tự phần của phần vị Tín, nghe kinh thứ nhất là Thắng tiến của phần vị Tín; gặp Đức Phật sau là Tự phần bắt đầu của phần vị Giải, nghe kinh sau là Thắng tiến bắt đầu của phần vị Giải. 2) Dựa theo hạnh toàn bộ không dựa vào phần vị, nhưng Tự phân-Thắng tiến cuối cùng vẫn đến Phật quả. 3) Dựa theo lý thì tất cả chúng sinh đều đã thành tựu, lại không mới thành, bởi vì tướng khác đều không còn, bởi vì tánh đức vốn đầy đủ, sau này sẽ có kết hội, nghĩa là Đồng tử ấy thì nay tên họ là như vậy, cũng sẽ có những sự việc như mặt đất rung động-mưa hoa, phương khác đến chứng minh và kết hợp nối thông mười phương cùng với kệ trùng tụng..., chỉ vì trải qua đến nay chưa hết cho nên chưa có.

Hỏi: Hội này đã hết, sao trong chúng có người không đạt được lợi ích?

Đáp: Tóm lược do bốn ý cho nên không có lợi ích riêng biệt: 1-Ở trong ba nghĩa trước đây, bởi vì hai nghĩa đầu cho nên nói về tướng lợi ích của Đồng tử, bởi vì một nghĩa sau cho nên trong chúng không có đạt được lợi ích riêng biệt. 2-Sư Quang Thống giải thích rằng: «Kinh này Đức Phật thuyết khi mới thành đạo, chỉ hiển bày về Thể pháp luân của Viên giáo Nhất thừa làm căn bản của các giáo, tướng lợi ích của các giáo vốn là lợi ích này cho nên không phân rõ.» 3-Nhưng giáo có hai loại: Một là thuyết giáo tùy theo cơ, thâm nhiếp pháp thuận theo cơ, cơ có tăng tiến tùy phần phân rõ về lợi ích ; hai là giáo tùy theo pháp, thâm nhiếp cơ cùng chung pháp, pháp không có thêm bớt cho nên không có lợi ích riêng biệt. 4-Kinh này giống như mặt trời mọc lên, trước tiên chiếu rọi núi cao, đã không có cơ Trung-Hạ, cho nên không có lợi ích tùy theo phần. Văn các Hội sau này đều dựa theo đây biết rõ. Giải thích Hội thứ nhất, xong.

